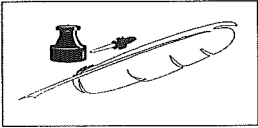


THÔNG LUẬN

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Vietnam Fraternité, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy-Saint Georges, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Adresse Web : <http://www.thongluan.org> - Directeur de publication: Nguyễn Văn Huy



ISSN 1145-9557 * Số 185 - Năm thứ 17, tháng 10-2004

Xã luận

MỘT NHIỆM KỲ MỚI CHO BUSH ?

Hơn một tháng trước ngày bầu cử tổng thống Mỹ, hai ứng cử viên Bush và Kerry vẫn còn rất nghiêng ngửa, đương kim tổng thống Bush hơi có phần thắng thế. Điều này có nghĩa là trừ một phép mầu hay một biến cố lớn đột ngột xảy tới, tổng thống Bush sẽ tái cử.

Trong lịch sử cận đại của nước Mỹ, một tổng thống đương nhiệm chỉ bị thất cử nếu gặp chống đối mạnh ngay trong nội bộ đảng mình ; Bush không gặp khó khăn này. Ngược lại, một ứng cử viên cũng chỉ có thể đánh bại một tổng thống đương nhiệm nếu dẫn trước khá lâu và khá xa trong hai cuộc thăm dò dư luận, đây không phải trường hợp của Kerry.

Thắng lợi của Kerry có thể có nhiều điểm lợi cho nước Mỹ : hòa giải được với châu Âu và đem lại một hình ảnh khá ái hơn cho nước Mỹ so với hình ảnh một nước Mỹ tự tin và ngạo mạn mà ê kíp Bush phần nào cũng đã đóng góp tạo ra. Cuộc chiến tại Iraq, ngay cả nếu là một việc phải làm và nên làm đi nữa thì cũng vẫn là một thất bại của tổng thống Bush. Quá nhiều sai lầm và vụng về đã khiến Mỹ gần như đang bị sa lầy. Một việc nên làm và phải làm cũng cần được thực hiện một cách thông minh. Kerry có nhiều hy vọng lôi kéo được sự ủng hộ của châu Âu và dư luận thế giới để giải quyết vấn đề Iraq. Ngược lại, mối nguy lớn nhất đối với Kerry là tính thiếu quyết tâm và kiên định của ông. Trong hai mươi năm ở Thượng viện Mỹ, ông đã thay đổi lập trường thường xuyên. Trong cuộc chiến Việt Nam, ông từng là một sĩ quan dũng cảm, rồi một người phản chiến, rồi lại

hành diện vì đã tham chiến. Tổng thống Bush tuy không được coi là xuất chúng nhưng có hai đặc tính mà người Mỹ rất đòi hỏi : trung thực và quyết tâm. Sự kiện các nhóm khủng bố và loạn quân gia tăng hoạt động một cách dữ dội trong thời gian gần sát ngày bầu cử với hy vọng làm Bush thất bại cũng chứng tỏ rằng họ sợ Bush hơn Kerry.

Trái với những cuộc tuyển cử tổng thống Mỹ trước đây, các vấn đề kinh tế xã hội đã không chiếm trọng tâm của cuộc tranh cãi. Đây là một sai lầm của Kerry bởi vì trên các vấn đề này thành tích của Bush không có gì đặc sắc.

Đối với Việt Nam, Bush và Kerry, đúng hơn là hai đảng Cộng Hòa và Dân Chủ, có hai thái độ khác nhau. Đảng Cộng Hòa chủ trương dùng áp lực, và trừng phạt nếu cần, để buộc Việt Nam phải tôn trọng nhân quyền và chuyển hóa về dân chủ, trong khi đảng Dân Chủ cho rằng cách hay nhất để Việt Nam chuyển hóa về dân chủ là gia tăng hợp tác. Bill Clinton đã thăm viếng Việt Nam một cách vui vẻ, Kerry đã chống lại dự luật về nhân quyền cho Việt Nam. Cùng một mục tiêu nhưng hai phương pháp khác nhau.

Nhưng dù Bush, như có thể dự đoán, hay Kerry, nếu một biến cố bất ngờ chợt xảy đến, Hoa Kỳ cũng vẫn là quốc gia dành cho nhân quyền trọng lượng lớn nhất trong chính sách ngoại giao, đặc biệt là chính sách đối với Việt Nam của họ. Vì thế người Việt, nhất là người Việt tại Mỹ, tùy quan điểm của mình có thể ưa thích một trong hai ứng cử viên nhưng cần ý thức rằng đây không thể là lý do để xung khắc nhau.

Thông Luận

VỀ CUỘC CHIẾN TRANH Ý THỨC HỆ CUỐI CÙNG

Nguyễn Gia Kiểng

Bạn tôi là một chuyên gia về thị trường chứng khoán, bà con ở Mỹ gọi là *stock*, bên Pháp gọi là *bourse*. Anh ta bực mình vì kinh tế thế giới từ đầu năm 2001 đến nay vẫn chưa phục hồi được, làm những *traders* lạc quan như anh ta lỗ nặng. Mỗi lần mua cổ phần là một lần hố. Thị trường chứng khoán cứ vừa bắt đầu lên lại tụt xuống ngay vì những lý do rất khác nhau : một công ty lớn bị truy tố, bị lỗ hay phải hạ thấp mục tiêu ; bão lớn trong vịnh Ba Tư ; khủng bố tại Iraq, Palestine, Indonesia... Anh ta cho rằng ngoài những bất ngờ về thời tiết có hai nguyên nhân chính, trên đó các lý luận thuần túy kinh tế không cho phép kết luận : khủng bố và dầu lửa.

Anh bạn có lẽ sẽ phải chờ đợi khá lâu. Thế giới đang sống một cuộc chiến tranh mới. Ê-kíp của tổng thống George W. Bush coi cuộc chiến chống khủng bố là thế chiến thứ 3 và chọn lựa duy nhất của Hoa Kỳ và thế giới văn minh là phải thắng. Người ta có thể đồng ý với kết luận dù không đồng ý với cách nhìn. Cuộc chiến này sẽ dai dẳng bởi vì nó là cuộc chiến tranh ý thức hệ cuối cùng của loài người. Cuộc chiến này khác hẳn những cuộc chiến trước đây. Không có hai quân lực chạm trán với nhau, sẽ không có thương thuyết và cũng sẽ không có ngày kết thúc.

Đây là cuộc kháng cự cuối cùng của Hồi giáo như một lực lượng thần quyền, chủ trương chính quyền phải được đặt dưới sự kiểm soát của một tôn giáo chính thức. Nhân sự nòng cốt của phe kháng chiến không đồng nhưng nó có chỗ dựa trên một phần đáng kể của khối tín đồ Hồi giáo trên một tỷ người. Sức mạnh căn bản của nó là sự tuyệt vọng, cho phép sử dụng bất cứ phương tiện nào đối với bất cứ ai. Thành ngữ Việt Nam có câu : "*thứ nhất sợ kẻ anh hùng, thứ nhì sợ kẻ khốn cùng liều thân*". Cái đáng sợ của những kẻ khốn cùng liều thân là ở chỗ họ không thể thất bại bởi vì họ đã thất bại rồi, cuộc chiến chỉ chấm dứt khi không còn chiến binh. Những thành phần khốn cùng này sẽ còn được bổ sung và hỗ trợ trong một thời gian khá dài.

Nếu ê-kíp Bush tiên liệu được tất cả những khó khăn của cuộc chiến tranh Iraq chưa chắc họ đã dám tiến quân đánh đổ Saddam Hussein. Đôi khi những tiên liệu sai đưa đến những quyết định đúng. Lịch sử thế giới không thiếu những trường hợp như vậy, và trường hợp Iraq là một.

Có ít nhất hai lý do, dù chỉ cần một trong hai lý do cũng đủ, để phải đánh đổ chế độ Saddam Hussein.

Lý do thứ nhất là không thể kéo dài các biện pháp phong tỏa kinh tế Iraq đã được áp dụng từ 1991 được nữa. Nó đã gây quá nhiều thiệt hại cho dân chúng Iraq. Đã đến lúc hoặc phải đánh đổ Saddam Hussein hoặc phải chấm dứt phong tỏa Iraq. Nhưng nếu được giải tỏa, Saddam Hussein với nguồn lợi dầu khí to lớn có thừa khả năng để tài trợ các tổ chức khủng bố, điều mà hầu như chắc chắn ông ta sẽ làm.

Lý do thứ hai còn nghiêm trọng hơn : nếu không thay đổi chế độ tại Iraq thì khó giữ được Saudi Arabia. Trái với một cảm nhận thông thường, Saudi Arabia không phải là một nước giàu mà là một nước nghèo, dù là nước có sản lượng và trữ lượng dầu khí lớn nhất thế giới. Lợi tức bình quân trên mỗi đầu người của nó chỉ là 9.000 USD mỗi năm, tương đương với các nước công sản cũ tại Đông Âu, bằng một nửa Do Thái và Đài Loan, thua khá xa Mã Lai. Đã thế, lợi tức quốc gia lại bị một nhóm rất nhỏ chung quanh gia đình nhà vua chiếm đoạt gần hết. Để duy trì quyền lực, chế độ Saudi Arabia dựa trên một giáo phái Hồi giáo cực kỳ thủ cựu, khuyến khích và nuôi dưỡng các phần tử cuồng tín để khỏi bị chống đối, cuối cùng trở thành con tin của chúng. Tổ chức Al Qaeda của Bin Laden, và chính bản thân Bin Laden, ra đời và mạnh lên tại nước này. Vào lúc Hoa Kỳ phát động cuộc tấn công Saddam Hussein, chính quyền Saudi Arabia đã rất nguy ngập, có thể rơi vào tay bọn khủng bố bất cứ lúc nào. Nếu Saudi Arabia sụp đổ thì nước Kuwait nhỏ bé, nằm kẹt giữa Iraq và Saudi Arabia, cũng sụp đổ theo luôn với hậu quả là quá phân nửa sản lượng và trữ lượng dầu khí thế giới lọt vào tay bọn khủng bố. Hậu quả cho an ninh và kinh tế thế giới sẽ rất kinh khủng. Chỉ có sự thiết lập một chế độ dân chủ thân phương Tây tại Iraq mới bảo đảm được sự ổn vững và sự chuyển hóa hòa bình của Saudi Arabia, Kuwait, và vùng Trung Đông nói chung, về dân chủ. Iraq cũng là nước giàu tài nguyên nhất và nhiều triển vọng nhất để xây dựng một chế độ dân chủ trong vùng. Việc loại trừ Saddam Hussein là một bất buộc chiến lược, chưa kể Saddam Hussein là một trong những bạo chúa hung tợn nhất thế giới.

Nhưng ê-kíp Bush có lẽ đã không tiên liệu được rằng khi đánh chiếm Iraq họ đồng thời cũng phát động cuộc thánh chiến cuối cùng của Hồi giáo. Rõ ràng là họ đã không dự đoán một sự chống trả dữ dội như người ta đang thấy.

Nói chung, không nhiều thì ít, mọi tôn giáo đều đã ra đời và tồn tại hoặc như một dụng cụ cầm quyền, hoặc để thay đổi xã hội và do đó ảnh hưởng lên quyền lực. Nhưng Hồi giáo, hơn nữa, còn *đồng hóa chính trị với tôn giáo*. Jesus Christ phân biệt Thượng Đế và Caesar. Thích Ca rời bỏ hoàng cung để tu đạo. Mohamet vừa là tướng cầm quân, vừa là vua lại vừa là giáo chủ. Sự phân biệt quyền lực và tôn giáo hoàn toàn không có trong Hồi giáo. Coran, cũng như Cựu Ước, vừa là kinh vừa là luật. Về điểm này Hồi giáo cũng hơi giống Do Thái giáo, nhưng nếu đạo Do Thái chỉ giới hạn trong một dân tộc thì Hồi giáo lại nhắm chính phục cả thế giới, và bằng bạo lực nếu cần. Hồi giáo coi người ngoại đạo là phản bội chủ trương thánh chiến và coi tử đạo như một điểm phúc. Khủng bố nằm trong truyền thống chiến tranh của Hồi giáo, từ ngữ *assassin* (thích

khách) có gốc từ Trung Đông.

Cho đến nay, các nhà sử học đều ngạc nhiên trước sự bành trướng nhanh chóng của Hồi giáo. Ra đời cuối thế kỷ thứ 7 tại sa mạc Arabia cằn cỗi, nghèo nàn, thưa dân và bán khai, Hồi giáo đã chỉ cần một thế kỷ để chiếm trọn vùng Trung Đông và lan tràn sang Ấn Độ và Trung Quốc. Sự bành trướng của Hồi giáo càng đáng ngạc nhiên vì nó đi song song với sự tan vỡ đẫm máu của chính Hồi giáo. Ba trong bốn vị giáo chủ kế vị Mohamet bị giết, Hồi giáo tan vỡ thành nhiều phe phái thẳng tay tàn sát lẫn nhau. Hồi giáo phát triển như một trái bom nổ tung tóe, như hình ảnh của hiện tượng Big Bang. Bí quyết thành công của nó là, một mặt, tạo ra được một sự liên đới giữa những tín đồ, có thể nói nó có một số đặc tính sơ khai của một chế độ bình đẳng và, mặt khác, quan trọng hơn, nó phát minh ra khái niệm tử đạo. Cho tới khi Hồi giáo xuất hiện, trong mọi quân đội trên thế giới những người lính cũng là những người tù trong tay các vua chúa, họ phải chiến đấu hoặc sẽ bị giết. Người lính Hồi giáo, trái lại, chiến đấu cho thượng đế Allah, chết trận là phúc lớn và sẽ được vào thiên đường hưởng lạc thú vĩnh cửu. Sự bành trướng của Hồi giáo là sự thành công của một công thức chiến tranh.

Hồi giáo đã quét sạch Thiên Chúa giáo tại Trung Đông, Bắc Phi, lấn chiếm sang cả Tây Âu và bẻ gãy tám đợt thập tự chinh. Kinh nghiệm cay đắng này đã khiến phương Tây sợ hãi Hồi giáo và trong nhiều thế kỷ không dám nghĩ đến chinh phục. Ngay cả khi tương quan lực lượng đã rất chênh lệch, người phương Tây trong các thế kỷ 16, 17, 18 và 19 đã chỉ phong tỏa khối Hồi giáo bằng cách làm chủ các đại dương. Chỉ từ cuối thế kỷ 19, sau khi đã thất bại chật vòng vây, họ mới dám chinh phục Trung Đông nhưng cũng chỉ chinh phục về mặt chính trị và kinh tế chứ không dám đụng tới Hồi giáo. Và lại lần này cuộc chinh phục không thể mang tính tôn giáo nữa, bởi vì lúc đó chính Thiên Chúa giáo cũng đã bị gạt ra khỏi chính trị rồi.

Mọi tôn giáo lớn dù là Phật giáo, Ấn Độ giáo hay Thiên Chúa giáo, dù tự nguyện hay bị bắt buộc, đều đã phải trải qua những xét lại quan trọng, đặc biệt là trong tương quan đối với chính trị, và đã chỉ tồn tại được sau khi triệt thoái khỏi chính quyền để trở thành một *chọn lựa cá nhân* trong nhiều chọn lựa khác. Sự xét lại của Thiên Chúa giáo đã rất đau nhức, *Thế Kỷ Ánh Sáng* (thế kỷ 18) đã chủ yếu là thế kỷ của những phản bác triết lý và tín điều Thiên Chúa giáo, kết thúc bằng một cuộc cách mạng đẫm máu trong đó cả giới quý tộc Pháp lẫn giáo hội Công giáo đều là nạn nhân, mặc dù trước đó Thiên Chúa giáo đã có những xét lại quan trọng.

Không thiếu những trí thức Hồi giáo nghĩ rằng Hồi giáo cũng cần một *Thế Kỷ Ánh Sáng* như Thiên Chúa giáo trước đây. Nhận xét này đúng - Hồi giáo không thể tồn tại như hiện nay - nhưng bỏ qua một yếu tố quan trọng là *Hồi giáo rất khó đổi mới*. Khác với thánh kinh Thiên Chúa giáo hay kinh của mọi tôn giáo khác, Coran không phải là tác phẩm của một vị chân tu đắc đạo, hay một vị thánh viết ra, hay lời Thượng Đế do một tiên tri nhớ lại và do đó có thể sai.

Coran là lời của chính Allah. Sửa đổi kinh Coran đồng nghĩa với phủ nhận Allah, phủ nhận Hồi giáo.

Và chính vì Hồi giáo không đổi mới được nên nó đã suy thoái một cách nhanh chóng. Nhiều nước Hồi giáo chỉ còn là Hồi giáo trên bề mặt, các chính quyền ngày càng ra khỏi tầm tay của các giáo sĩ. Một cách âm thầm nhưng liên tục và mãnh liệt Hồi giáo bị bỏ rơi bởi hai thành phần nền tảng : phụ nữ và nhất là tuổi trẻ. Một cách thách thức, nhiều phụ nữ, đối tượng khinh thường của Hồi giáo, đã được bầu làm thủ tướng, tổng thống tại các nước được coi là hoàn toàn theo Hồi giáo như Pakistan, Bangladesh, Thổ và Nam Dương. Văn hóa phương Tây xâm nhập nhanh chóng các nước Hồi giáo, không phải bằng quân sự mà bằng thông tin, phim ảnh, sách báo, âm nhạc, du lịch, nếp sống và thực phẩm. Sự suy thoái nhanh chóng của Hồi giáo có lẽ là biến cố văn hóa quan trọng nhất từ sau thế chiến II, cũng như sự sụp đổ của chủ nghĩa cộng sản đã là biến cố chính trị trọng đại nhất.

Không có gì khó hiểu nếu thiếu số Hồi giáo toàn nguyên cuồng tín phản ứng dữ dội, dù có hay không có cuộc xâm lăng Iraq của Hoa Kỳ và đồng minh. Đừng nên quên là cuộc khủng bố man rợ ngày 11-9-2001 đã xảy ra trước và đã là nguyên nhân chứ không phải hậu quả của cuộc tiến công của Hoa Kỳ vào Afghanistan và Iraq. Phản ứng của thiếu số tuyệt vọng này, do sự man rợ cực kỳ của nó, không làm chậm lại mà chỉ đẩy nhanh hơn sự suy sụp của Hồi giáo.

Nhưng Hồi giáo là một khối hơn một tỷ người. Sẽ còn những người cuồng tín và những cảm tử quân. Cuộc chiến này là cuộc chiến tranh ý thức hệ cuối cùng trước khi dân chủ thực sự trở thành một giá trị và một trật tự chung của cả thế giới. Đây là cuộc chiến giữa một ý thức hệ dân chủ thế quyền đang trở thành mẫu số chung của nhân loại và một ý thức hệ thần quyền chuyên chính đã bị từ khước nhưng không chấp nhận bị đào thải. Nó sẽ kéo dài và sẽ giảm dần cường độ chứ không có một ngày kết thúc rõ rệt. Thế giới sẽ phải thích nghi và sống với khủng bố, như đã thích nghi và sống với chiến tranh lạnh trước đây.

Anh bạn chuyên gia kinh tế của tôi sẽ phải kiên nhẫn, nhưng cũng nên bình tĩnh. Đừng quên rằng kinh tế thế giới vẫn phát triển và thế giới vẫn tiếp tục tiến lên một cách khả quan trong thời kỳ chiến tranh lạnh.

Nếu liêu lĩnh mà dự đoán tương lai thì người ta có thể nghĩ rằng Iraq sẽ tương đối ổn định trong vòng một năm nữa. Tương đối ổn định có nghĩa là "chỉ còn" trung bình một vụ khủng bố mỗi tuần. Những hoạt động khủng bố như đánh bom, bắt cóc sẽ vẫn tiếp tục ở nhiều nơi. Trong ít nhất một thập niên nữa, hòa bình phải được hiểu là chỉ có một vài vụ khủng bố mỗi tháng trên thế giới.

Nguyễn Gia Kiểng

Tìm đọc Thông Luận và nhiều tiết mục khác trên internet :
<http://www.thongluan.org>

VỤ T4 - NGUYỄN NAM KHÁNH CÒN GAY GO

LTS : Sau đây là nguyên văn thư mới nhất của thượng tướng Nguyễn Nam Khánh gửi các cấp lãnh đạo Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tựa đề là của Thông Luận.

Trước đây ngày 17-6-2004, tướng Nguyễn Nam Khánh cũng đã gửi một thư cho các cấp lãnh đạo đảng tổ giác tướng Lê Đức Anh khai gian lý lịch và Tổng Cục 2 lộng hành, bịa đặt ra một điệp viên ma mang mã số T4 nói là do Tổng Cục 2 gài vào cơ quan trung ương tình báo CIA của Mỹ và mượn tay điệp viên ma T4 để vu cáo nhiều cấp lãnh đạo đảng cộng sản có liên hệ với CIA.

Ông Nguyễn Nam Khánh cũng mô tả Lê Đức Anh như một người gian trá, vô đạo đức và cũng nhắc lại nhiều vụ trước đây như vụ Siem Reap (trong đó Lê Đức Anh đã bách hại oan một số cán bộ cộng sản Campuchia) và vụ Sáu Sứ (trong đó Lê Đức Anh, qua Tổng Cục 2, đã bịa ra nhân vật Nguyễn Thị Sứ để vu cáo hai ông Võ Nguyên Giáp và Trần Văn Trà âm mưu nắm quyền trong đảng, nếu cần ám sát Lê Đức Anh). Ông Nguyễn Nam Khánh đòi trừng trị Lê Đức Anh và những người lãnh đạo Tổng Cục 2, nhất là trung tướng Đặng Vũ Chính và thiếu tướng Nguyễn Chí Vịnh.

Trong thư này, ông Nguyễn Nam Khánh thuật cuộc gặp gỡ giữa ông và ông Phan Diễn, thay mặt bộ chính trị để trả lời ông sau thư ngày 17-6 của ông.

Người ta có thể lưu ý là ông Nguyễn Nam Khánh không gửi lá thư này cũng như thư ngày 17-6-2004 cho một cấp lãnh đạo nhà nước nào. Như vậy, trên nguyên tắc, đây chỉ là một vấn đề nội bộ của Đảng Cộng Sản Việt Nam.

Trong tình thần ấy, người ta có thể ngạc nhiên về lời lẽ của ông Phan Diễn và ông Nguyễn Nam Khánh. Đã là một vấn đề nội bộ của đảng cộng sản thì cùng lắm đảng cộng sản có thể áp dụng các biện pháp kỷ luật nội bộ. Muốn đưa ra pháp luật thì những người cảm thấy bị thiệt hại về danh dự và quyền lợi phải làm đơn khởi tố trước tòa.

Ở đây, ông Phan Diễn đã tuyên bố : "Bộ chính trị đã giao cho cơ quan pháp luật truy tố, đưa ra xét xử bốn người: Chấp, Nguyên, Vinh, Diệu Hà từ 5 năm tù trở lên". Thật là lộng hành và coi thường pháp luật. Đây là cơ quan lãnh đạo một đảng ra lệnh cho ngành pháp lý và quyết định trước bản án.

Ông Diễn còn tuyên bố một câu động trời khác : "Bộ chính trị đã giao cho thường vụ quốc hội xem lại pháp lệnh tình báo". Bộ chính trị đảng cộng sản công khai coi quốc hội như một cơ quan cấp dưới của mình, trong khi theo hiến pháp hiện nay thì quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất. Trong thực tế ai cũng biết quốc hội chỉ là cơ quan bù nhìn do đảng cộng sản khống chế, nhưng ít ra ông Phan Diễn, nhân vật số 2 trong đảng và có nhiều triển vọng nắm vai trò quan trọng hơn nữa trong tương lai, cũng cần tôn trọng một vài hình thức.

Ông Nguyễn Nam Khánh cũng có cùng một não trạng như ông Phan Diễn. Ông lẫn lộn một số nhân vật cao cấp của đảng cộng sản bị vu oan trong nội bộ với nhân dân,

thậm chí với tổ quốc. Cùng một tâm lý coi đảng là tất cả.

Theo lời tường thuật của ông Nguyễn Nam Khánh thì bộ chính trị đảng cộng sản đã quyết định trừng trị bốn người vô danh, vấn đề Tổng Cục 2 sẽ xét sau, các vấn đề đặt ra với tướng Lê Đức Anh sẽ bị bỏ qua. Đây là một quyết định cho chìm xuống.

Dĩ nhiên ông Nguyễn Nam Khánh và các bạn ông không chấp nhận giải pháp này và sẽ còn tiếp tục tranh đấu. Những ai theo dõi tình hình Việt Nam đều có thể thấy là ông Nguyễn Nam Khánh không đơn độc, ông là phát ngôn viên của một nhóm người trong đảng, gồm nhiều tướng lãnh cao cấp về hưu và nhiều cấp lãnh đạo khác đã về hưu hoặc còn tại chức. Không thể loại trừ khả năng chính các ông Phan Diễn, Phan Văn Khải, Nguyễn Minh Triết, Trương Quang Được, v.v. cũng hỗ trợ nhóm ông Khánh ở một mức độ nào đó. Họ sẽ làm được gì còn là một câu hỏi.

Chắc chắn phe Lê Đức Anh, cầm quyền trong đảng từ hơn 40 năm nay sẽ bị suy yếu hơn nữa sau vụ này, nhưng suy yếu tới mức nào ? Trong số 14 thành viên bộ chính trị, họ có ít nhất 5 người giữ những chức vụ then chốt : Trần Đức Lương (chủ tịch nước), Phạm Văn Trà (quốc phòng), Lê Hồng Anh (công an), Trần Đình Hoan (tổ chức) và Nguyễn Khoa Đăng (chủ trương, đường lối). Chín người còn lại không gắn bó với nhau nên sẽ khó làm gì được họ, ngay cả nếu muốn.

Cuộc tranh chấp này sẽ chẳng có ý nghĩa gì nếu nó chỉ là tranh chấp giữa hai nhóm có danh phận trong đảng. Việc người này hay người nọ bị vu oan không có gì là lạ dưới chế độ cộng sản. Ông Giáp tuy bị hàm oan cũng không mất lon đại tướng với những quyền lợi của một đại tướng, cựu ủy viên bộ chính trị. Rất nhiều người không may như : Phạm Quế Dương, Nguyễn Vũ Bình, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Khắc Toàn, Lê Chí Quang, không những chỉ bị vu cáo mà còn bị tù. Đó là chỉ kể những người xuất phát từ đảng và nhà nước cộng sản. Còn biết bao nhiêu người xấu số hơn nữa. Có cả những người đã bị tù hàng chục năm chỉ vì bị công an xã, công an huyện vu cáo, nhiều người đã chết.

Nếu những cấp lãnh đạo đảng cộng sản bị vu cáo chỉ đòi công lý cho họ với mục đích làm sạch đảng, họ sẽ mau chóng trở thành lỗ bịch trước quần chúng Việt Nam và dư luận thế giới. Đối với nhân dân Việt Nam, vấn đề đau nhức vẫn là bị đàn áp và khống chế, còn bị khống chế bởi ông Lê Đức Anh, ông Phan Diễn hay ông Nguyễn Nam Khánh chỉ có một giá trị rất tương đối.

Ông Nguyễn Nam Khánh và các bạn ông chỉ xứng đáng được kính trọng, và cũng chỉ có hy vọng được hỗ trợ để thành công, nếu cùng với việc đòi hỏi công lý cho họ, họ cũng đòi hỏi công lý cho nhân dân Việt Nam. Nói cách khác, nếu cuộc tranh đấu của họ nằm trong khuôn khổ cuộc vận động dân chủ hóa đất nước. Mong rằng họ sẽ tỏ ra sáng suốt.

Thông Luận

Ngày 15 tháng 7 năm 2004

Kính gửi : Ban chấp hành trung ương, đồng chí tổng bí thư và các ủy viên bộ chính trị, ủy viên ban bí thư, ủy ban kiểm tra trung ương, ban nội chính, ban bảo vệ chính trị nội bộ trung ương, đồng chí chủ nhiệm ủy ban kiểm tra khóa 7, khóa 8.

Hồi 16 giờ 30' ngày 8-7-2004, đồng chí Phan Diễn, ủy viên bộ chính trị, ủy viên thường trực ban bí thư có mời tôi đến gặp, tại phòng làm việc của đồng chí Phan Diễn (số 4 Nguyễn Cảnh Chân). Dự họp có đồng chí Thọ, ủy viên trung ương, trưởng ban bảo vệ chính trị nội bộ.

Do tính chất quan trọng của cuộc gặp và theo đúng Điều lệ Đảng về quyền hạn của đảng viên, tôi viết thư này kính gửi các đồng chí. Trước hết tôi nêu lại các ý kiến của đồng chí Phan Diễn và ý kiến của tôi về những việc liên quan đến vụ T4 đã phát biểu trong cuộc họp đó.

I. Ý kiến của đồng chí Phan Diễn

Tôi (đồng chí Phan Diễn) và đồng chí tổng bí thư đã nhận được văn bản của các đồng chí về vụ T4.

Tôi (đồng chí Phan Diễn) đồng ý một số nội dung trong văn bản của đồng chí.

- Vụ T4 là một vụ án chính trị nghiêm trọng. Bộ chính trị đã tổ chức ban kiểm tra liên ngành để xem xét. Ban kiểm tra liên ngành đã đề nghị bộ chính trị và bộ chính trị đã xác định là vụ án chính trị nghiêm trọng. Bộ chính trị đã giao cho cơ quan pháp luật truy tố, đưa ra xử 4 người : Cháp, Nguyễn, Vinh, Diệu Hà từ 5 năm-tù trở lên, đã giao cho Đảng ủy quân sự trung ương xem xét các đồng chí lãnh đạo, chỉ huy Tổng cục II. Đảng ủy quân sự trung ương đã báo cáo lên bộ chính trị và bộ chính trị đang xem xét.

- Tôi (đồng chí Phan Diễn) đồng ý với đồng chí (Nguyễn Nam Khánh) trong pháp lệnh tình báo và nghị định 96/CP về tình báo quân sự có nhiều nội dung sai phạm, bộ chính trị đã giao cho thường vụ quốc hội xem lại pháp lệnh tình báo và giao cho văn phòng chính phủ xem lại nghị định 96/CP. Đồng thời đã chỉ thị cho bộ quốc phòng hướng dẫn cho Tổng cục II xác định một số quy định và chỉ thị cho Tổng cục II không được theo dõi nội bộ.

- Sẽ cho kiểm tra, xem xét Tổng cục II từ tổ chức, nguyên tắc, thủ tục hoạt động. Việc này phải mất một thời gian.

- T4 là một vụ án nghiêm trọng nhưng bộ chính trị phải chọn vấn đề gì trực tiếp ảnh hưởng đến nội bộ Đảng, Nhà nước, quân đội mới làm, báo cáo cho bộ chính trị rõ chứ không báo cáo cho trung ương, có việc không nói cụ thể cho trung ương và không thảo luận.

Trong văn bản của đồng chí có đề cập đến sự liên quan của một số đồng chí lãnh đạo trước đây. Vì đã lâu rồi và không ảnh hưởng trực tiếp đến nội bộ Đảng hiện nay nên không làm. Vì đưa ra vấn đề này, sẽ tranh cãi rồi không kết luận được, sẽ làm cho tình hình phức tạp thêm.

Trong vụ T4, có ý kiến anh Giáp, anh Mân, anh và một vài đồng chí nữa, nhưng bộ chính trị không báo cáo ý kiến của các anh với ban chấp hành trung ương, ngay cả ý kiến

anh Phiêu cũng không báo cáo với ban chấp hành trung ương. ý kiến đề nghị có rất nhiều ý kiến khác nhau. Nếu đã đưa là đưa hết thì ban chấp hành trung ương khó khăn trong việc xem xét, và không thể kết luận được, làm cho nội bộ phức tạp thêm.

- Các vấn đề mà đồng chí nêu trong bản tài liệu gửi bộ chính trị thì nhiều, có cái thuộc số người nói trên (ý nói là của Nguyễn, Cháp, Vinh, Đặng Diệu Hà), không chính thức của Tổng cục II, có cái của chỉ huy Tổng cục II. Tôi biết, trong số bản tin này, Tổng cục II có đoạn đưa ra 10 bản tin có ký tên, một số không ký tên. Như vậy là thuộc về tài liệu mật và tài liệu không phổ biến. Nếu tài liệu này lộ ra ngoài, kẻ địch sẽ lợi dụng phá hoại Đảng. Nên tôi phê bình đồng chí là không tuân thủ nguyên tắc giữ bí mật tài liệu.

II. Ý kiến của tôi (Nguyễn Nam Khánh)

Trước hết, tôi (Nguyễn Nam Khánh) cảm ơn bộ chính trị, ban bí thư đã cho tôi biết ý kiến của bộ chính trị và ban bí thư về văn bản của tôi gửi ban chấp hành trung ương, bộ chính trị, ban bí thư, ủy ban kiểm tra và các cơ quan chức năng. Sau đây tôi xin nói rõ ý kiến của tôi về các ý kiến của bộ chính trị và ban bí thư mà đồng chí vừa nêu lên.

1. Tôi đồng ý ý kiến nói rằng các nội dung trong văn bản của tôi nêu ra mà địch biết, địch có thể lợi dụng. Nên tôi đề nghị gặp đồng chí tổng bí thư để trực tiếp nói rõ vụ T4 với đồng chí tổng bí thư, tôi chờ hơn một tháng nhưng không thấy đồng chí tổng bí thư trả lời lúc nào gặp được. Những sự thật mà tôi nêu ra chỉ gửi trung ương, bộ chính trị, ban bí thư và các cơ quan chức năng. Tôi biết tại hội nghị trung ương lần thứ 10 (khóa 9), bộ chính trị sẽ báo cáo với trung ương vấn đề T4. Như tôi đã viết trong văn bản : "Với tầm quan trọng của vấn đề và theo đúng Điều lệ Đảng, tôi đã viết thư gửi cho ban chấp hành trung ương, bộ chính trị, ban bí thư, ủy ban kiểm tra trung ương và cơ quan chức năng". Tôi trực tiếp niêm phong mang đến văn phòng trung ương nhờ văn phòng trung ương chuyển và ngoài bì tôi ghi rõ : "Chỉ người có tên mới được bóc". Như vậy là hết sức cẩn thận về bảo mật. Tôi gửi cho trung ương, bộ chính trị, ban bí thư, cơ quan chức năng, chứ không gửi cho địch. Nếu làm lộ tài liệu là do về các đồng chí nhận tài liệu, chứ tôi không làm lộ.

Việc tôi làm vừa qua là đúng nguyên tắc, đúng Điều lệ : "Đảng viên được phê bình, chất vấn về hoạt động của tổ chức Đảng và đảng viên ở mọi cấp trong phạm vi tổ chức, báo cáo kiến nghị với cơ quan có trách nhiệm và yêu cầu được trả lời".

Tôi không đồng ý ý kiến đồng chí phê bình tôi là sai nguyên tắc giữ bí mật tài liệu nội bộ. Đảng viên có quyền kiến nghị, đề nghị tới lãnh đạo các cấp, đến bộ chính trị, đến ban chấp hành trung ương, đến đại hội toàn quốc.

2. Tôi đồng ý là bộ chính trị, ban bí thư có quyền lựa chọn vấn đề để giải quyết. Nhưng lựa chọn vấn đề gì để giải quyết là trên nguyên tắc bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ. Không phải trên nguyên tắc cơ hội, hữu khuynh.

Trong văn bản của tôi gửi trung ương, bộ chính trị, ban bí thư, ủy ban kiểm tra, các cơ quan chức năng, tôi nêu cả vấn đề T4 và chấn chỉnh Tổng cục II, một ít đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng vừa qua có liên quan đến Tổng cục II và T4, mục đích là để bảo vệ Đảng, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ chế độ. Vì nếu không làm rõ vụ T4, những người chỉ huy Tổng cục II hiện nay và người lãnh đạo cấp cao liên quan đến T4 và Tổng cục II thì sẽ ảnh hưởng đến Đại hội 10, ảnh hưởng trực tiếp đến lựa chọn nhân sự cho Đại hội 10 và về sau nữa.

3. Vụ T4 với những bản tin vu khống của nó không chỉ do một nhóm người : Chắp, Nguyễn, Vinh, Đặng Diệu Hà làm mà có sự chỉ đạo của chỉ huy Tổng cục II. Như vụ vu khống đồng chí Phạm Chánh Trực, Nguyễn Văn Thắng (thường vụ quận ủy quận 6 - TPHCM), những đề nghị lập chuyên án người này, người kia là CIA đâu phải do Chắp, Nguyễn, Vinh, Diệu Hà đưa ra mà do lãnh đạo, chỉ huy Tổng cục II hiện nay (Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh), 255 bản tin dù có ký hay không đều do chỉ huy Tổng cục II gửi lên lãnh đạo cấp cao. Không phải do Chắp, Nguyễn, Vinh, Diệu Hà gửi. Cho nên không chỉ đưa ra 4 người : Chắp, Nguyễn, Vinh, Diệu Hà xử trước pháp luật, còn số chỉ huy, lãnh đạo Tổng cục II hiện nay (Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh) xử lý nội bộ là không đúng.

4. Trong vấn đề dân chủ nội bộ, phi xuất phát từ động cơ quan điểm đúng, là vì lợi ích xây dựng và bảo vệ Đảng thì mới đi đến nhất trí ; nếu vì động cơ cá nhân : "Phê bình dả kích cấp trên hoặc răn đe khống chế Đảng viên" thì không giải quyết được. Theo tôi, lãnh đạo cùng với Đảng viên bàn bạc dân chủ thì công việc mới kết quả.

Tôi cảm ơn đồng chí đã nghe tôi phát biểu.

III. Đồng chí Phan Diễn có ý kiến trở lại

Cũng cho tôi cảm ơn đồng chí đã có ý kiến trở lại về các ý kiến của bộ chính trị và ban bí thư. Đến đây kết thúc cuộc gặp giữa tôi và đồng chí Phan Diễn.

Đồng chí Thọ ra trước. Tôi ra sau, bắt tay đồng chí Phan Diễn và nói thêm : "Nếu các đồng chí không gửi tài liệu của tôi đến ban chấp hành trung ương khóa 9 thì tôi có quyền và tôi có cách đến Hội nghị trung ương lần 10, khóa 9 hoặc Hội nghị trung ương sau đó để trao văn bản rồi ra về". Đồng chí Phan Diễn nói lại : "Làm thế thì phức tạp quá".

Thưa các đồng chí,

Tôi ghi lại những ý kiến chính liên quan đến vụ T4 trong cuộc gặp với đồng chí Phan Diễn, thay mặt bộ chính trị và ban bí thư gặp tôi và tôi đề nghị mấy ý kiến :

1. Theo Điều lệ Đảng và quyền hạn của đảng viên, tôi có quyền gửi kiến nghị, chất vấn đến trung ương và đại hội đại biểu Đảng là cơ quan lãnh đạo cao nhất Đảng. Tôi làm việc này trong tổ chức. Tôi làm đúng nguyên tắc. Tôi có nghe nói khi báo cáo với trung ương có đồng chí nói đã phân tích với tôi là tôi vi phạm nguyên tắc. Tôi đã trả lời đồng chí Phan Diễn : "Tôi không vi phạm nguyên tắc. Tôi làm theo đúng Điều lệ Đảng. Tôi khẳng định một lần nữa

như vậy".

2. Như tôi đã phát biểu khi tôi còn làm nhiệm vụ ủy viên trung ương rằng : ban chấp hành trung ương bầu ra bộ chính trị, bộ chính trị không được đặt mình cao hơn trung ương, ban chấp hành trung ương bầu ra bộ chính trị, kiểm tra và giám sát bộ chính trị. Bộ chính trị phải báo cáo với trung ương các công việc xây dựng, củng cố Đảng, những vấn đề nội bộ Đảng, liên quan đến sự nghiệp bảo vệ Đảng, Nhà nước, chế độ. Cho nên một lần nữa, yêu cầu bộ chính trị gửi toàn văn bản của tôi đến trung ương. Vấn đề T4, các vấn đề của lãnh đạo, chỉ huy Tổng cục II rất nghiêm trọng, có hệ thống, rất nguy hiểm, liên quan đến sự trong sạch vững mạnh của Đảng, hạnh phúc của dân tộc nói chung và của các đảng viên là nạn nhân của sự vu khống chính trị của lãnh đạo Tổng cục II hiện nay. Không phải chỉ là của nhóm 4 người : Chắp, Nguyễn, Vinh, Diệu Hà .

Kể từ vụ Sáu Sứ (1991), các vụ án dựng lên có bài bản, công phu đã gây hậu quả rất nghiêm trọng. Vụ Sáu Sứ, khóa 6 bàn giao cho khóa 7. Khóa 7 không làm. Khóa 8 bị ngăn cản, nên các người lãnh đạo Tổng cục II hiện nay lại tiếp tục gây ra các vụ án chính trị nghiêm trọng tiếp theo cho đến Đại hội 9.

Những tài liệu về vụ Sáu Sứ, các vụ liên quan đến Tổng cục II : vụ Ngọc sọ nã, vụ người của Tổng cục II đưa lên mạng nói xấu lãnh đạo cấp cao của Đảng, vụ tên Vinh bán kế hoạch phòng thủ bầu trời cho địch, tên Kê làm parabol để ăn cắp tiền, vụ đưa ảnh và tài liệu vu khống đồng chí Lê Khả Phiêu trước Đại hội 9, v.v... là những tài liệu về những kẻ phạm tội. Đó không có gì là bí mật với trung ương, với ủy ban kiểm tra các khóa liên quan, với các đồng chí nguyên ủy viên bộ chính trị, nguyên ủy viên ban bí thư các khóa. Giấu giếm, ngăn cản, không làm rõ sự thật của tội phạm là phạm pháp, vi phạm đường lối, bản chất, truyền thống, và Điều lệ Đảng. Phát hiện kẻ tội phạm là có công. Vì có hiện tượng bao che, bịt kín sự thật về những tội phạm nghiêm trọng cho nên tôi phải làm rõ với trung ương, ủy ban kiểm tra, các cơ quan chức năng và rồi đây báo cáo với các đồng chí nguyên ủy viên bộ chính trị, nguyên ủy viên ban bí thư các khóa. Vũ Chính và Nguyễn Chí Vịnh là những kẻ đồng chủ mưu các vụ vu khống của lãnh đạo hiện nay của Tổng cục II. Phải đưa ra pháp luật. Vũ Chính và Nguyễn Chí Vịnh không phải là người có công trong vụ "khủng bố Võ Thị Thắng".

Quan điểm của Đảng là thi hành pháp luật, không trừ một ai dù người đó ở cương vị gì, dù tuổi tác bao nhiêu, dù trước đây đã giữ những chức vụ nào. Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, dưới sự chỉ đạo của các đồng chí thế hệ trước, Cục II đã có một đóng góp. Nhưng từ ngày Tư Văn, Vũ Chính nắm Cục 12 và Tổng cục II thì một bộ phận quan trọng Tổng cục II đã trở thành một công cụ vu khống chính trị. Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh đã phản bội lại truyền thống Tổng cục II.

3. Ủy ban kiểm tra trung ương là do trung ương bầu ra, ủy ban kiểm tra trung ương có trách nhiệm độc lập của mình, phải kiên quyết, trung thực, dũng cảm vạch ra sự thật, vạch ra tội phạm. Nếu có điều gì ủy ban kiểm tra

không thống nhất với bộ chính trị thì có quyền báo cáo với ban chấp hành trung ương.

4. Trong các đồng chí nguyên ủy viên bộ chính trị, nguyên ủy viên ban bí thư, nguyên phó thủ tướng có thể có ý kiến khác nhau về một số vấn đề. Điều đó hoàn toàn dễ hiểu. Trong các đồng chí ấy có ba loại ý kiến : một số thấy rõ sâu sắc sự nghiêm trọng và thật nguy hiểm có hệ thống của các người lãnh đạo Tổng cục II hiện nay ; có người bao che muốn giấu sự thật ; một số người chưa rõ. Cho nên phải có thảo luận, tranh luận, song phẳng, thật sự dân chủ phân biệt đúng sai trong các đồng chí ấy. Bộ chính trị cần lắng nghe tất cả, phân biệt đúng sai trên quan điểm của Đảng, chứ không vì lý do có những ý kiến khác nhau mà xếp lại những vụ việc nghiêm trọng. Trung thực mà nói, ngay trong số đồng chí nguyên ủy viên bộ chính trị, nguyên ủy viên ban bí thư, cũng có người, cá biệt dính líu đến các vụ của lãnh đạo Tổng cục II hiện nay.

Xếp lại những vụ việc nghiêm trọng liên quan đến việc xây dựng chính đốn Đảng trong sạch, vững mạnh là thiếu trách nhiệm chính trị đối với Đảng, nhân dân, Tổ quốc, thiếu trách nhiệm với những đồng chí bị vu khống chính trị. Lịch sử của dân tộc và của Đảng đã chứng minh rằng : không ai có thể che giấu và bịt kín được sự thật. Sự thật sẽ tự mở đường mà đi.

Xin chúc các đồng chí sức khoẻ, làm đúng tinh thần của Đảng : kiên quyết làm đúng pháp luật, không trừ một ai. Xin chân thành cảm ơn.

Thượng tướng Nguyễn Nam Khánh

Nguyên ủy viên trung ương khóa 5, khóa 6, khóa 7
Nguyên phó chủ nhiệm Tổng cục Chính trị

Nguyệt san
THÔNG LUẬN

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
Giá bán tại châu Âu : 35 EUR/năm

Đặt mua báo dài hạn hoặc góp ý, xin liên lạc :

Tại Pháp : Thông Luận, 7 allée Bouleau Carreau, 77600 Bussy Saint Georges. Ngân phiếu xin đề : *Vietnam Fraternité*.

Tại Đức : Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main. Xin chuyển vào trương mục của ngân hàng Frankfurt Volksbank e G : *Thanh Luong Nguyen*, Konto nr : 0077708294 - Bankleitzahl : 50190000.

Tại Hòa Lan : Trần Bá Thành, Braamlanden 76, 7542 CJ Enschede. Xin chuyển vào trương mục : Giro nr. 6234112 của *Stichting mensenrechten voor VietNam* (Hội Bảo Trợ Nhân Quyền Việt Nam).

Tại Anh : Đoàn Xuân Kiên, 74 Swaffield Road, London SW18 3AE. Giá báo một năm là 25 £. Ngân phiếu xin đề : *Vietnamese Centre* (báo Thông Luận).

Tại Hoa Kỳ : Thong Luan, P.O.Box 51682, San Jose, CA 95151. Giá một năm báo là 45 USD. Ngân phiếu xin đề : *Nguyen Ngoc Oanh* (báo Thông Luận).

Tại Úc : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl - NSW 2196. Giá báo một năm là 65 AUD. Ngân phiếu xin đề : *Thu S. Duong* (báo Thông Luận).

Đã tái bản

TỔ QUỐC ĂN NĂN

của

NGUYỄN GIA KIẾNG

Có sửa chữa và bổ túc, thêm lời tựa cho lần in thứ hai.

Liên lạc :

Nguyễn Gia Kiểng - 11 Mail Le Corbusier,
77185 Lognes, France - Email : kqhh@aol.com

Giá bán (đã kể cước phí bưu điện) :

- Tại châu Âu : 30 Euro, chi phiếu xin đề : **Nguyễn Gia Kiểng**, và gửi về địa chỉ như trên.

- Tại Hoa Kỳ : 35 USD, chi phiếu xin đề : **Nguyen Ngoc Oanh**, và gửi về địa chỉ : Thong Luan, P.O. Box 51682, San Jose, CA 95151, USA.

- Tại Úc : 50 AUD, chi phiếu xin đề : **Thu S. Duong**, và gửi về địa chỉ : Sơn Dương, 3/118 Rosmore Avenue, Punchbowl, NSW 2196, Australia.

Có bán tại nhà sách **KHAI TRÍ**, 93 avenue d'Ivry, 75013 Paris. ĐT : 01 45.82.12.40 - 01.45.82.95.81

Tổ Quốc Ăn Năn đã là cuốn sách chính luận gây thảo luận sôi nổi nhất trong ba năm qua ở cả trong lẫn ngoài nước.

[...] *Cuộc tái xét toàn bộ, bao gồm suốt dòng lịch sử Việt Nam. Đây là một lối tiếp cận mới, rất hiệu nghiệm, theo nghĩa "powerful" của giới khoa-kỹ Mỹ.*

Tôn Thất Thiện

[...] *Một cuộc phản biện to lớn và toàn diện.*

Trần Độ

[...] *Cuốn sách chính luận hay nhất từ xưa đến nay.*

Đặng Phúc Lai

[...] *Đó là một cuốn sách phải đọc. Khẩn cấp.*

Trần Công Sung

[...] *Một khối lượng kiến thức khổng lồ, những triết lý thực tiễn sâu sắc, văn phong trong sáng, khúc chiết thể hiện trong toàn bộ tác phẩm.*

Nguyễn Vũ Bình

[...] *Liệu sau khi quý vị đọc xong cuốn sách này thì "tổ quốc sẽ hồi sinh, sẽ mạnh và đẹp" hay không tôi không bảo đảm. Nhưng có lẽ nửa thế kỷ nay tôi mới nghe có một người Việt Nam viết đến hai chữ Tổ Quốc, đến tình yêu nước, với tâm lòng tha thiết chân thành như Nguyễn Gia Kiểng.*

Vương Hữu Bột

Tìm đọc Thông Luận
và nhiều tiết mục khác trên internet :
<http://www.thongluan.org>

ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG THÔNG LUẬN

Vụ án ly kỳ trong cung đình Hà Nội :

THẾ CÂN BẰNG ĐỘNG GIỮA HAI ĐỐI THỦ

Bài Tin

*** So sánh thế và lực * Quả bóng trở lại chân bộ chính trị * Kẻ tước đoạt tự do không có tự do * Không phải chuyện cá nhân, phe phái, là sự sống còn của đảng cộng sản * Căm u, sự tan rã của đảng là cầm chắc ! ***

Vụ án ly kỳ Tổng Cục 2 và T4 đang được bàn tán khá nhiều trong nước, nhưng vẫn còn bị bưng bít và ngăn chặn sự loan truyền ; nó vẫn còn có nguy cơ bị bóp nghẹt. Ở ngoài nước, vụ án còn xa lạ trong công luận quốc tế.

So sánh lực lượng của hai bên đối lập hiện nay ra sao?

Thật ra nhóm tội phạm trong vụ này không nhiều ; bị tố cáo rõ tên và tội danh, có Lê Đức Anh, Đặng Vũ Chính, Nguyễn Chí Vịnh, Đặng Đình Loan. Tội danh là : "dùng Tổng Cục 2 để vu cáo, phá hoại nghiêm trọng đảng và nhà nước". Số này đã thất thế, không còn chức quyền nào, đã bị "cảnh cáo nghiêm khắc" trong nội bộ đảng và nghỉ hưu, nhưng vẫn táo tợn, hung hãn, do còn dựa được vào một số kẻ đương quyền. Nếu đem ra xét xử thì bọn tòng phạm chắc cũng không nhiều.

Tình hình gay go là do bộ chính trị tuy đa số không bênh vực và ủng hộ Lê Đức Anh, không thể không thừa nhận tướng Giáp có lẽ phải, có lý đúng, nhưng tất cả đều run sợ đưa ra công khai trước công luận.

Số người trong bộ chính trị kiên quyết bảo vệ Lê Đức Anh, theo thứ tự mạnh mẽ, chỉ có : Phạm Văn Trà, bộ trưởng quốc phòng, do Lê Đức Anh đưa lên, trực tiếp nắm Tổng Cục 2, tham nhũng : hai vợ, ba nhà... ; Nguyễn Khoa Diễm, trùm tư tưởng-văn hóa, trùm kèm kẹp báo chí, cùng quê Thừa Thiên-Huế với Anh và Loan, bị đông đảo trí thức, văn nghệ sĩ khinh ghét ; Trần Đức Lương, chủ tịch nước, uy tín cực thấp cả trong đảng lẫn ngoài xã hội, tham nhũng nặng ; Trần Đình Hoan, trưởng ban tổ chức trung ương, có quyền lực về sắp xếp nhân sự, bộ máy.

Ngoài bốn vị trên trong bộ chính trị, còn có Đỗ Mười, nguyên tổng bí thư, nguyên cố vấn, nổi tiếng là kẻ tận diệt tư sản-tư hữu ; cực kỳ bảo thủ, ăn hối lộ, không còn quyền lực, nhưng vẫn còn "uy" với số tay chân cũ... Uy tín ông này không còn gì khi ông nói về ông Lê Khả Phiêu : "Nó lật tôi thì nay tôi lật nó !", được người Hà Nội nhận xét : khẩu khí anh chị gằm cầu !

Năm vị trên đây tuy chưa phải đa số, nhưng lại nắm các quyền lực then chốt : quốc phòng, tư tưởng, tổ chức, chính quyền, cộng với "thần quyền" kiểu gốc đa của Đỗ Mười nên phe này còn cầm cự ; họ cấu kết chặt với nhau với ý chí kẻ bị dồn áp chân tường, quyết sống sót.

Đối lập với họ là thế lực trung thành với tướng Giáp, đông đảo tướng lĩnh, sĩ quan, đảng viên thường, cựu chiến binh, trí thức. Về lực, họ đông đảo gấp hàng ngàn lần lực của Lê Đức Anh, nhưng về thế, lại không có tổ chức, không có điều khiển thống nhất, không nắm quyền lực. Về ý chí phản công, tướng Giáp và số thân cận có quyết tâm cao, có mưu lược khá, có tinh thần phản công bền bỉ, khá tự tin, tin ở lẽ phải, tin ở quần chúng...

Thế lực này được sự ủng hộ khá mạnh mẽ, dứt khoát

của anh chị em dân chủ trong nước (như các vị Hoàng Minh Chính, Nguyễn Thanh Giang, Phạm Quế Dương, Phạm Hồng Sơn, Hà Sĩ Phu...) với lập luận rằng vụ án kết thúc công khai theo luật pháp hiện hành sẽ có thể mở đường thuận lợi cho quá trình hình thành Nhà nước pháp quyền, thực thi dân quyền, dân chủ.

Do đó, nếu so sánh hai đối thủ, với những ưu, khuyết và nhược điểm của mỗi bên, thì hiện nay nhìn chung tình hình đang ở thế giằng co, có thể gọi là "thế cân bằng động", luôn chuyển động - thế và lực luôn chuyển hóa lẫn nhau - để có thể đi đến ngã ngũ trong tương lai gần, từ nay đến cuối năm, qua những động thái có thể có trong cuộc họp Quốc hội mùa thu này và cuộc họp Trung ương Đảng lần 11 (khóa IX) vào cuối năm. Sự giằng co cũng có thể kéo dài, nhưng nặng trong năm 2005, để ngã ngũ tại Đại hội Đảng X vào đầu năm 2006.

Trong cuộc đọ sức gay gắt mà âm thầm này, theo cơ chế hiện hành, bộ chính trị đảng cộng sản vẫn đang gánh trách nhiệm giải quyết bằng giải pháp nào : hoặc hòa giải êm thấm giữa hai bên, hoặc đưa ra luật pháp để công khai xét xử như "bên đơ" yêu cầu.

Trong bộ chính trị (hiện còn 14 người sau khi Lê Minh Hương chết), bốn người bênh Lê Đức Anh như đã kể, còn lại mười vị tuy thừa nhận "ngảm" là Lê Đức Anh đã thật sự phạm sai lầm nặng, đã "cảnh cáo nghiêm khắc" Lê Đức Anh và đồng bọn, nhưng lại rất sợ vụ án gây nên bất ổn chính trị nếu đưa ra công khai, nên ra sức thuyết phục tướng Giáp chấp nhận sự dàn xếp nội bộ thật hẹp, chỉ trong bộ chính trị, không gây chấn động. Tướng Giáp không chấp nhận giải pháp này ; đây là trận Điện Biên Phủ chính trị cuối đời của ông, ông đặt cả danh dự của một đại tướng công thần vào trận phản công lịch sử này. Ông biết rằng ông đã cưỡi lên lưng hổ, hổ đã lao tới, không thể xuống được nữa ! Theo lệnh ông, thượng tướng Nam Khánh đã mở một chiến dịch mới, mạnh mẽ hơn, quyết liệt hơn. Và cuộc phản công còn tiếp nối. Cuộc đối đầu quyết liệt khó bề hòa giải, không thể nào hòa giải, là vì thế.

Phía bị cáo nhìn chung cầm như hến, nhưng cũng có phản kích tí chút ; họ tung tin ở Sài Gòn là "ngoài Hà Nội 20 viên tướng thân ông Giáp đã nằm trong (trại giam) Hỏa Lò (!)". Ở Hà Nội, trong một buổi họp cựu chiến binh, họ giật dây một cựu sĩ quan tung tin : "thư thượng tướng Nam Khánh là thư giả, không có chữ ký !". Lập tức một cựu sĩ quan cao cấp khác phóng xe về phố Lý Nam Đế (nhà ông Nam Khánh) và chỉ vài phút sau trở lại với lá thư có chữ ký hẳn hoi, còn được nhân bản để phân phát rộng thêm. Kẻ gây rối cứng họng.

Do giải pháp hòa giải không thành, quả bóng nay lại quay về chân bộ chính trị. Theo phân tích của một số nhà

chính trị trong nước, xét cho cùng, hiện nay tình hình biến chuyển ra sao đang nằm trong tay công luận trong nước và quốc tế về vụ án này. Bộ chính trị phải mở khóa, nhưng chìa khóa lại không trong tay họ. Điều này lại là sự thật. Bởi vì những người lãnh đạo cộng sản tuy mang bản chất độc tài nhưng lại chẳng còn mấy thực lực về kinh tế, tài chính, về quân sự, về uy tín với nhân dân và thế giới (như thời còn dựa vào Liên Bang Xô Viết và còn tạm hưởng được cái hào quang kháng chiến và chiến thắng). Nay họ đã suy yếu toàn diện, do đó họ chẳng có tự do để lựa chọn hay áp đặt theo ý riêng ; hơn nữa họ đã tự dẫn thân vào thế bị quá khứ cầm tù, rất khó xoay sở. Họ cảm lạng trong lo sợ, trong phấp phỏng cầu may, chẳng vui sướng nổi gì.

Nếu công luận trong nước vẫn bị bưng bít, chẳng có mấy người quan tâm đến vụ án, số đông theo thuyết "Mckenno" ta đứng ngoài, vô can, thì bộ chính trị đảng cộng sản vẫn có thể ù lì, giả câm giả điếc, trơ tráo, mua thời gian, chờ hai vị tướng - 94 và 86 tuổi, ốm yếu - sớm về cõi... chết là hết chuyện !

Nếu công luận thế giới, báo chí, truyền thanh, từ Á sang Âu, từ Mỹ sang Úc, nổi tiếng là nhanh nhạy mà... vẫn im re, mù tịt hay vô cảm, không bén nhạy với nội tình Việt Nam, không đá động gì đến vụ án (dù cho vụ án có nói nhiều đến CIA, vụ cáo CIA), thì bộ chính trị đảng cộng sản lại càng ù lì, càng trơ tráo, bất động, ngậm miệng ăn tiền, tự khẳng định là mình đã có giải pháp đúng !

Nhưng tình hình rất khó diễn ra như vậy ! Thời buổi bùng nổ thông tin, mở cửa, đang vô cùng bất lợi cho kẻ chỉ muốn bịt tai, bịt mắt, bịt mồm thiên hạ. Các sĩ phu mới xuất hiện đúng lúc, nhận rõ thời cơ đã lên tiếng, và lên tiếng đầy oai phong. Như tiến sĩ "Bắc Hà", với luận văn nảy lửa nhưng rất hóm hỉnh, sống động : "Những người bình thường nghĩ gì về vụ án Tổng Cục 2 ?" (ngay sau bài phân tích dài của tiến sĩ Nguyễn Thanh Giang), nêu rõ đây không phải chuyện giữa cá nhân hay phe phái, mà là vấn đề sống còn của đảng cộng sản, giữa lúc niềm tin ở đảng chỉ còn leo lét như ngọn đèn trước gió. Một chế độ sinh ra đủ thứ giả, đủ thứ "đểu" (giả mà vẫn được coi là thật) như bằng đểu, tiến sĩ đểu, hàng đểu, phân đểu, nay lại sinh ra cả "đại tướng đểu", "chủ tịch nước đểu" thì thật là tận cùng của tha hóa ! Bài viết thách ông Lê Đức Anh trả lời các lời buộc tội, im lặng là thú nhận, và cảnh báo : bộ chính trị còn cầm lạng thì sự tan rã của đảng cộng sản là cầm chắc !

Khi vụ án kết thúc, cung đình Hà Nội đầy rác rưởi sẽ phải trải qua một cuộc tổng vệ sinh gay gắt. Các ngành quốc phòng, an ninh, tổ chức, thanh tra, kiểm tra, kiểm sát, tư pháp đều phải thanh lọc gắt gao, loại bỏ tàn dư tội phạm và mafia. Vấn đề này sẽ còn gay go không kém việc xử án. Đất nước cần đến một nhóm Bao Công ngay thẳng, trong sạch, quả đoán, thương dân thật lòng và cũng được dân thật lòng tin cậy. Liệu điều này có thể đến, hay chỉ là một mơ ước ? Nó chỉ đến với một nền dân chủ đa nguyên đích thật. Vụ án kích thích ưu tư xã hội theo hướng lành mạnh và tích cực ấy.

Nhìn chung, hiện tại so sánh lực lượng của hai thế lực : bóp nghẹt vụ án và giải quyết vụ án minh bạch theo pháp

luật, đang ở thế thăng bằng, bên tám lạng, bên nửa cân, với ở giữa là mênh mông số kẻ bàng quan ; do vậy chỉ cần thêm vài giọt nước vào một bên, cán cân có thể ngã ngửa. Đó chính là ý nghĩa của nhận định : thế "cân bằng động" mà một số trí thức, thanh niên, sinh viên, cả một số cán bộ, đảng viên có lương tâm ở trong nước nhận ra và hiểu rõ để vẫy gọi nhau lên tiếng tiếp nối, dồn dập, với sự phân tích ngày càng sâu sắc, có sức thuyết phục công luận.

Trong nước bàn nhiều đến vai trò có thể "làm nên lịch sử" của ông Nông Đức Mạnh. Ông không thuộc phe phái nào. Chỉ cần ông khách quan, công bằng, quả đoán, chọn vài cố vấn tâm huyết với đất nước, lánh xa kẻ nịnh thần, lòng dạ thẳng băng để dùng quyền uy tổng bí thư, thuyết phục trung ương đảng, vượt qua sự "bùng nhùng, ầm ố" của bộ chính trị, thì thật là may cho vận nước. Cờ đã đến tay để giúp ích cho đất nước vượt lên, sao ông không phát ! Ngày đầu năm, ông từng nói : ở cấp nào phạm pháp cũng bị xử lý, không trừ một ai.

Đêm 15-9-2004, giữa Hà Nội và quanh chợ Bến Thành - Sài Gòn, xuất hiện hàng trăm "Bản cáo trạng thứ 7" khổ lớn, gửi quốc hội, mặt trận, viện kiểm sát tối cao, tòa án nhân dân tối cao, ký tên : Nhân Dân Việt Nam - năm 2004, yêu cầu các cơ quan trên đây thúc ép bộ chính trị đảng cộng sản phải mở phiên tòa đại hình theo phép nước xử công khai những bị cáo của vụ án và cả những kẻ bao che. Cáo trạng cảnh báo rằng nếu bộ chính trị vẫn cầm lạng thì nhân Hội nghị Á-Âu (8 và 9 tháng 10) tại Hà Nội, đồng đảo đồng bào oan ức ở khắp nơi sẽ dồn dập đưa đơn khiếu kiện về những bất công oan trái tràn đầy cùng với vụ án tầm cỡ quốc gia này, để cho thế giới biết rõ cảnh oan nghiệt dân Việt Nam đang phải chịu đựng nạn nội xâm kinh khủng nhất. Đây là tiếp nối những bài viết sôi sục của hai đại tá Như Thiết và Hùng Cường, của cựu chiến binh Vũ Minh Ngọc.

Sáng 16-9, lại thêm một "Thư ngỏ của các lão thành cách mạng ở trung ương và thủ đô" đề ngày 12-9-2004 được đưa lên internet, nêu bật vụ án này liên quan đến số phận quốc gia và dân tộc, tội danh thật sự là tội phản quốc, phá hoại đất nước, vu cáo các nhân vật có chức vụ cao nhất của đất nước là tay chân CIA, phải được xét xử không chậm trễ, theo mong chờ nóng bỏng của toàn dân. Thư ngỏ chỉ rõ đảng cộng sản đã trở thành kẻ phạm pháp, ngăn cản pháp luật ; quốc hội, mặt trận, tòa án và viện kiểm sát tối cao phải có trách nhiệm hành động.

Mọi tấm lòng Việt Nam đang mong chờ sự ngã ngửa của cuộc đấu tranh ly kỳ mà lý thú này, và hy vọng nó sẽ là một sự kiện then chốt phơi bày mọi sự thật trần trụi, các rác rưởi chông chất, lưu cữu, rửa nát giữa chốn cung đình, để toàn dân sẵn tay tự mình tổng tẩy uế, và từ đó xây dựng đất nước ta thật là thoáng, sạch, lộng gió tự do của thời đại. Nhiều người Việt trong và ngoài nước nhận ra thời cuộc, muốn hành động, tự nguyện làm một việc gì đó, để là một giọt nước - một giọt nước khiếm tốn - nhưng có thể có tác dụng quyết định, góp phần làm nghiêng hẳn cán cân về phía công khai hóa nhanh chóng vụ án này.

Bùi Tín (Paris, 18-9-2004)

MỘT CÁCH ĐÀN ÁP TÔN GIÁO BẰNG PHÁP LUẬT

Chân Tín, Nguyễn Hữu Giải, Phan Văn Lợi

Như mọi người đã biết, ngày 18-6 vừa qua, tại Hà Nội, Ủy ban Thường vụ của Quốc hội Việt Nam đã thông qua một "Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo" gồm 6 chương, 41 điều. Pháp lệnh này được ấn định có hiệu lực từ ngày 15-11-2004.

Là tín đồ tôn giáo, chúng tôi có quyền và cũng có bổn phận phải lên tiếng khi nhận thấy pháp lệnh này rõ ràng xâm phạm đến những quyền lợi chính đáng của các tôn giáo và của những người dân có tôn giáo. Chúng tôi rất mong Nhà Nước rút lại pháp lệnh này vì lý do trên.

Đàn áp tôn giáo bằng pháp luật

Đọc qua pháp lệnh này, ta có thể nhận thấy đây là một công cụ để Nhà Nước đàn áp nhân dân về mặt tôn giáo. Vì tuy không có chỗ nào chính thức phủ nhận quyền tự do tôn giáo, nhưng pháp lệnh này đòi buộc tất cả mọi hoạt động tôn giáo phải đặt dưới quyền giám sát của Nhà Nước và hoàn toàn lệ thuộc vào Nhà Nước. Hầu hết các điều khoản trong pháp lệnh đều nhằm hạn chế tối đa hoặc vô hiệu hóa quyền tự do tôn giáo của người dân, một quyền tự nhiên và căn bản đã được hiến pháp Việt Nam cũng như luật pháp quốc tế công nhận. Vì vậy, nếu dựa trên nội dung thì pháp lệnh này phải mang tên là "Pháp Lệnh Hạn Chế hay Vô Hiệu Hóa Tự Do Tôn Giáo" mới phù hợp. Vì Pháp lệnh này có 41 điều thì trong đó có :

- Điều 1 - điều đầu tiên - nhắc lại nguyên tắc tổng quát của hiến pháp về tôn giáo là "Công dân có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, theo hoặc không theo một tôn giáo nào. Nhà Nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy".

Trong điều này, không có một từ nào giới hạn lại quyền tự do tôn giáo cả.

- Thế mà 40 điều sau, ngoài 4 điều liên quan đến việc thi hành pháp lệnh, thì 36 điều còn lại - là nội dung căn bản của pháp lệnh - hầu như điều nào cũng đều mang tính hạn chế lại quyền tự do tôn giáo vừa được công bố ở điều 1. 36 điều này hầu như bao trùm hầu hết các sinh hoạt tôn giáo chính đáng của các tôn giáo. Do đó, 36 điều này không nhiều thì ít đều phản lại điều 1 của chính pháp lệnh, và cũng phản lại chủ trương tự do tôn giáo của hiến pháp. Thật vậy, điều 1 vừa nói : "Nhà Nước bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của công dân. Không ai được xâm phạm quyền tự do ấy", thì ngay lập tức các điều sau ít nhiều gì đều "xâm phạm quyền tự do ấy" ! Điều 1 vừa đưa ra quyền tự do tôn giáo thì các điều sau cứ từ từ rút lại quyền ấy có thể nói cho đến hết. Vì thế, pháp lệnh này là một pháp lệnh trước sau bất nhất và có tính vi hiến rõ ràng.

Như vậy, với pháp lệnh này, trừ điều 1 ra, Nhà Nước đã dùng hầu hết những điều khoản còn lại để tước bỏ quyền tự do tôn giáo của người dân. Có thể nói khi soạn thảo và ban hành pháp lệnh này, Quốc Hội Việt Nam đã làm một hành động vi phạm hiến pháp. Như vậy, chính Quốc Hội ra hiến

pháp, và thật trớ trêu, cũng chính Quốc Hội vi phạm hiến pháp ấy ! Thế thì luật pháp Việt Nam còn giá trị gì nữa ?

Tóm lại, âm mưu thâm độc của Nhà Nước - từ nhiều thập niên trước và nhất là càng về sau, đặc biệt những ngày sắp tới sau khi pháp lệnh này bắt đầu được thi hành - là không trực tiếp bắt ai vì lý do hoạt động tôn giáo, vì làm như thế thì vi phạm quyền tự do tôn giáo một cách quá trắng trợn ! Do đó, trong quá khứ Nhà Nước đã tạo ra những luật lệ, và hiện nay trang trọng hơn bao giờ hết, Nhà Nước đưa ra một pháp lệnh do Quốc Hội ban hành. Chủ trương của Nhà Nước là pháp lệnh này phải được soạn thảo thế nào để có thể biến hầu hết những hoạt động tôn giáo chính đáng của người dân trở thành những hành vi bất hợp pháp, rồi căn cứ vào đó Nhà Nước có lý do hợp pháp để bắt bớ, kết án, bỏ tù những ai sinh hoạt tôn giáo. Bản chất, mục đích và nội dung của "Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo" ban hành ngày 18-6 vừa qua tại Hà Nội là như thế.

Nếu có một số sinh hoạt tôn giáo đang được diễn ra một cách có vẻ như tự do và thường xuyên, thì đó chỉ là những sinh hoạt mà chính quyền có thể kiểm soát được một cách dễ dàng, nhất là để tỏ ra bên ngoài là Việt Nam có tự do tôn giáo nhằm đánh lừa những ai nhẹ dạ, không thấy được chiều sâu. Ngay cả những sinh hoạt này, hầu hết cũng phải đăng ký và được chính quyền cho phép hay chấp thuận mới được sinh hoạt.

Trong 41 điều của bản pháp lệnh có tới 18 từ "đăng ký", và 21 từ "chấp thuận", "công nhận", "cho phép" hay "được phép". Điều cần lưu ý ở đây là trong quá khứ, "đăng ký" không có nghĩa là báo cho chính quyền biết rồi cứ việc tự động làm, mà phải chờ đợi chính quyền chấp thuận rồi mới được làm. Nên "«đăng ký»" và "xin phép" là hai động từ tuy khác nhau, nhưng trong thực tế là hoàn toàn đồng nghĩa. Do đó, trong 41 điều, thì có tới 39 từ có nội dung là "xin phép" hoặc "cho phép". Vì thế, thứ "tự do tôn giáo" được hiểu trong bản pháp lệnh này là thứ "tự do nhưng phải xin phép", "tự do nhưng phải đăng ký". Cụm từ "nhưng phải xin phép", hay "nhưng phải đăng ký" đã biến chữ "tự do" đi trước nó trở thành vô nghĩa và rỗng tuếch !

Thử hỏi, theo pháp lệnh, có sinh hoạt tôn giáo nào công khai và có tính tập thể mà không phải đăng ký hay xin phép ? Thế mà trong pháp lệnh tôn giáo không hề có điều khoản nào quy định những trường hợp nào thì người có thẩm quyền buộc phải cho phép, nếu không cho phép là vi phạm pháp luật và phải bị trừng trị. Vì thế, những người này có thể tự do cho phép hay không cho phép tùy hứng, tùy phán đoán riêng tư của mình, tùy theo cảm tình riêng của mình trong từng trường hợp, và cũng có thể tùy theo trường hợp đó có được hối lộ hay không... Chẳng hạn có khá nhiều trường hợp nhờ đút lót mà chính quyền chấp thuận cho một chủng sinh làm linh mục, nếu không đút lót thì vô phương...

Nhất là chính quyền có thể dùng sự cho phép này như một ơn huệ để ân thưởng những tu sĩ hay giáo sĩ nào chịu uốn

mình tuân phục hoặc sẵn sàng làm công cụ cho Nhà Nước bất chấp lương tâm mình. Hoặc dùng quyền không cho phép để trừng phạt những tu sĩ hay giáo sĩ nào bướng bỉnh, không chịu làm theo ý của Nhà Nước mà cứ nhất định làm theo đòi hỏi của lương tâm mình. Và quyền tự tiện cho phép hoặc không cho phép trong lãnh vực này sẽ chẳng khác gì "cây roi và củ cà rốt" để Nhà Nước có thể ép buộc tôn giáo hay các giáo sĩ trở thành công cụ ngoan ngoãn trong tay mình. Và cũng dùng để hạn chế hoặc vô hiệu hóa hoạt động của những giáo sĩ bất khuất không chịu "khom lưng, cúi đầu". Thật vậy, những thượng tọa, mục sư hay linh mục đẹp lòng Nhà Nước thì xin xỏ cái gì cũng dễ, còn những vị không đẹp lòng Nhà Nước thì xin gì cũng khó, cho dù điều xin ấy có cần thiết và chính đáng đến đâu đi nữa!

Chính vì muốn duy trì "cây roi và củ cà rốt" ấy, nên trong pháp lệnh này chính quyền nhất định phải tiếp tục duy trì và củng cố cho bằng được "cơ chế xin-cho" mà các nước dân chủ trên thế giới đã bỏ đi từ nhiều thập niên, và trong nước cũng đã từng một thời bị báo chí và dư luận đả kích.

Do đó, thứ "tự do tôn giáo" mà pháp lệnh này chủ trương chỉ là thứ "tự do rỗng", thứ tự do chỉ được gọi bằng danh từ "tự do" chứ không có thực chất. Nếu cứ theo nghĩa chung của hai chữ "tự do" trong các loại tự điển thì thứ tự do đó chẳng còn là tự do chút nào nữa. Nói chính xác hơn, thứ tự do mà pháp lệnh chủ trương là thứ "tự do kiểu xin-cho".

Minh họa cho thứ "tự do kiểu xin-cho"

Để mọi người hiểu dễ dàng bản chất của thứ tự do này, ta có thể đưa ra một minh họa đơn giản. Một ông chủ nói với những gia nhân dưới quyền mình : *"Trên nguyên tắc, tao cho tụi bay được tự do làm tất cả mọi sự, nghĩa là muốn làm gì thì làm. Tao chỉ yêu cầu tụi bay một điều kiện duy nhất này thôi, đó là : hễ chúng bay muốn làm gì thì phải nói cho tao biết trước hoặc xin phép tao, tao có cho phép làm thì chúng bay mới được làm"*. Rồi ông chủ đó huênh hoang khoe với những ông chủ khác : *"Trong nhà tôi, tất cả mọi gia nhân đều được tự do, muốn làm gì thì làm, tôi đã cho phép họ như thế"*. Nghe thế, nhiều người nhạ dạ đã tin và tỏ ra nể nang "đức độ và lòng nhân từ vô cùng cao quý" của ông chủ ấy.

Thứ tự do mà ông chủ ấy quy định cho các gia nhân cũng chính là thứ "tự do kiểu xin-cho" trong pháp lệnh tôn giáo vừa được Nhà Nước ban hành. Đối chiếu pháp lệnh với minh họa ông chủ và các gia nhân, ta thấy :

- Điều 1 của Pháp Lệnh đưa ra nguyên tắc chung công nhận quyền tự do tôn giáo, tương tự như câu của ông chủ : *"Trên nguyên tắc, tao cho tụi bay được tự do làm tất cả mọi sự, nghĩa là muốn làm gì thì làm"*.

- 40 điều sau lập tức vô hiệu hóa tức khắc điều 1 vừa nói, tương tự như câu của ông chủ : *"Tao chỉ yêu cầu tụi bay một điều kiện duy nhất này thôi, đó là : hễ chúng bay muốn làm gì thì phải nói cho tao biết trước hoặc xin phép tao, tao có cho phép làm thì chúng bay mới được làm"*. Giữa pháp lệnh và câu nói trên chỉ khác nhau một điều là thay vì nói một câu tổng quát : *"Tất cả mọi hoạt động tôn giáo đều phải xin phép"*, thì pháp lệnh đã kể ra một lô những loại hoạt động phải đăng ký và xin phép, bao trùm hầu hết các hoạt động tôn giáo chính đáng của dân chúng.

Với pháp lệnh vừa ban hành trong đó điều 1 quy định đúng y hệt như hiến pháp, phát ngôn viên bộ ngoại giao cộng sản Việt Nam có thể huênh hoang với quốc tế : *"Nước Việt Nam của chúng tôi luôn luôn tôn trọng tự do tôn giáo như đã được quy định trong hiến pháp, cụ thể nhất là trong pháp lệnh tôn giáo vừa ban hành"*. Đương nhiên trên thế giới hiện nay chẳng còn mấy ai tin được những lời láo khoét ấy ngoài những người dân nhạ dạ cả tin. Dân Việt trong nước cũng như hải ngoại đã có quá nhiều kinh nghiệm về sự dối trá ấy. Kinh nghiệm ấy dân Việt đã đúc kết thành câu tục ngữ "nói dối như vẹt" đã được lưu truyền rất phổ biến trong dân gian từ nửa thế kỷ nay. Nhưng bộ ngoại giao cộng sản Việt Nam vẫn "mặt dày mày trơ" tiếp tục dối trá trước dư luận quốc tế mà không hề ngượng miệng !

Có thật sự cần thiết phải hạn chế tự do tôn giáo ?

Đành rằng chính quyền có thể e sợ người dân lợi dụng tự do tôn giáo, hay lợi dụng chính tôn giáo để làm trái pháp luật, trái chính sách, làm rối trật tự công cộng hay làm hại người khác nên phải hạn chế tự do ấy lại chút ít trong mức độ hợp lý của nó.

Nhưng nếu Nhà Nước thật sự sợ người dân lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật, thì thiết tưởng Nhà Nước cứ việc cho công an theo dõi, ai vi phạm pháp luật thì cứ việc xử lý nghiêm minh, như trong hầu hết mọi lãnh vực khác. Chứ không thể vì nỗi sợ ấy mà lại hạn chế tự do tới mức độ hầu hết các sinh hoạt tôn giáo đều phải đăng ký hoặc xin phép. Mà xin phép thì không chắc gì được phép! khiến cho ai sinh hoạt tôn giáo - vốn là những nhu cầu tinh thần không thể không làm - mà không xin phép hay không có phép thì đều trở thành vi phạm pháp luật, cho dù họ chưa hề làm điều gì chính thức vi phạm pháp luật cả!

Rất nhiều trường hợp các tín đồ tụ tập lại chỉ với mục đích cầu nguyện và nghe giảng đạo thì bị đã công an đến giải tán, và công an đã bắt bớ những người đứng đầu tổ chức, coi như họ đã thật sự vi phạm pháp luật ! Thử hỏi tín đồ các tôn giáo đã làm gì mà Nhà Nước ta lại phải sợ bóng sợ gió việc họ lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật đến nỗi phải hạn chế được chừng nào có thể việc họ sinh hoạt tôn giáo như thế ?!

Hiện nay, sờ sờ trước mắt người dân từ mấy chục năm nay, ai cũng thấy biết bao đảng viên cộng sản lợi dụng "tính đảng" để vi phạm pháp luật, để tham lam của công, quan liêu, cửa quyền, ức hiếp người dân... Đó là một tình trạng rất phổ biến và cũng hết sức nghiêm trọng. Biết bao người dân phải oán thán, biết bao trí thức cũng như đảng viên yêu nước đã lên tiếng cảnh báo về điều ấy. Thế mà Nhà Nước chẳng quan tâm bao nhiêu. Nếu có thì dường như chỉ giả bộ quan tâm để trấn an dân chúng, nên chẳng có nỗ lực nào đáng kể và hữu hiệu để cải thiện tình trạng ấy. Nếu Nhà Nước sợ người dân lợi dụng tôn giáo để vi phạm pháp luật nên phải ra một pháp lệnh để ngăn chặn, thì thiết tưởng Nhà Nước đã phải ra tới 10 hay 100 pháp lệnh để ngăn chặn các đảng viên lợi dụng đảng vi phạm pháp luật mới đúng ! Thế mà chẳng có một pháp lệnh nào cả !

Hơn nữa, các tệ nạn xã hội như tham nhũng, xì ke ma túy, mại dâm, buôn bán phụ nữ và trẻ em ra nước ngoài... đang

ngày càng tràn lan làm đất nước phải khốn đốn và chậm tiến. Tại sao những lãnh vực ấy, đáng lẽ chính quyền phải cần trọng tối đa để ngăn cản, thì chính quyền lại bất cập? Còn lãnh vực tôn giáo thì chính quyền lại cần trọng một cách quá đáng đến độ phi lý như thế? Phải chăng chính quyền coi tôn giáo còn nguy hiểm và xấu xa hơn tình trạng tham nhũng, xì ke ma túy, mại dâm, bán phụ nữ và trẻ em ra nước ngoài...? Trong khi ở các nước khác, các tôn giáo đã làm được biết bao việc tốt đẹp rất lớn lao cho người dân! Nếu không, tại sao chính quyền lại không ra pháp lệnh để ngăn ngừa những tệ trạng ấy?

Những nước khác đâu có pháp lệnh đặc biệt cho các tôn giáo mà có mấy ai lạm dụng tôn giáo để phạm pháp?! Chẳng lẽ chính quyền đánh giá tin đồ các tôn giáo tại nước mình lại quá chùng tệ hơn tin đồ ở các nước khác trên thế giới? Nhất là khi mà lực lượng công an ở nước mình nổi tiếng là rất hùng hậu, luôn luôn theo dõi hữu hiệu mọi hoạt động của người dân? Cần gì phải đề phòng tôn giáo cách quá mức cẩn thận như thế?

Còn nếu Nhà Nước sợ các tôn giáo chống lại chính quyền, thì đúng ra Nhà Nước càng phải để cho các tôn giáo được tự do, như thế mới hợp lý! Đằng này Nhà Nước lại ngày càng hạn chế quyền tự do tôn giáo của người dân! Chỉ cần so sánh sắc lệnh 234S/L đầu tiên về tôn giáo do chính chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 14-6-1955 với pháp lệnh vừa ban hành, ai cũng thấy, về mặt pháp luật, rõ ràng là có sự leo thang đàn áp rất lớn! Điều này chỉ khiêu khích người dân vốn không có ý muốn chống lại Nhà Nước cũng phải chống để được tự do hơn. Nếu không tranh đấu thì các tôn giáo chắc chắn sẽ bị ngộp thở, sống không ra sống mà chết không ra chết! Việc các tu sĩ như hòa thượng Thích Huyền Quang, thượng tọa Thích Quảng Độ, linh mục Nguyễn Văn Lý, mục sư Nguyễn Hồng Quang... phải lên tiếng tranh đấu chính vì Nhà Nước đã thật sự đàn áp tôn giáo, đã hạn chế quá đáng quyền tự do tôn giáo của người dân. Nếu có tự do tôn giáo thật sự, các vị ấy đã chẳng lên tiếng tranh đấu làm gì! Thiết tưởng Nhà Nước cần phải thành thực nhận chân và chấm dứt tình trạng đàn áp này. Chính Lênin, một ông tổ của chế độ Cộng Sản, đã nói một câu khá chí lý: "Ở đâu có bất công, đàn áp, ở đấy có tranh đấu". Phải chăng khi bắt bớ, vu khống và bỏ tù những người tranh đấu, Nhà Nước muốn dùng biện pháp thật mạnh để vừa gia tăng đàn áp vừa bịt miệng mọi người để không còn ai dám lên tiếng tranh đấu nữa? Như thế có khác gì vừa dẫm lên chân người ta lại vừa cấm người ta kêu đau!

Nếu pháp lệnh tôn giáo vừa ban hành mà được áp dụng thì sẽ có vô số những hoạt động tôn giáo chính đáng bị coi là vi phạm pháp luật chỉ vì không đăng ký, xin phép, hoặc xin phép mà không được chính quyền chấp thuận. Chẳng hạn việc cầu nguyện chung tại tư gia, truyền đạo tại những nơi không phải là cơ sở tôn giáo được Nhà Nước chấp thuận, lập các trang web tôn giáo, in ấn các tài liệu tôn giáo, hay các hoạt động văn hóa, xã hội, giáo dục, từ thiện, v.v. Những hoạt động tôn giáo chính đáng này, tin đồ các tôn giáo ở hầu hết các nước trên thế giới đều được làm một cách thoải mái, không cần phải đăng ký hay xin phép rồi mới làm, mà không bao giờ bị coi là vi phạm pháp luật. Thế mà các tín đồ tôn giáo tại Việt Nam, khi thực hiện cũng những hoạt động ấy,

nếu không xin phép và được phép thì đều bị coi là vi phạm pháp luật, và có thể bị bắt hay bị tù. Như vậy làm sao bảo được là Việt Nam có tự do tôn giáo? Chẳng lẽ cuộc tranh đấu của nhân dân ta suốt thế kỷ qua, tốn hàng triệu nhân mạng và gây đau khổ cho nhân dân cả nước lại chỉ đạt được một thứ tự do kém hẳn các nước khác trên thế giới? Như vậy có đắt giá quá mức không?

Tại sao lại... cứ phải được Nhà Nước công nhận?

Một trong những điểm quái đản của pháp lệnh tôn giáo là: chỉ những tôn giáo nào, hoặc giáo sĩ hay tu sĩ nào được Nhà Nước công nhận thì mới được hoạt động tôn giáo hay truyền đạo. Như vậy chẳng lẽ tôn giáo nào không được Nhà Nước công nhận thì không còn là tôn giáo nữa hay sao? Chẳng lẽ thượng tọa, mục sư hay linh mục nào không được Nhà Nước công nhận thì không còn là thượng tọa, mục sư hay linh mục nữa, và cũng tự nhiên không còn nhu cầu hay bốn phận tôn giáo của mình nữa hay sao? Làm thượng tọa, mục sư hay linh mục mà không thi hành chức năng hay bốn phận của mình là hoằng pháp, truyền đạo, rao giảng giáo lý thì làm thượng tọa, mục sư hay linh mục để làm gì?

Tôi vốn là một con người, nhưng chẳng lẽ nếu Nhà Nước không công nhận tôi là người, thì tôi sẽ không còn là người nữa hay sao? Tôi sẽ không còn có những nhu cầu tự nhiên cần phải thỏa mãn của con người nữa hay sao? Và không còn được phép làm những gì thích hợp với bản chất con người nữa hay sao? Hay khi tôi có bệnh, nếu Nhà Nước không công nhận tôi có bệnh thì chẳng lẽ tôi không còn bệnh, không cần uống thuốc hay điều trị nữa, và Nhà Nước có thể dựa vào sự không công nhận đó để cấm tôi uống thuốc và điều trị bệnh hay sao? Thật là phi lý và ngược ngạo!

Chúng tôi xin được hỏi những đảng viên cộng sản: nếu một tôn giáo hay một tổ chức nào đó không chịu công nhận các vị là đảng viên đảng cộng sản, thì có phải vì thế mà các vị không còn là đảng viên đảng cộng sản nữa không? Có phải vì thế mà các vị không còn bốn phận gì đối với đảng nữa không?

Tôi nghĩ rằng một học sinh cấp một cũng nhận ra rằng: nếu là một đảng viên cộng sản thực thụ thì cho dù cả thế giới không công nhận, người ấy cũng vẫn là đảng viên của đảng cộng sản. Không thể vì người ngoài đảng không công nhận mà người ấy trở thành không còn là đảng viên nữa và vì thế không còn nhiệm vụ gì đối với đảng nữa! Ấy thế mà những người soạn thảo ra pháp lệnh này lại có thể cho rằng một thượng tọa, mục sư hay linh mục mà không được Nhà Nước công nhận thì không còn là thượng tọa, mục sư hay linh mục nữa, nên Nhà Nước có quyền cấm họ thi hành chức năng hay bốn phận tôn giáo của họ! Lý luận sơ đẳng như thế mà cả Quốc Hội Việt Nam không ai nắm được sao?

Những tôn giáo lớn như Phật giáo, Công giáo, Tin Lành, Hồi giáo, v.v. đã xuất hiện và hoạt động trên thế giới cả hàng ngàn năm nay, được thế giới công nhận cũng cả ngàn năm, đang khi đảng cộng sản mới chỉ xuất hiện chưa đầy 100 năm! Thế mà nay Nhà Nước Cộng Sản Việt Nam lại đặt ra trò công nhận hay không công nhận tôn giáo này tôn giáo kia, cho phép hoặc không cho phép tôn giáo này tôn giáo kia hoạt động! Thật là ngạo mạn và ngược đời!

Hay việc đòi hỏi phải được công nhận này là một cách để nghiêm cấm những tôn giáo, hoặc thượng tọa, mục sư, linh mục nào không chịu khuất phục Đảng và Nhà Nước? Vì Nhà Nước chỉ cần không công nhận tôn giáo đó là tôn giáo thì tôn giáo ấy lập tức không được hoạt động, hoặc không công nhận ai là thượng tọa, mục sư hay linh mục thì mọi việc thi hành chức năng tôn giáo của người ấy đều trở thành vi phạm pháp luật và có thể vì thế mà bị bắt hay ở tù! Ở những nước tự do, có Nhà Nước nào lại đặt vấn đề công nhận hay không công nhận tôn giáo nào là tôn giáo, hay người nào là thượng tọa, mục sư hay linh mục đâu! Việc công nhận hay không công nhận ấy là do nội bộ của các tôn giáo chứ đâu phải là việc của Nhà Nước!

Cũng như việc công nhận hay không công nhận một người là đảng viên cộng sản là chuyện nội bộ của đảng chứ đâu phải là việc của người ngoài đảng! Nhà Nước không còn việc gì phải bận tâm nữa hay sao mà lại quơ vào cho mình nhiệm vụ của người khác như thế? Có ai trong các tôn giáo lại thừa việc để nghĩ đến chuyện công nhận hay không công nhận người này người kia là đảng viên cộng sản hay không?

May thay việc công nhận hay không công nhận này lại có rất nhiều trường hợp bị phản tác dụng! Có những tôn giáo chính vì được Nhà Nước công nhận và cho phép hoạt động dễ dàng mà bị dân chúng nghi ngờ, tẩy chay, và bị gọi là "tôn giáo quốc doanh", tức không phải là tôn giáo chính tông mà chỉ là một thứ công cụ của Nhà Nước! Có những thượng tọa, mục sư hay linh mục chính vì được Nhà Nước công nhận và đề cao mà bị dân chúng nghi ngờ là sư hổ mang, là mục sư hay linh mục quốc doanh, là tay sai của chế độ, là người được Đảng và Nhà Nước cài vào để phá hoại nội bộ Giáo Hội. Nghĩa là họ không phải là những vị thượng tọa, mục sư hay linh mục đích thực hay chân chính. Và đương nhiên trong bụng người giáo dân luôn có sự nghi kỵ và đôi khi khinh bỉ ra mặt những vị tu sĩ này. Trái lại, giáo sĩ hay tu sĩ nào càng bị Nhà Nước phủ nhận và cấm hoạt động thì càng được dân chúng yêu mến, kính phục và coi đó như một dấu chỉ chắc chắn để xác quyết người ấy là giáo sĩ hay tu sĩ chân chính trong tôn giáo của người ấy!

Tại sao người cộng sản được tự do tuyên truyền lý thuyết của họ, còn tín đồ các tôn giáo thì không?

Một điều phi lý trong pháp lệnh tôn giáo là mọi hoạt động truyền đạo đều phải xin phép, mà xin phép thì chưa chắc đã được, trong khi người cộng sản thì hoàn toàn được tự do tuyên truyền lý thuyết của mình. Chẳng những người cộng sản không phải xin phép mới được tuyên truyền, mà họ còn có quyền ép buộc sinh viên học sinh phải học lý thuyết của họ nữa? Như thế có phải là mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật không? Thử hỏi như thế có hợp lý không, khi mà người cộng sản chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ trong dân chúng (khoảng 2%), còn các tín đồ tôn giáo chiếm tỷ lệ cao hơn rất nhiều (chẳng hạn Phật giáo khoảng 30%, Thiên Chúa giáo 8%, Cao Đài 4%, Hòa Hảo 3%, v.v...)? Sự bất bình đẳng này rõ ràng chứng tỏ Nhà Nước hiện nay là Nhà Nước của người cộng sản và vì người cộng sản, chứ không phải của nhân dân hay vì nhân dân.

Pháp lệnh này sẽ là công cụ để leo thang đàn áp tôn giáo

Trước đây, những luật lệ về tôn giáo chỉ được quy định bởi các Nghị quyết của Đảng, các Nghị định của thủ tướng chính phủ hay của Ủy ban Tôn giáo trung ương, bây giờ luật lệ về tôn giáo đã được chính thức ban hành bởi Quốc Hội, và được gọi là "Pháp lệnh tín ngưỡng, tôn giáo". Khi chưa có pháp lệnh tôn giáo - nghĩa là khi chưa có những quy định chính thức của quốc hội, chỉ có những quy định của các cơ quan thấp hơn - mà đã có rất nhiều sinh hoạt tôn giáo chính đáng bị coi như bất hợp pháp và bị công an đến phá đám, ép buộc giải tán. Vậy thì sau khi có pháp lệnh tôn giáo, công an sẽ leo thang trong việc phá đám và đàn áp các sinh hoạt tôn giáo đến mức nào!?

Chưa có pháp lệnh tôn giáo, nghĩa là chưa có sinh hoạt tôn giáo nào bị quốc hội chính thức coi là bất hợp pháp, là vi phạm pháp luật, thế mà biết bao lần những buổi nhóm họp để cầu nguyện của các Hội Thánh Tin Lành tại rất nhiều nơi đã bị công an đến phá đám, dẹp bỏ, đồng thời bắt bớ và bỏ tù những người đứng tổ chức cầu nguyện. Chưa có pháp lệnh tôn giáo mà tại Sơn La, Lai Châu, Tây Nguyên, và nhiều vùng khác, biết bao lần công an đã tịch thu các sách Thánh Kinh, sách kinh và sách giáo lý của các tín hữu Công Giáo, và cấm không được tụ tập để cầu nguyện rồi! Không hiểu khi pháp lệnh này bắt đầu có hiệu lực, việc đàn áp tôn giáo sẽ leo thang đến mức nào? Từ trước đến nay các tôn giáo đã bị đàn áp "te tua" đến mức không chịu nổi, không biết sau khi Nhà Nước huy động lực lượng đến cả quốc hội, là cơ quan lập pháp cao nhất nước - để ra một pháp lệnh hạn chế quyền tự do tôn giáo một cách chính thức và long trọng như thế, thì tôn giáo sẽ bị đàn áp đến mức độ nào?

Do đó, chúng tôi đồng lập trường với Đức Hồng Y Phạm Minh Mẫn khi ngài công khai phát biểu: "Đừng nên ban hành Pháp Lệnh này thì hơn!" Và chúng tôi rất mong Nhà Nước rút lại pháp lệnh này. Việc thực hiện pháp lệnh này sẽ chỉ gây nên những cuộc tranh đấu mạnh mẽ hơn cho tự do tôn giáo ở trong nước! Và chính quyền sẽ lại phải bỏ ra thêm biết bao công lao để bắt bớ và bỏ tù thêm biết bao người dân vô tội nữa! Hơn nữa, pháp lệnh này còn cho thấy quốc hội, những người soạn thảo và ban hành nó, chỉ gồm toàn những người chẳng biết lẽ phải là gì, chẳng hề tranh đấu cho quyền lợi của dân, mà là một công cụ ngoan ngoãn chỉ biết làm theo lệnh Đảng, hùa theo Đảng để đàn áp dân, và chẳng còn phân biệt được điều gì hợp lý điều gì phi lý, điều nào là ích nước điều nào là hại dân!

Chúng tôi cũng xin tất cả những ai thiện chí trên thế giới, đặc biệt các tín đồ tôn giáo trong nước cũng như hải ngoại, hãy lên tiếng mạnh mẽ để đòi buộc Nhà Nước cộng sản Việt Nam phải thật sự tôn trọng quyền tự do tôn giáo, một nhu cầu tự nhiên và cũng là một quyền chính đáng của người dân mà chính Nhà Nước Việt Nam đã long trọng nhìn nhận và cam kết tôn trọng tại Liên Hiệp Quốc. Đây là lời kêu cứu khẩn thiết nhất của chúng tôi.

Việt Nam, ngày 15-8-2004
Linh mục **Chân Tín**,
Linh mục **Nguyễn Hữu Giải**,
Linh mục **Phan Văn Lợi**

VIỆT NAM DƯỚI MẮT NGƯỜI NHẬT

Keiko Yoshioka

LTS : Nữ ký giả Keiko Yoshioka là đặc phái viên của báo Sao Đỏ (Asahi Shinbum) ở Hà Nội. Trong bài báo ra ngày 24-7-2004, bà đưa ra một cái nhìn khác về chương trình viện trợ ODA của Nhật. Trong một số báo trước Thông Luận có nhận xét là Nhật gắp liền ODA với nhân quyền và chỉ tiếp tục viện trợ ODA khi nào Việt Nam thật sự tôn trọng nhân quyền.

Trong khi dự toán ngân sách của chính phủ Nhật về ODA giảm hẳn, phần ODA của Nhật dành cho Việt Nam trong 5 năm qua lại tăng. Điều này cho thấy Nhật xem Việt Nam là quốc gia có tiềm năng phát triển kinh tế lớn trong khối ASEAN và Nhật hy vọng Việt Nam có thể đảm nhiệm vai trò kiểm chế Trung Quốc. Tăng phần viện trợ ODA với lãi suất nhẹ là một "lợi ích quốc gia" của Nhật.

I. Việt Nam là nơi đầu tư thích hợp

Cách Hà Nội khoảng 150 cây số về hướng Đông, Hạ Long với thắng cảnh nổi tiếng nhất trong vịnh Bắc Bộ thường, được gọi là "Quê Lâm trên biển", trải dài ra trước mắt. Cạnh đó là Cái Lung, hải cảng duy nhất ở miền Bắc mà tàu lớn có thể cập bến được vừa do Nhật giúp Việt Nam xây xong. Chiếc tàu định kỳ từ Nhật sang Việt Nam, sau khi đã ghé qua mấy bến cảng ở Trung Quốc, đã lần đầu tiên cập vào cảng mới này ngày 18-7 vừa qua. Chi phí xây dựng hải cảng tốn khoảng 10 tỷ yen do ODA của Nhật cho Việt Nam vay với lãi suất nhẹ. Việt Nam cũng đã mượn thêm 30 tỷ yen để xây vài chiếc cầu mới trong cảng và mở rộng hệ thống đường bộ tới sân bay Hạ Long.

Cạnh sân bay này là một khu công nghiệp chế xuất của các công ty Nhật vừa được khánh thành hồi tháng 3-2004, trong đó có công ty chế tạo dụng cụ sành sứ vệ sinh Toto của Nhật. Hãng này đã bắt đầu đi sản xuất các mặt hàng Toto nổi tiếng chở đi khắp thế giới. Cho đến tháng 7, hàng xuất phải chở bằng xà lan qua các cảng sông rất bất tiện. Ông Toshiyori Maya, giám đốc hãng Toto Việt Nam, đã mừng rỡ nói : "Bây giờ tàu lớn đã vào được rồi, chúng tôi sẽ tích cực sử dụng cảng".

Các xí nghiệp Nhật đã đầu tư vào "thị trường thế giới" Trung Quốc, không thích tập trung nguồn vốn của mình vào một cực nên đã xem Việt Nam là nơi đầu tư đầy hấp dẫn. So với các nước ASEAN, dân số Việt Nam có trình độ giáo dục cao, làm việc chăm chỉ nhưng lương lại thấp. Chỉ so sánh lương công nghiệp không thôi, tôi thấy lương cao nhất Việt Nam ở thành phố Hồ Chí Minh cũng chỉ bằng từ 30 đến 60% mức lương ở Mã Lai.

Việt Nam lại là quốc gia đi trước các nước ASEAN khác trong việc ký kết đầu tư với Nhật, đã chính đốn lại các định chế để nhận đầu tư từ Nhật, trong đó có việc tăng cường bảo hộ quyền sở hữu trí thức của phía Nhật.

Gần đây Việt Nam cũng đã cải thiện quan hệ với Trung Quốc. Cuối tháng 5-2004, thủ tướng Phan Văn Khải đã hội đàm với thủ tướng Ôn Gia Bảo và cho biết mục tiêu của Việt Nam là sẽ tăng tổng ngạch mậu dịch với nước ngoài lên gấp đôi vào năm 2010.

Phong trào đầu tư qua Trung Quốc của các nước ASEAN từ 1995 đến 1997 đã giảm vì cơ sở vật chất kỹ thuật tại Trung Quốc còn quá yếu. Rút kinh nghiệm đó, ông chủ tịch Hội Công Thương Việt-Nhật, S. Mitose (Công ty thương mại Sumitomo) hồ hởi nói : "Nếu viện trợ ODA của Nhật giúp cải thiện môi trường đầu tư (tại Việt Nam), đầu tư của xí nghiệp tư nhân (của Nhật) sẽ gia tăng".

Ông cục trưởng Cục hợp tác kinh tế đối ngoại của Bộ đầu tư kế hoạch Việt Nam cũng nói thêm : "Việc tạo được môi trường thích hợp để xí nghiệp Nhật hoạt động dễ dàng sẽ lôi kéo thêm các xí nghiệp đầu tư nước ngoài khác".

II. Mượn Việt Nam để kềm chế Trung Quốc

Từ năm 2000 trở đi viện trợ ODA của Nhật cho các quốc gia khác bắt đầu sút giảm. Năm 2004 nguồn viện trợ này chỉ còn 819,9 tỷ yen, giảm 30% so với đỉnh cao nhất năm 1997. Trong khi đó viện trợ ODA cho Việt Nam với đỉnh cao 105 tỷ yen năm 1999, vẫn duy trì mức 90 tỷ yen 4 năm sau đó, năm 2003 là 91,7 tỷ yen.

Lý do là vì các nước nhận viện trợ ODA của Nhật trong khối ASEAN như Thái Lan, Mã Lai đã có mức tăng trưởng kinh tế cao, không cần viện trợ nữa. Các nước như Lào, Campuchia chỉ cần viện trợ cho không mà thôi, chưa thể đón nhận viện trợ lãi nhẹ. Năm 2002 khối ASEAN chỉ nhận viện trợ Nhật dưới 50% so với 1999, Trung Quốc trong hai năm 2001-2002 cũng bị giảm viện trợ đến 43%.

Còn Việt Nam, từ khi được nhận viện trợ lại từ năm 1992 cho đến 2003, đã nhận tổng cộng khoảng 1.000 tỷ yen từ Nhật. Trong lịch sử hơn 50 năm viện trợ của Nhật, Việt Nam là nước nhận viện trợ đứng hàng thứ 7 sau Nam Dương, Trung Quốc, Ấn Độ... Riêng tài khóa 2004, Việt Nam đứng thứ 4 sau Ấn Độ, Pakistan, Iraq.

Cũng nên lưu ý là mục tiêu của ODA Nhật vừa được tu chỉnh vào tháng 8-2003. Từ trước đến nay mục tiêu chính của viện trợ là "vì lý do nhân đạo" nay đổi thành "vì lợi ích quốc gia". Phần mở đầu của *Kế hoạch Viện trợ cho Việt Nam* của chính phủ Nhật, đã được sửa đổi hồi tháng 4-2004, nói rõ như sau : "Trong quan hệ ngoại giao với Trung Quốc của nước ta, Việt Nam là một quốc gia quan trọng vì có biên giới tiếp giáp với Trung Quốc".

Người ta được biết thêm là quan hệ ngoại giao, kinh tế giữa Nhật Bản và Việt Nam, viện trợ ODA của chính phủ Nhật dành cho Việt Nam trong những ngày tháng tới sẽ càng gia tăng. Giới ngoại giao của Nhật còn tiết lộ : "Việt Nam đóng vai trò làm thế thăng bằng trong quan hệ chính trị, quân sự giữa Nhật Bản và Trung Quốc hiện nay".

Nguyễn Minh tóm lược (Tokyo)

CUỘC HỌP Á-ÂU : VẤN ĐỀ HỘI NHẬP

Hội nghị Á-Âu lần 5 sẽ nhóm họp tại Hà Nội trong hai ngày 8 và 9 tháng 10-2004 để bàn về các vấn đề : hợp tác kinh tế giữa hai lục địa, toàn cầu hóa, khủng bố và chính trị quốc tế.

Trên nguyên tắc sự kiện này sẽ tạo cơ hội để Việt Nam hòa nhập hơn vào cộng đồng quốc tế, và dĩ nhiên đó cũng là hướng đi mà mọi người Việt Nam đều mong muốn cho đất nước. Nhưng trên thực tế, tốc độ hội nhập sẽ chậm lại, thậm chí ngưng trệ nếu những nghĩa vụ mà chính phủ Việt Nam đã cam kết với cộng đồng quốc tế không được thực hiện một cách đầy đủ và thành thật.

Điều 1 của Hiệp định hợp tác giữa Cộng Đồng Châu Âu và nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam (tháng 7-1996) ghi như sau : "*Tôn trọng nhân quyền và những nguyên tắc dân chủ là nền tảng của sự hợp tác giữa các bên và của những điều khoản trong hiệp định, và là yếu tố cốt yếu của hiệp định*". Tuy vậy cả hai yếu tố căn bản của sự hợp tác trong bản hiệp định này là **nhân quyền** và **những nguyên tắc dân chủ** đều đã không được phía Việt Nam thực thi như đã cam kết.

Việc bắt bớ tù những tiếng nói không cùng quan điểm với chính quyền như Lê Chí Quang, Phạm Quế Dương, Trần Khuê, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Vũ Bình, Nguyễn Đan Quế... là những bằng chứng **vi phạm nhân quyền trầm trọng** của chính quyền cộng sản Việt Nam đối với công dân. Những người này đã chỉ bày tỏ sự bất đồng chính kiến với chế độ một cách ôn hòa, trong khuôn khổ pháp luật của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, và đặc biệt là họ chưa bao giờ chủ trương đấu tranh bạo lực để lật đổ chính quyền.

Đối với những nước đang có những cơ chế sinh hoạt dân chủ như Cộng Đồng Châu Âu, đây là một điều khó có thể tưởng tượng được. Vì trong bất cứ một chính quyền dân chủ thực thụ nào, một đặc tính rất phổ cập là phải có hệ thống lập pháp, hành pháp và tư pháp độc lập với nhau, thường được gọi là tam quyền phân lập. Đó là tính ưu việt của cơ chế vận hành được thực tiễn chứng minh bởi vì nó vừa mang chức năng kiểm soát và cân bằng quyền lực, vừa giúp diệt trừ tham nhũng, bảo đảm các quyền công dân căn bản (quyền tự do ngôn luận, quyền tự do hội họp và lập hội, quyền tự do ứng cử và bầu cử...). Hiện nay những nguyên tắc dân chủ này chưa có ở Việt Nam. Các cấp lãnh đạo của đảng cộng sản vẫn nhân danh những cụm từ mà họ thừa hiểu là không có một nội dung nào (chuyên chính vô sản, độc quyền lãnh đạo...) để tiếm đoạt các quyền công dân căn bản của mọi công dân Việt Nam, mà mục đích thâm kín duy nhất là để dễ bề tham nhũng.

Do đó, về mặt ngoại giao, chính quyền cộng sản Việt Nam luôn có những biện luận quanh co cho những việc làm sai trái của mình, nhưng biên độ của những lấp liếm này rất là giới hạn. Một ví dụ là Bộ ngoại giao Hoa Kỳ vừa qua đã liệt Việt Nam vào hạng những "nước đáng quan ngại

đặc biệt" (Country of Particular Concern, CPC), vì những thành tích sách nhiễu và đàn áp tôn giáo của mình.

Theo Luật Tự Do Tôn Giáo Quốc Tế của Hoa Kỳ ban hành năm 1998 thì biện pháp buộc ngành hành pháp, cụ thể là Bộ ngoại giao Mỹ, áp dụng đối với nước vi phạm có thể là từ "*phản đối*" tới "*cấm chính phủ Hoa Kỳ mua hay bán bất cứ dịch vụ hay sản phẩm nào với bất cứ chính quyền, cơ quan, hoặc viên chức nào liên hệ đến việc vi phạm tự do tôn giáo*". Mặc dù đây chỉ là một bản phúc trình nội bộ thuộc lập pháp Hoa Kỳ nhằm làm cơ sở pháp lý để Bộ ngoại giao chú trọng thêm trên kênh ngoại giao về tôn giáo, nhân quyền đối với nước có vấn đề, nhưng hậu quả là Việt Nam sẽ gặp khó khăn hơn để trở thành một đối tác đáng tin cậy cho những hợp tác dài hạn với cộng đồng các nước dân chủ tiến bộ. Trong khi thất nghiệp vẫn còn là một vấn đề nhức nhối cần được giải quyết gấp, nguồn lao động đông đảo và nhiều kỹ năng của Việt Nam vẫn mãi bị ứ đọng vì thiếu đầu tư quốc tế và thị trường thế giới.

Không riêng gì chế độ cộng sản Việt Nam, việc không tôn trọng nhân quyền và những nguyên tắc dân chủ là bản chất không thể nào khác hơn của các chế độ độc tài, với hệ quả tất yếu là đàn áp các tiếng nói đối lập, khống chế mọi sinh hoạt của xã hội dân sự. Do đó sự hội nhập với cộng đồng quốc tế của Việt Nam chỉ có thể mạnh mẽ, trọn vẹn và được bảo đảm chỉ khi nào đất nước có được một nền **dân chủ đa nguyên**.

Dân chủ hóa là một bắt buộc lịch sử để có phát triển. Cộng đồng người Việt hải ngoại với hơn ba tỷ USD gửi về nước mọi năm có trọng lượng của một siêu cường kinh tế đối với Việt Nam. Trọng lượng đó tiếc thay vẫn chưa sử dụng được vì người Việt hải ngoại vẫn còn quá phân tán, chưa có một tiếng nói chung và cũng chưa có một lực lượng dân chủ đủ tầm vóc và uy tín để đề nghị những thái độ phải có trong mọi trường hợp. Nhưng Việt Nam còn một sức mạnh khác quan trọng hơn nhiều và chưa vận dụng được, đó là tuổi trẻ. Những người dưới 35 tuổi hiện nay chiếm quá 2/3 dân số. Những thất vọng liên tục đã khiến họ trở thành chán nản và thụ động. Họ cần ý thức rằng đất nước sẽ chỉ vươn lên được và họ sẽ chỉ có tương lai nếu có dân chủ. Họ phải gia nhập cuộc vận động dân chủ vĩ tương lai của chính họ.

Những lời chia sẻ này đặc biệt xin được gửi đến các bạn trẻ trong và ngoài nước, nhân cuộc họp Á-Âu được tổ chức tại Việt Nam. Một việc làm cụ thể là chúng tôi kêu gọi đồng bào gửi thư - xin đọc mẫu thư trên Website Thông Luận : www.thongluan.org - đến những người trách nhiệm của Liên Hiệp Châu Âu, nhắc nhở họ đừng quên đặt vấn đề với chính quyền cộng sản Việt Nam trong cuộc họp này về nhân quyền và những nguyên tắc dân chủ, đặc biệt là ngăn chặn những tiếng nói và giam giữ những người không cùng chính kiến.

Nguyễn Văn Hiệp (Charlotte, 09-2004)

GIẢI THỂ MẶT TRẬN HOÀNG CƠ MINH, RA MẮT ĐẢNG VIỆT TÂN

Ngày 19-9-2004, Việt Nam Canh Tân Cách Mạng Đảng, gọi tắt là đảng Việt Tân, đã tổ chức lễ ra mắt long trọng tại Berlin, Đức. Trong dịp này, những người lãnh đạo (các ông Nguyễn Kim Hưỡn, Lý Thái Hùng, Trần Xuân Ninh, Hoàng Cơ Định, Nguyễn Ngọc Đức, Trần Đức Tường) đều tuyên bố giải thể tổ chức Mặt Trận Quốc Gia Thống Nhất Giải Phóng Việt Nam, thường được gọi là Mặt Trận Hoàng Cơ Minh. Lý do để họ tự cho có thẩm quyền để giải thể Mặt Trận Hoàng Cơ Minh là lãnh đạo của hai tổ chức này chỉ là một.

Mặt Trận Hoàng Cơ Minh ra đời năm 1982 sau nhiều cố gắng kéo dài gần hai năm để kết hợp các tổ chức cựu quân nhân và công chức miền Nam Việt Nam tị nạn ở nước ngoài. Mặt trận này đã khai thác lòng căm thù chế độ cộng sản và sự luyến tiếc chế độ Việt Nam Cộng Hòa của các cựu công chức và quân nhân. Họ dàn cảnh quay một cuốn phim tại Thái Lan rồi nói đó là hoạt động của "kháng chiến quân" tại "chiến khu quốc nội" để dẫn dụ cho dư luận hiểu là họ có mười ngàn quân đang chiến đấu chống chế độ cộng sản ở trong nước. Nhờ mưu lược này họ đã tổ chức quyên tiền yểm trợ kháng chiến và rất được hưởng ứng. Nhiều người làm ăn vất vả đã dành cả phần lương cho họ, nhiều người khác tặng họ tiền trợ cấp an sinh xã hội. Tuy tổng số tiền thu được chưa bao giờ được công bố, nhưng một số người đã bỏ mặt trận thường đưa ra những con số từ 10 đến 20 triệu USD. Điều chắc chắn là số tiền quyên góp được, dù tổng số là bao nhiêu đi nữa, cũng nhỏ hơn số tiền do họ kinh doanh. Một trong những sáng kiến kinh doanh nổi tiếng là mạng lưới Phở Hòa rất thành công. Trong những năm đầu thập niên 1980, Mặt Trận Hoàng Cơ Minh đã tạo ra được một nếp sống trong cộng đồng người Việt tại Mỹ : ăn phở Hòa là chống cộng. Mặt Trận Hoàng Cơ Minh bị tan vỡ làm hai đầu năm 1985, và bị mất gần hết số đoàn viên rất đông đảo trước đó, do khủng hoảng nội bộ giữa hai người cầm đầu : ông Hoàng Cơ Minh và ông Phạm Văn Liễu. Từ đó Mặt Trận Hoàng Cơ Minh ít xuất hiện, chủ yếu hoạt động qua các tổ chức ngoại vi như Liên Minh Việt Nam Tự Do.

Lý do của sự tan vỡ này có thể chính là đảng Việt Tân. Cuối năm 1982, đảng này được thành lập trong nội bộ Mặt Trận Hoàng Cơ Minh với những người thân cận của ông Hoàng Cơ Minh và trở thành "đảng cầm quyền" trong mặt trận, gây khó chịu và tức tối cho nhiều người khác. Sau 1985, mặt trận chỉ còn lại những thành phần ủng hộ ông Hoàng Cơ Minh. Năm 1987, chính phủ Thái Lan đổi chính sách, dẹp bỏ "chiến khu", thực tế chỉ là một trang trại, mà họ đã cho phép ông Hoàng Cơ Minh lập ra trên đất Thái. Ông Hoàng Cơ Minh và các chiến hữu của ông phải dời vào đất Lào rồi bị chặn đánh và tiêu diệt ngay sau đó. Khoảng 20 người, trong đó có ông Hoàng Cơ Minh tử trận, những người khác bị bắt giải về Việt Nam và kết án tù. Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, hoàn toàn do Việt Tân khống chế, đã cố tình phủ nhận sự kiện mà ai cũng biết này, họ

chỉ chính thức nhìn nhận 15 năm sau.

Mặt Trận Hoàng Cơ Minh đã từng bị cảnh sát Mỹ (FBI) điều tra vì tội trốn thuế. Họ cũng bị tai tiếng sau những vụ án mạng mà dư luận gán cho họ dù không thể chứng minh. Điều chắc chắn là họ đã sử dụng những biện pháp xuyên tạc, chụp mũ và bạo hành.

Dư luận nói chung đánh giá việc ra mắt Việt Nam Canh Tân Cách Mạng Đảng và giải thể Mặt Trận Hoàng Cơ Minh là có mục đích xóa bỏ những tai tiếng của mặt trận và mở ra một giai đoạn mới với đảng Việt Tân. Nếu nhận định theo những phản ứng sau buổi lễ ra mắt thì mục tiêu này đã không đạt được. Quan điểm chung là "rượu cũ bình mới". Vấn nhân sự cũ, tâm lý cũ, chỉ có cái tên khác.

Một số thắc mắc đã được nêu ra. Việt Tân lấy tư cách nào để tiếp thu tài sản của Mặt Trận Hoàng Cơ Minh ? Tài sản này là do đồng bào ủng hộ Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, hoặc do nhiều người ở trong Mặt Trận Hoàng Cơ Minh nhưng không thuộc đảng Việt Tân tạo ra. Việt Tân có sáng giá hơn Mặt Trận Hoàng Cơ Minh không ? Mặt Trận Hoàng Cơ Minh quả nhiên đã tuyên truyền dối trá về huyền thoại "kháng chiến quốc nội" để quyên tiền nhưng cũng đã trả giá sòng phẳng. Đảng Việt Tân xét cho cùng còn gặp khó khăn hơn của Mặt Trận Hoàng Cơ Minh. Họ đã được thành lập một cách bí mật trong nội bộ Mặt Trận Hoàng Cơ Minh để khống chế mặt trận này, đây là một điều không lương thiện đối với các thành viên khác của mặt trận đưa tới sự đổ vỡ của tổ chức này. Từ đó đảng này hoàn toàn kiểm soát Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, do đó họ phải chịu trách nhiệm về tất cả mọi tiếng xấu của mặt trận này. Như vậy nếu muốn đổi mới thì phải giải tán đảng Việt Tân chứ không phải Mặt Trận Hoàng Cơ Minh.

Ngoài ra, danh xưng "Việt Nam Canh Tân Cách Mạng Đảng" cũng đã lỗi thời, không phù hợp với một đảng ra đời năm 1982 với chủ trương mới. Đây là cách viết theo cấu trúc chữ Hán của thập niên 1930-1940, tiếng Việt hiện nay đã đổi mới nhiều. Hơn nữa, canh tân (đổi mới) và cách mạng (thay đổi toàn diện) rất khó dung hợp với nhau về mức độ và tầm vóc.

Nguyễn Văn Huy

Thơ

Biển chờ đợi

Chào mừng biển vang âm vĩnh viễn
Với lòng ta múa hát niềm vui
Chúc người một vạn lần sức khỏe
Chứng kiến dân ta đón mặt trời !
Có thấy bao người con xa xứ
Nước mắt tuôn trào gặp cố hương ?
Người đi sao mãi vẫn vương
Tình tha hương sóng động lòng phù sa !
Cho đoàn tàu sớm về bến hẹn
Chở những khoang đầy chí núi sông

Nguyễn Long Vân (Yokohama)

Cộng đồng người Tây Nguyên trước 1954

Lãnh thổ miền trung Việt Nam, bao gồm cả vùng đồng bằng duyên hải và cao nguyên, chạy dài từ Quảng Bình đến địa phận Biên Hòa. Vùng đất này trước kia thuộc vương quốc Champa, được hình thành vào cuối thế kỷ thứ 2, mang nhiều ảnh hưởng của nền văn minh Ấn Độ.

Sau khi giành được độc lập vào thế kỷ thứ 10, các vua chúa Đại Việt bắt đầu cuộc Nam Tiến, lãnh thổ của vương quốc Champa đã lần lượt bị mất dần và đến năm 1832 thì mất hẳn. Ngày nay, vương quốc Champa tuy không còn nữa nhưng dân tộc Champa vẫn còn. Hơn 800.000 người cư ngụ trên Tây Nguyên và 100.000 người Chăm sinh sống dọc vùng duyên hải Phan Rang, Phan Rí. Đó là chưa tính hơn 400.000 di dân Chăm đã đến Campuchia, khu vực Châu Đốc và Tây Ninh lập nghiệp.

Theo Hiệp ước Harmand mà người Pháp ký với triều đình Huế ngày 25-8-1883, các cộng đồng dân tộc thiểu số thuộc tỉnh Bình Thuận và khu vực Đông Nai (Chăm, Churu, Raglai Kaho, Stieng, Mạ, v.v.) trực thuộc vào chính quyền Pháp ở Nam Kỳ và được hưởng một chế độ đặc biệt, gọi là quy chế Harmand, theo đó mọi văn bản về thuế má, luật lệ và hành chính đều được viết bằng tiếng Chăm và tiếng Pháp thay vì bằng chữ Hán.

Trên cao nguyên miền Trung, trong giai đoạn từ 1832 đến 1895, người Tây Nguyên sinh sống hoàn toàn độc lập vì không trực thuộc bất cứ chính quyền nào. Họ tự do sinh hoạt văn hóa và tín ngưỡng truyền thống, vì nếp sống của họ không va chạm với bất cứ nền văn hóa nào tại đồng bằng. Hơn nữa, họ cũng không có quan hệ trực tiếp với ai và cũng không người lạ mặt nào, kể cả người Kinh và người Xiêm La, phiêu lưu trên vùng đất xa lạ này trước khi các giáo sĩ Công giáo Pháp tìm đường lên cao nguyên Bình Định năm 1842 trốn tránh các vụ bắt giết người theo đạo tại đồng bằng và đã thành lập xứ đạo Kontum năm 1852.

Từ 1859 đến 1867, sau khi làm chủ Nam Kỳ, người Pháp bắt đầu tổ chức những cuộc thám hiểm qui mô trên vùng đất này. Năm 1895, chính quyền thuộc địa Pháp quyết định sáp nhập Tây Nguyên vào lãnh thổ hành chính Đông Dương nhưng vẫn để người Tây Nguyên sinh hoạt theo văn hóa truyền thống của họ. Chỉ từ sau đệ nhị thế chiến (1945), Tây Nguyên trở thành khu vực quân sự chiến lược giữa quân đội Pháp và phong trào Việt Minh, đời sống người Tây Nguyên mất đi sự độc lập. Để bảo đảm an ninh trật tự trên vùng đất này, ngày 27-5-1946 chính quyền thuộc địa Pháp thành lập một lãnh thổ tự trị dành cho người Tây Nguyên, gọi là "Pays Montagnard du Sud Indochinois" (Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương), viết tắt là PMSI, đặt dưới quyền cai trị trực tiếp của người Pháp, biệt lập với người Kinh ở đồng bằng.

"Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương" được hưởng một quy chế đặc biệt, nghĩa là có nền hành chính riêng, những

tòa án phong tục riêng và chương trình giáo dục riêng dành cho người thiểu số. Chính quyền thuộc địa Pháp tuyển chọn và đào tạo những thanh thiếu niên thuộc các gia đình vọng tộc người Tây Nguyên và Chăm vào Collège Sabatier (trường trung học cấp hai) ở Buôn Ma Thuột và Lycée Yersin (trường trung học cấp ba) ở Đà Lạt, một số khác được tuyển vào các đơn vị quân sự địa phương. Mục đích của người Pháp trước hết là nâng cao trình độ dân trí của người thiểu số để sau đó giúp họ quản trị vùng đất này.

Với thời gian, một số thanh niên ưu tú này đã tự kết hợp lại thành một nhóm nhân sĩ, có lập trường chính trị rõ ràng để bảo vệ quyền sống của dân tộc họ trên cao nguyên. Nói chung, nhóm nhân sĩ Tây Nguyên này không muốn bị người Kinh tiếp tục khinh khi gọi họ là "Man", "Mọi" hay "Hời". Vấn đề là cho tới 1954, nghĩa là từ sau khi có độc lập, cộng đồng người Kinh ở đồng bằng vẫn không hề hay biết hay không quan tâm gì tới những chuyển biến tâm lý và văn hóa quan trọng này trong lòng người Tây Nguyên.

Ngoài chương trình đào tạo hành chính và quân sự dành riêng cho người bản xứ, từ 1923 đến 1938, người Pháp cũng đã đầu tư rất nhiều vào những dự án phát triển cơ sở hạ tầng nhằm củng cố sự cai trị và khai thác tài nguyên trên Tây Nguyên, "Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương" trở thành một khu vực trù phú và an bình.

Lo sợ Tây Nguyên bị sáp nhập vào lãnh thổ Nam Kỳ, vua Bảo Đại yêu cầu chính quyền thuộc địa Pháp thừa nhận chủ quyền của triều đình Huế trên vùng đất này và đã được chấp nhận. Ngày 21-5-1951, "Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương" được Pháp nhìn nhận trực thuộc Hoàng Triều Cương Thổ (Domaine de la Couronne), do Bảo Đại lãnh đạo, nhưng được hưởng một qui chế đặc biệt: không ai có quyền sang nhượng lãnh thổ này cho một quốc gia khác nếu không có sự đồng ý của nhà vua và cộng đồng người Tây Nguyên được xác nhận không phải là người Kinh (non-annamites). Hoàng Triều Cương Thổ trên danh nghĩa là một lãnh địa tự trị, trong thực tế mọi quyền quyết định đều do người Pháp chủ động. Nói cách khác, Tây Nguyên là một vùng tự trị trực thuộc Pháp.

Trong qui chế mới này, để bảo đảm cho người Tây Nguyên nếp sống tự do theo truyền thống, người Pháp hạn chế tối đa, nếu không muốn nói là cấm hẳn, mọi phong trào di dân của người Kinh vào lãnh thổ này, trừ những nhân viên hành chính và quân sự được người tuyển mộ lên làm việc nhưng phải trở về đồng bằng khi hợp đồng mãn hạn. Chính vì thế, cho tới năm 1953, chỉ có khoảng 35.000 người Kinh sinh sống trên một khu vực chạy dài từ cao nguyên Gia Lai, Kontum, Đắc Lắc đến Lâm Đồng, đa số là quân nhân, công chức làm việc trong các cơ quan hành chính của Pháp, một số khác đến canh tác hoa màu để phục vụ người Pháp tại đây và chỉ tập cư quanh các thị trấn lớn như Đà Lạt, Buôn Ma Thuột.

Nói tóm lại, trong suốt 18 thế kỷ nằm trong quỹ đạo chính trị của vương quốc Champa và hơn 60 năm dưới chế độ Pháp thuộc, cộng đồng người Tây Nguyên sống hoàn toàn biệt lập với người Kinh đồng bằng. Đa số gần như chưa bao giờ thấy hay tiếp xúc với người Kinh và cũng không biết người Kinh nói tiếng gì. Những người hiểu biết hơn gọi người Kinh là "Yuon" hay "Yavana" (theo tiếng Phạn, đó là người ngoài, không cùng văn hóa với mình).

Sau hiệp định Genève 1954

Khi hiệp định Genève, ký ngày 21-7-1954, bắt đầu có hiệu lực, định chế Hoàng Triều Cương Thổ bị giải tán và "Xứ Thượng Miền Nam Đông Dương" được giao lại cho chính quyền Việt Nam Cộng Hòa, do thủ tướng Ngô Đình Diệm lãnh đạo, ngày 11-3-1955. Chủ tâm của chính quyền Ngô Đình Diệm khi sáp nhập phần đất này vào lãnh thổ Việt Nam Cộng Hòa là để xác nhận chủ quyền và vai trò lãnh đạo của người Kinh trên cao nguyên miền Trung.

Quyết định xóa bỏ Hoàng Triều Cương Thổ dành cho người Tây Nguyên cũng là xóa bỏ "Quy Chế Harmand" dành cho cộng đồng người Chăm sinh sống dọc vùng duyên hải các tỉnh Phan Rang, Phan Rí và Phan Thiết. Cộng đồng người Champa được đổi tên thành người Thượng và người Chăm. Cả hai cộng đồng này cùng với người Miên, người Hoa và các nhóm sắc tộc di cư từ miền Bắc sau 1954 có tên gọi chung là những "sắc tộc thiểu số".

Từ đầu năm 1955 trở đi, chính quyền Ngô Đình Diệm đã đưa khoảng 700.000 di dân miền Bắc, trong đó có hơn 20.000 người thiểu số từ các miền thượng du Bắc Việt, lên Tây Nguyên lập nghiệp, số còn lại định cư tại Sài Gòn và vùng ven đô. Những di dân gốc Kinh trên Tây Nguyên sống tập trung trong các thị trấn lớn, dọc các quốc lộ và vùng Phan Rang, Phan Rí. Sự hiện diện quá đông đảo của những di dân làm đảo lộn lối sống cổ truyền của những nhóm dân cư bản địa đã có mặt từ trước, sinh hoạt văn hóa truyền thống của người Tây Nguyên và người Chăm mai một dần với thời gian. Thêm vào đó, chính sách Việt hóa triệt để của chính quyền Ngô Đình Diệm đã để lại nhiều vết thương khó hàn gắn, nhất là với người Hoa và người Tây Nguyên. Đây là khúc quanh lịch sử đã tạo ra các biến cố dẫn đến sự vùng dậy đòi quyền sống của các dân tộc Tây Nguyên và Chăm. Hai cộng đồng này không chống lại sự lệ thuộc vào chính quyền Việt Nam, họ chỉ muốn chính quyền Việt Nam Cộng Hòa nhìn nhận và tôn trọng những quyền cổ truyền như quyền làm chủ đất đai, quyền phát triển tiếng nói và phong tục tập quán của họ... nhưng không thành.

1955 là năm khởi động tiếng chuông báo hiệu của sự vùng dậy đó. Sau khi chính quyền Ngô Đình Diệm tuyên bố bãi bỏ các tòa án phong tục và quyền làm chủ đất đai cổ truyền (cơ cấu tổ chức kinh tế, xã hội và tín ngưỡng của mình), một số trí thức và nhân sĩ Tây Nguyên (đa số xuất thân từ các trường do người Pháp đào tạo) đã cùng nhau họp lại bàn thảo về sự sống còn của dân tộc họ dưới chế độ Ngô Đình Diệm.

Đầu năm 1955, những người này thành lập một tổ chức

mang tên "Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Cao Nguyên". Y Mot Nie Kdam được bầu làm chủ tịch, Y Thih Eban làm tổng thư ký. Tháng 3-1955, Y Thih Eban thảo một văn thư gửi thủ tướng Ngô Đình Diệm yêu cầu : tôn trọng phong tục tập quán và truyền thống tín ngưỡng của dân tộc thiểu số ; áp dụng chính sách công bằng giữa dân tộc thiểu số và người Kinh ; trả lại cho người Tây Nguyên tất cả đất đai mà người Kinh hay chính phủ đã trưng dụng. Chẳng những không trả lời, tổng thống Ngô Đình Diệm, đặc cử ngày 23-10-1955, ban hành những biện pháp khắc khe hơn đối với người Tây Nguyên : phủ nhận quyền sở hữu đất đai cổ truyền ; bãi bỏ các tòa án phong tục ; cấm dạy thổ ngữ ; đưa hàng trăm ngàn người Kinh lên Tây Nguyên khai thác các vùng đất mới.

Quá thất vọng, đầu năm 1958, những người lãnh đạo Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Cao Nguyên thành lập một ủy ban điều hành mới để tìm một phương pháp đấu tranh khác hữu hiệu hơn. Ông Y Bham Enoul được ủy nhiệm làm chủ tịch. Ban lãnh đạo mới tập trung mọi nỗ lực vào việc nghiên cứu một chiến lược khả dĩ tạo ra một sức mạnh đủ để tiếng nói của toàn thể các sắc tộc Tây Nguyên được tôn trọng và được lắng nghe, không những ở trong nước mà cả ở ngoài nước, nghĩa là phải có tầm vóc quốc tế.

Ngày 1-5-1958, ban chấp hành Mặt Trận Giải Phóng Dân Tộc Cao Nguyên cho ra đời tổ chức Bajaraka (chữ viết tắt của bốn sắc tộc lớn : Bahnar, Jarai, Radé và Kaho). Đây là tổ chức chính trị đầu tiên của người Tây Nguyên chủ trương đấu tranh bất bạo động, yêu cầu tái lập lại quy chế "Hoàng Triều Cương Thổ" và chấm dứt mọi chính sách phân biệt đối xử với người thiểu số.

Hai tháng sau, ngày 25-7-1958, Y Bham Enoul cùng 16 thành viên Bajaraka ký tên chung trong một văn thư gửi tổng thư ký Liên Hiệp Quốc, đại sứ Mỹ, Pháp, Anh ở Sài Gòn, yêu cầu can thiệp với chính quyền Ngô Đình Diệm tái lập lại quy chế tự trị ở Tây Nguyên. Ngày 8-9-1958, Y Bham Enoul, với tư cách là chủ tịch phong trào Bajaraka, gửi một văn thư chính thức cho tổng thống Ngô Đình Diệm, yêu cầu ban hành một chính sách mới cho người thiểu số. Hai ông Y Dhor Adrong và Y Mot Nie đem thư này về Sài Gòn trao cho văn phòng phủ tổng thống. Nhận được thư, tổng thống Ngô Đình Diệm liền ra lệnh truy nã và bắt giam tất cả những người đã ký tên trong văn thư : các ông Paul Nư, Y Thih Eban, Y Bham Enoul, Y Ju Eban, Nay Luett...

Ngày 26-11-1958, có tin đồn người Tây Nguyên sẽ nổi lên tấn công các ngục giam để giải thoát những thành viên Bajaraka bị bắt, chính quyền Sài Gòn liền đưa ông Y Bham Enoul về Huế giam và những thành viên Bajaraka khác về trại giam ở Sài Gòn, đồng thời chuyển những cán bộ, viên chức dân sự và quân sự, tình nghi có liên hệ với phong trào Bajaraka, về làm việc ở các tỉnh đồng bằng.

Ngày 1-5-1962, từ ngục giam, ông Y Thih Eban gửi một bức thư khác cho đại sứ Hoa Kỳ ở Sài Gòn yêu cầu can thiệp với tổng thống Ngô Đình Diệm trả tự do cho tất cả thành viên Bajaraka bị giam giữ. Ngày 18-8-1962, 5 thành viên Bajaraka được trả tự do, đó là các ông Y Thih Eban, Nay Luett, Toneh Yoh, Siu Sipp, Y Ju Eban, trong khi các

ông Y Bham Enoul và Paul Nưr vẫn tiếp tục bị giam.

Tháng 6-1963, ông Y Thih Eban nhậm chức quận trưởng Buôn Sarpa, một căn cứ quân sự của lực lượng đặc biệt Mỹ gần biên giới Campuchia mà đa số thành viên đều thuộc phong trào Bajaraka. Tại Buôn Sarpar, Y Thih Eban giao cho thiếu úy Y Nam Eban trách nhiệm lãnh đạo quân sự cán bộ Bajaraka và cử Y Klong Nie sang Campuchia liên lạc viên với trung tá Les Kosem (một lãnh tục gốc Chăm ở Nam Vang) tìm giải pháp đưa Y Bham Enoul ra khỏi ngục giam. Sau ngày gặp gỡ với Y Klong Nie ở thủ đô Nam Vang, Les Kosem hứa là sẽ dành cho Y Bham Enoul và thành viên Bajaraka một sự đón tiếp nồng hậu nếu Y Bham sang Campuchia.

Mọi chuyện đang được xúc tiến thì cuộc đảo chánh lật đổ chính quyền Ngô Đình Diệm ngày 1-11-1963 đã làm thay đổi toàn bộ thế cờ chính trị miền Nam Việt Nam, trong đó có người Tây Nguyên. Toàn bộ những người trong phong trào Barajaka còn bị giam giữ đều được trả tự do.

Một ngày đầu tháng 3-1964, Y Bham Enoul cử Y Klong Nie sang Campuchia gặp trung tá Les Kosem tại bờ sông Dam cạnh vùng biên giới Việt-Miên. Trong cuộc gặp gỡ này, Y Klong Nie yêu cầu Les Kosem phải bằng mọi cách bảo vệ tánh mạng những người lãnh đạo phong trào Bajaraka khi bị cảnh sát Việt Nam Cộng Hòa truy nã lần nữa. Trung tá Les Kosem nhờ Y Klong Nie giao tận tay Y Bham Enoul bức thư trả lời, theo đó Les Kosem bày tỏ lòng ngưỡng mộ của ông ta đối với sự hy sinh cao cả của ông Y Bham Enoul cho lý tưởng dân tộc, một người mà Les Kosem nhìn nhận là bậc đàn anh của dân tộc Champa, và hứa là sẽ bằng mọi cách giúp các thành viên Bajaraka và Y Bham Enoul sang Campuchia một khi tình hình chính trị ở Việt Nam đưa họ vào ngõ cụt. Trong một cuộc trao đổi nội bộ, Y Dươn Adrong, Y Nhuin Hmok và Y Nham Eban chấp nhận đưa các thành viên Bajaraka sang Campuchia hợp tác với Les Kosem.

Ngày 20-9-1964, một số sĩ quan gốc Chăm và Khmer Krom thuộc quân đội hoàng gia Campuchia, do Les Kosem đứng đầu, tập trung một số cán bộ hành chánh và quân sự thành lập một mặt trận chung gọi là *Front Unifié de Lutte des Races Opprimées*, viết tắt là **FULRO** (Mặt Trận Thống Nhất Đấu Tranh Các Chủng Tộc Bị Áp Bức). Trong thực tế Fulro là tập hợp của ba mặt trận :

- Mặt Trận Giải Phóng Campuchia Krom (lãnh thổ từ Sài Gòn đến mũi Cà Mau).

- Mặt Trận Giải Phóng Campuchia Bắc (vùng Champassak ở Nam Lào).

- Mặt trận giải phóng Champa (Tây Nguyên và các tỉnh Phan Rang, Phan Rí, Phan Thiết).

Để chính thức hóa liên minh chính trị này, những người lãnh đạo Fulro (phái đoàn Bajaraka, trung tá Les Kosem và trung tá Um Savuth, một lãnh tụ Khmer Krom) vẽ ra lá cờ Fulro đầu tiên hình chữ nhật gồm ba sọc màu xanh biển (tượng trưng cho biển cả), màu đỏ (biểu tượng của đấu tranh) và màu xanh lá cây (màu của rừng núi). Trên sọc màu đỏ có ba ngôi sao màu trắng tượng trưng cho ba mặt trận của Fulro : Campuchia Krom, Campuchia Bắc và

Champa.

Trong suốt quá trình đấu tranh bằng vũ lực, mà hàng ngàn người Tây Nguyên đã hy sinh trên các chiến trường, mặt trận Fulro đã không đạt được mục tiêu đề ra là xây dựng một lãnh thổ "Tây Nguyên-Champa tự trị", nhưng tổ chức này đã đánh động được dư luận Việt Nam và nước ngoài quan tâm đến những đòi hỏi của cộng đồng người Tây Nguyên và Chăm trong quốc gia Việt Nam.

Năm 1969, chính quyền Việt Nam Cộng Hòa đã tỏ ra đặc biệt quan tâm tới tương lai của người gốc Tây Nguyên và Chăm bằng cách tiến cử nhiều nhân sĩ xuất thân từ hai cộng đồng này vào những chức vụ cao trong chính quyền và thành lập nhiều định chế chính trị do người thiểu số đứng đầu (Bộ phát triển sắc tộc, hội đồng sắc tộc, quận trưởng, xã trưởng), ngoài ra họ còn tham gia trực tiếp vào nhiều định chế như quốc hội, thượng nghị viện, tòa án...

Cộng đồng người Tây Nguyên từ 1975 tới nay

Thời vàng son của người Tây Nguyên chấm dứt năm 1975, cả nước bị đặt dưới quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam. Tất cả những qui chế đặc biệt dành riêng cho người thiểu số đều bị bãi bỏ.

Lợi dụng tình trạng loạn lạc tháng 3-1975, cộng đồng người Tây Nguyên thu nhặt các loại vũ khí bỏ rơi, khí quân đội Việt Nam Cộng Hòa rút lui về đồng bằng, và đứng ra tự bảo vệ buôn làng của mình. Xung đột liên xảy ra, Tây Nguyên bị đặt dưới quyền lãnh đạo trực tiếp của bộ đội. Chênh lệch lực lượng đã quá rõ ràng, người Tây Nguyên không đủ sức chống lại một quân đội mạnh hơn gấp nhiều lần, những người lãnh đạo phong trào chống đối nếu không bị giết thì cũng bị bắt, một số khác chạy sang Campuchia tiếp tục chống đối tới năm 1982 thì chấm dứt hẳn.

Từ sau ngày đó, cộng đồng người Tây Nguyên bị phân biệt đối xử. Chính quyền cộng sản đã đưa hàng triệu người từ đồng bằng sông Hồng và miền thượng du Bắc Việt lên Tây Nguyên khai thác. Trước sự lấn át này, địa bàn cư trú của người Tây Nguyên teo hẹp dần, đất đai cổ truyền của họ lần lượt lọt vào tay những di dân mới và người Tây Nguyên trở thành thiểu số trên chính quê hương của họ.

Niềm an ủi cuối cùng của người Tây Nguyên là theo đạo Tin Lành cũng bị đánh phá. Các nhà thờ Tin Lành bị niêm phong, toàn bộ sinh hoạt của những hội thánh tư gia đều bị cấm chỉ. Sự nhẫn nại của người Tây Nguyên đã vượt quá sức chịu đựng, đầu năm 2001 hàng chục ngàn người xuống đường đòi tự do tôn giáo và trả lại đất đai, và đã bị đập tắt trong bạo lực, hàng ngàn đã phải chạy vào rừng sâu và sang Campuchia trốn lánh, số còn lại bị bắt và bị theo dõi. Tháng 4-2004 người Tây Nguyên lại đứng dậy đòi quyền sống và cũng bị trấn áp trong máu lửa.

Trong suốt 50 năm Tây tiến của người Kinh, từ 1954 đến 2004, chưa bao giờ các chính quyền Việt Nam có chính sách nâng đỡ và tôn trọng thực sự văn hóa của người Tây Nguyên. Đã đến lúc phải thay đổi, và thay đổi càng sớm càng tốt, để mọi người Việt Nam có thể cùng nhau bắt tay xây dựng lại một tương lai chung.

Ya Biloh (Cheo Reo)

AI ĐƯỢC ? AI MẤT ?

Vũ Hoàng

Người làm chính trị chân chính luôn quan tâm đến đời sống muôn mặt của người dân... Sự quan tâm đó hôm nay xin gửi đến báo *Thông Luận* - tiếng nói của Tập Hợp Dân Chủ Đa Nguyên, một tổ chức chính trị có uy tín không những ở hải ngoại mà còn ở cả trong nước - qua bài phân tích về thị trường nhà đất tại Việt Nam này.

Đây chắc chắn cũng là ưu tư của nhiều người trong nước, bởi vì sở hữu một căn nhà vừa ý là ước mơ chính đáng của bất kỳ một ai. Người xưa thường nói có an cư thì mới lạc nghiệp. Tuy nhiên do điều kiện sống xa tổ quốc nên không thể có cái nhìn đầy đủ và chính xác, nếu có gì thiếu sót mong được bạn đọc xa gần, nhất là bạn đọc trong nước, bổ xung thêm.

Có thể khẳng định một điều là giá cả nhà đất tại Việt Nam hiện nay là quá cao, không thực tế. Đó là một cản trở cho những ước mơ có được một căn nhà riêng cho mình và cho gia đình mình mà những người làm ăn chân thật, công nhân viên chức, người có thu nhập thấp, nông dân (trừ giới doanh nghiệp) thường ao ước !

Theo báo chí trong nước thì ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, giá trung bình một căn hộ có diện tích từ 65 đến 80 mét vuông là từ 500 đến 800 triệu đồng (khoảng 30.000-50.000 USD), nhiều căn hộ khác giá còn cao hơn nhiều, từ 1 đến 1,5 tỉ đồng. Còn giá quyền sử dụng đất thì lại càng ở... trên trời.

Theo bạn Lê Văn Hưng ở mục *Bạn đọc viết* trên mạng *Vnexpress* : "Vợ chồng tôi thu nhập một tháng 13 triệu, (đã đóng thuế thu nhập) chắc chắn cao hơn nhiều so với một bảng lương nhà nước, nhưng với giá nhà như hiện nay thì một căn hộ chung cư chỉ là trong mơ mà thôi".

Ông Ngô Tu Long, viện phó Viện Khoa học Giá cả trực thuộc Bộ Tài chính trả lời trên *Vnexpress* : "Đầu cơ địa ốc đã đẩy giá nhà đất tại Việt Nam lên cao nhất thế giới. Ở Nhật lúc cao nhất cũng chỉ có giá là 10.000 USD một mét vuông (Tokyo), nhưng ở Hà Nội có những khu giá từ 16.000 đến 20.000 USD/mét vuông. Nhà chung cư cũng vậy, giá gốc nhà nước thu thuế của các chủ dự án chỉ từ 5 đến 6 triệu đồng/mét vuông (tức từ 350 đến 400 USD/mét vuông) nhưng thực tế luôn cao gấp 2-3 lần".

Mặc dù giá cả nhà đất đã quá cao như vậy, khó có ai có thể mua trực tiếp từ các chủ dự án ; hầu hết đều phải mua lại qua "cò", đương nhiên là với giá cao hơn rất nhiều so với giá gốc. Ông Lê Tuấn Phương, phụ trách trung tâm giao dịch địa ốc ACB, cho biết số tiền chênh lệch mà người mua phải trả cho mỗi căn hộ sẽ từ vài chục đến vài trăm triệu !

Với giá nhà đất như vậy, ai là người có thể mua được nhà ? Trừ một số ít nhà doanh nghiệp, Việt kiều, những người nhận tiền gửi từ nước ngoài về, hoặc do tiết kiệm rồi đổi nhà nhỏ ra nhà to có thể mua được nhà, những người sở đắc còn lại chủ yếu là các vị quan tham những các cấp

các ngành, từ trung ương đến địa phương. Điều mà ai cũng biết là hiện nay mỗi vị quan cách mạng từ cấp tỉnh trở lên có không biết bao nhiêu là dinh cơ, biệt thự lớn nhỏ. Còn người dân chân lấm tay bùn, công nhân viên chức có mức thu nhập vài trăm nghìn đồng một tháng thì cho dù có nằm mơ cũng không dám mơ sẽ có ngày mua được một căn hộ hoặc ngôi nhà ở thành phố.

Hậu quả của việc đẩy giá nhà và quyền sử dụng đất lên cao như vậy ảnh hưởng trầm trọng trực tiếp đến đời sống kinh tế xã hội tại Việt Nam, cho bây giờ và cả mai sau :

1. Trước hết nó hạn chế đầu tư nước ngoài. Do giá sử dụng đất quá cao nên chi phí lập doanh nghiệp cũng cao theo, như vậy sự hấp dẫn của giá thành rẻ không còn hấp dẫn những nhà đầu tư nước ngoài nữa. Lý do là những nhà doanh nghiệp Việt Nam tham gia hợp tác với doanh nghiệp nước ngoài thường góp vốn bằng đất chứ không bằng tiền, nếu tính ra thành tiền thì trị giá của đất tương đương với 30-40% tổng số vốn. Đó là chưa kể với bộ máy quan liêu và tham nhũng nhất nhì thế giới thị trường Việt Nam đã làm nản lòng rất nhiều những nhà đầu tư nước ngoài.

2. Kế đến là nó hạn chế khả năng cạnh tranh và mở rộng sản xuất của các doanh nghiệp trong nước. Muốn hạ giá thành, phải nhập kỹ thuật và thiết bị công nghệ cao để có thể mở rộng sản xuất... Nhưng với giá sử dụng đất cao như hiện nay, các doanh nghiệp cỡ trung và cỡ nhỏ khó có thể mở rộng được sản xuất vì không đủ vốn : nếu trả được tiền thuê đất thì sẽ không đủ tiền mua máy móc hay trang thiết bị, và ngược lại. Hơn nữa, giá sử dụng đất trong các khu chế xuất hiện nay vẫn còn cao và chỉ phù hợp với các công ty có vốn lớn, do đó các doanh nghiệp cỡ vừa và nhỏ của Việt Nam còn rất manh mún, thiếu tính cạnh tranh.

3. Tiếp theo là, do việc đẩy giá sử dụng đất lên quá cao, Việt Nam sẽ rất khó khăn trong việc phát triển cơ sở hạ tầng. Ai cũng biết hệ thống cơ sở hạ tầng của Việt Nam hiện nay còn quá kém, đường sá rất ít được mở mang trong khi trọng lượng đô thị hóa ngày càng gia tăng khiến cho hệ thống hạ tầng có sẵn vốn đã kém trở nên quá tải rồi... bế tắc. Một trong những lý do khó có thể cải tạo được cơ sở hạ tầng là giá sử dụng đất quá cao, ngân sách nhà nước không đủ để đền bù khi muốn mở rộng lòng đường. Đền bù ít thì dân không chịu vì không thể mua lại một ngôi nhà khác tương tự, đền theo giá thị trường thì nhà nước không đủ khả năng. Mà Việt Nam có giàu có gì cho cam, tất cả những công trình công cộng lớn đều phải đi vay từ nước ngoài. Cũng nên biết trong nhiều công trình mở rộng đường sá, số tiền đền bù để giải tỏa chiếm hơn 2/3 tổng số vốn đầu tư. Để giải quyết, một trong những biện pháp bất thành văn của chính quyền là McKeno, nghĩa là mặc kệ nó, đến đâu thì đến, ra sao thì ra vì... bất lực.

Một ví dụ : Cách Mạng Tháng Tám (trước kia là Công Lý) là tên một đoạn đường huyết mạch nối liền các quận

12, Tân Bình, quận 10, quận 3 đến trung tâm thành phố Sài Gòn, quận 1, thế mà có nhiều đoạn đường chỉ có hai làn xe hai bên. Nếu có bị kẹt xe trên đường này âu cũng là chuyện bình thường, hôm nào không kẹt xe mới là chuyện lạ. Chính quyền Sài Gòn chưa có biện pháp nào để giải quyết nạn kẹt xe trên đường này vì không đủ ngân sách để giải tỏa hai bên đường. Trị giá một căn nhà có diện tích 4x20 mét trên con đường này khoảng 400 cây vàng (tương đương 200.000 USD), giải tỏa nhà cửa để mở rộng lòng lề đường này là điều không tưởng. Thôi thì... McKeno.

4. Cuối cùng là nó làm mất niềm tin của con người vào cuộc sống, góp phần làm băng hoại đạo đức xã hội. Có lẽ suốt đời những người dân bình thường, những người làm ăn chân chính và không được giúp đỡ, ít ai có đủ tiền để mua một căn nhà hay một căn hộ chung cư. Khi không còn hy vọng tạo riêng cho mình một mái nhà, niềm tin vào cuộc sống sẽ mất đi, tâm lý con người trở nên tiêu cực : mất ý thức trách nhiệm, thiếu tinh thần cạnh tranh, làm chiếu lệ, sống qua ngày, mặc cho lá mùa thu bay đi... Không ai cố gắng làm thêm và khi có cơ hội tất cả sẵn sàng tìm quên trong những thú vui vật chất thấp hèn.

Ngược lại những kẻ có chức, có quyền, những ông trùm lớn nhỏ, những kẻ ăn bám phát lên nhờ làm ăn bất chính, đầu cơ nhà đất. Họ đi những chiếc xe vài chục nghìn đô, uống những chai rượu vài trăm đô, con cái họ tiêu xài một đêm hết năm ba nghìn đô là chuyện bình thường. Hồ sâu ngăn cách giàu-nghèo ngày càng sâu rộng và trở nên nguy hiểm. Không ai lường trước được hậu quả và những tai hại do bất mãn xã hội gây ra, vì bên cạnh sự phởn phàng giàu sang bất chính đó, đại đa số quần chúng nhân dân đang phải khổ nhọc lắm mới kiếm được ngày ba bữa cơm. Đạo đức xã hội cũng bị băng hoại và mài mòn, nhiều án mạng ghê rợn mà báo chí trong nước đưa tin, phần lớn là do chia chác nhà đất không sòng phẳng, có khi cha con, anh em đâm chém lẫn nhau vì tranh chấp nhà đất. Con người đối xử với nhau cạn tàu ráo máng, đứt tình ruột thịt cũng vì... đất. Tình làng nghĩa xóm mất đi cũng vì... đất. Đất không còn hiền hòa nữa, đất đang gào thét, quằn quại.

Tại sao giá nhà đất lại gia tăng ? Nguyên nhân chính là do đầu cơ địa ốc. Vẫn theo *Vnexpress* ngày 9-7-2004, những người đầu cơ địa ốc đã "mua" hết những căn hộ khi chúng còn nằm trong ý tưởng, trên giấy, trên sơ đồ, có khi đã bị xếp bỏ vào ngăn kéo. Sau khi biến những dự án xây cất thành hiện thực, họ đứng ra xây cất và bán lại với giá chênh lệch thật cao. Tình trạng này dẫn đến một sự thật trớ trêu : nhu cầu nhà ở trong thành phố còn rất cao nhưng chỉ có phân nửa hoặc 1/3 những chung cư xây cất xong là có người ở, số còn lại vẫn "cửa đóng then cài" !

Vậy ai là những kẻ đầu cơ ? Ai là những ông trùm thật sự ? Đương nhiên trước hết là các công ty môi giới bất động sản, nhưng đây chỉ là một số ít. Nguyên nhân chính là cái cơ chế độc quyền toàn trị của nhà nước cộng sản Việt Nam đã đẻ ra các công ty xây dựng độc quyền, các nhà qui hoạch độc quyền, các ông trùm (cò) đất độc quyền ; tất cả bắt tay nhau trong một liên minh ma quỷ để làm mưa làm gió trên thị trường nhà đất tại Việt Nam.

Qui hoạch thành phố như thế nào ? Ai được phép xây dựng, ai được mua, phân phối ra sao... đều là độc quyền của ông nhà nước cộng sản. Người dân không thể biết được mà có biết cũng không làm gì được bởi vì đây là nguồn sống của đảng cộng sản ban phát cho những kẻ trung thành và tận tụy. Những ông trùm nhà đất chỉ là em út của những ông qui hoạch nhà nước. Dưới bàn tay phù thủy của ông qui hoạch, những cánh đồng hoang, những đầm lầy phèn chua nước mặn... cũng trở thành những khu chế xuất, khu công nghiệp, du lịch... để những công ty môi giới mua rồi bán lại với giá cao gấp trăm, gấp ngàn lần trị giá ban đầu, lợi tức thu về sau mỗi vụ qui hoạch hàng trăm tỉ đồng là chuyện bình thường. Tất nhiên trong quá trình đó cũng có một số ít nông dân được hưởng lộc do "các ông con Giời" cho, vì đang sinh sống trên những mảnh đất đó trong bỗng chốc trở thành tỉ phú do giá sử dụng đất đội lên quá cao.

Để chống chế sự bao che cho liên minh ma quỷ nhà đất, chính quyền cộng sản ém nhem những vụ thừa kiện về nhà đất, trong khi dân chúng yêu cầu nhà nước đưa ra những biện pháp chống đầu cơ địa ốc như niêm yết công khai giá bán, giá mua các căn hộ ; đánh thuế cao những người có diện tích sử dụng đất quá lớn ; thanh tra, kiểm soát các công ty xây dựng v.v. Nhưng đây là chỉ những điều không tưởng, bởi vì Việt Nam là một thể chế độc quyền, từ chính trị, văn hóa, kinh tế... đến tất cả mọi thứ. Công khai và minh bạch không thể có trong một chế độ độc tài đảng trị.

Chế độ nào pháp luật nấy. Cơ chế độc quyền lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam đã sản sinh ra tất cả những tệ nạn xã hội hiện nay. Những người lãnh đạo cộng sản độc quyền ban phát những lợi lộc một cách tùy tiện, tùy theo ý thích. "Nhà đột từ nóc đột xuống". Nếu tất cả mọi thứ đều rõ ràng và minh bạch thì các quan lớn nhỏ của đảng lấy gì mà "ăn" : tiền đầu để xây hết biệt thự này đến dinh cơ khác, cho con đi học nước ngoài, mua nhà ở nước ngoài, đi du hí tại nước ngoài ?

Tất cả những công lao kháng chiến chống Pháp, đánh Mỹ không đủ để biện minh cho sự coi thường và bóc lột dân tộc và đất nước này của những người lãnh đạo cộng sản.

Qua những phân tích vừa kể, giá cả nhà đất tại Việt Nam trong những tháng ngày sắp tới sẽ còn lên cao vì sự chia chác quyền lợi chưa kết thúc. Thật ra là những người lãnh đạo đảng cộng sản hiện nay chưa muốn kết thúc vì số tiền do những người Việt ở nước ngoài gửi về cho thân nhân trong nước còn rất lớn, khoảng 3 tỉ USD mỗi năm. Chính vì thế, với nguồn viện trợ không hoàn lại này mà nền kinh tế Việt Nam vẫn phát triển bình thường và giá nhà đất chưa có dấu hiệu gì là hạ sốt. Và không chỉ có nhà đất, giá cả thuốc tây, sắt thép xây dựng, xe ô tô... trong những ngày sắp tới sẽ còn gia tăng khủng khiếp. Tất cả chỉ vì nhà nước vẫn còn giữ độc quyền, độc quyền đẻ ra độc quyền, và còn độc quyền thì dân ta còn khổ dài dài...

Chỉ có một chế độ dân chủ, nơi mà không còn chỗ đứng cho bất cứ một thứ độc quyền nào, từ chính trị đến kinh tế, văn hóa, tín ngưỡng, hàng hóa, thực phẩm, thuốc men... mới giải quyết được những bất công trong xã hội.

Việt Hoàng (Moscovia)

5. Sự quan tâm của người Bỉ và người Áo đối với văn hóa Việt Nam

Lê Văn Hào

Bỉ và Áo : hai nước nhỏ, văn hóa lớn

Nói đến Bỉ ở Tây Âu và Áo ở Trung Âu, người ta thường nghĩ đó là hai nước nhỏ. Nếu chỉ nói đến diện tích và dân số, đúng là vương quốc Bỉ và cộng hòa Áo rất nhỏ so với thế giới : Bỉ rộng 30.500 km², 10 triệu dân, sử dụng ba ngôn ngữ (Hà Lan, Pháp, Đức) ; Áo rộng 84.000 km², 8 triệu dân, nói thuần tiếng Đức. Nhưng về mặt lịch sử, chính trị và văn hóa, hai nước này không nhỏ.

Vương quốc lập hiến Bỉ tuy chỉ ra đời từ 1831 nhưng người Bỉ có mặt trong lịch sử châu Âu từ thế kỷ 9. Đến nay Bỉ đã đóng góp cho châu Âu và thế giới nhiều tài năng văn hóa nghệ thuật lớn như : các danh họa Van Eyck, J. Bosch, Bruegel, Rubens, Van Dyck... ; các văn hào, nhà thơ G. Simenon, M. Maeterlinck... Đặc biệt thủ đô Bruxelles (Brussel) là một trong hai thủ đô của Liên Hiệp Châu Âu.

Tiểu quốc Áo đã xuất hiện từ đầu thế kỷ 9, thời hoàng đế Charlemagne. Nhưng từ cuối thế kỷ 17 đến đầu thế kỷ 20, Áo là một vương quốc cường thịnh dưới tên gọi Đế chế Áo, rồi Đế chế Áo-Hung (Austro-Hongrois). Chỉ từ 1919 trở đi, cộng hòa Áo mới trở thành một nước nhỏ ở Trung Âu. Tuy nhỏ về hình thể nhưng Áo lớn về văn hóa nghệ thuật và đã đóng góp cho châu Âu và thế giới những tên tuổi lẫy lừng : những nhà văn, nhà thơ R-M. Rilke, S. Zweig... ; những nhạc sĩ J. Haydn, W-A Mozart, F. Schuman... ; người cha của ngành phân tâm học S. Freud... Áo cũng có những thành phố nghệ thuật tiếng tăm : thủ đô Vienne, Salzburg, Linz...

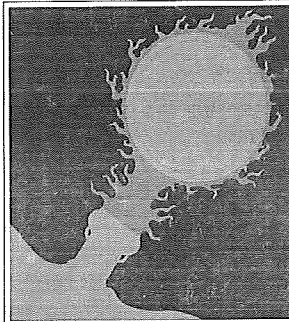
Đặc biệt là Bỉ và Áo có những di tích lịch sử văn hóa lâu đời, những thư viện lớn, những viện bảo tàng lịch sử, mỹ thuật, dân tộc học, phong phú không thua các nước lớn ở Âu, Á, Mỹ, Phi. Người có thể tìm xem vô số tác phẩm, hiện vật quý hiếm của các nước châu Á, trong đó có hàng ngàn tác phẩm, hiện vật của Việt Nam, tại Bỉ và Áo.

Bỉ và Áo quan tâm đến văn hóa nghệ thuật Việt Nam

Chỉ trong vòng 20 năm gần đây, Bỉ và Áo đã lần lượt tổ chức 5 cuộc triển lãm quan trọng về văn hóa nghệ thuật Việt Nam. Đó là:

1. **Tiếng những cổ trống, Việt Nam - Nam Dương - Thái Bình Dương**, từ tháng 3 đến tháng 9-1983 tại Viện bảo tàng hoàng gia Mariemont, Bỉ.

2. **Việt Nam thế kỷ 20, Nghệ thuật tạo hình và nghe nhìn 1925-1998** tại Không gian Phương Nam (Espace Méridien),



Tiếng những cổ trống
(Viện bảo tàng Mariemont, Bỉ)

Bruxelles, Bỉ, từ 9-10 đến 31-12-1998.

3. **Những nền mỹ thuật Việt Nam, Hoa đào và Chim xanh**, tổ chức tại Viện bảo tàng hoàng gia Mariemont, Bỉ, từ 20-4 đến 18-8-2002.

4. **Việt Nam, mỹ thuật và những nền văn hóa, từ tiền sử đến ngày nay**, tại Viện bảo tàng hoàng gia Nghệ thuật và Lịch sử Bruxelles, Bỉ, từ 17-9-2003 đến 29-2-2004.

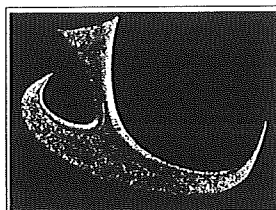
5. **Sự mê hoặc của Việt Nam, Thần linh, Anh hùng, Tổ tiên**, tại Cung điện mới, thành phố cổ Leoben, Áo, từ 3-4- đến 1-11-2004 (1).

1983 : nền văn minh Đông Sơn được vinh danh tại Bỉ

Từ mùa xuân đến mùa thu 1983, Viện bảo tàng hoàng gia Mariemont, tỉnh Morlanwelz, đã có sáng kiến khởi xướng một cuộc triển lãm quan trọng và độc đáo : *Tiếng những cổ trống, Việt Nam-Nam Dương-Thái Bình Dương*, tập hợp hơn 100 hiện vật quý hiếm và tranh ảnh độc đáo của bốn viện bảo tàng Bỉ, Pháp và của nhiều bộ sưu tập tư nhân. Viện bảo tàng hoàng gia Mariemont muốn sử dụng chủ đề *Trống Đồng* - hiện vật tiêu biểu nhất của văn minh Đông Sơn do những người Việt cổ sáng tạo ra trong những thế kỷ cuối của thiên niên kỷ 1 trước công nguyên - như một sợi chỉ đỏ dẫn đường để giới thiệu văn minh văn hóa miền Đông Nam Á lục địa và hải đảo, "những thế giới xa xôi và chưa được biết đến".

Qua lời nói đầu của cuốn Catalô dành riêng cho cuộc triển lãm này, ban tổ chức muốn vinh danh "nền văn minh Đông Sơn và sự tỏa rạng của nó" từ lục địa Đông Nam Á đến quần đảo Nam Dương và những đảo xa xôi của châu Đại Dương (Océanie).

Các hiện vật được chia thành ba nhóm, cũng là ba phần lớn của cuộc triển lãm : Việt Nam, Nam Dương, Thái Bình Dương. Đó là những trống, thạp, chuông đồng, tượng mô, sừng ma thuật (corne à magie), bộ phận trang trí mặt tiền kiến trúc (ornement de façade), đồ trang sức, tượng đàn ông, đàn bà bằng đồng và bằng đá, mảnh gỗ trang trí hình người dùng làm khiên, mộc, đồ dùng bằng tre, đất nung, hộp gỗ, thắt lưng bằng vỏ cây, vũ khí bằng đồng (dao găm, mũi tên...), bằng gỗ (chùy...), v.v. của người Việt cổ, của các sắc dân Tây Nguyên (Việt Nam), của nhiều sắc dân Nam Dương và hải đảo trên Thái Bình Dương ngày nay - cho thấy ảnh hưởng của văn minh Đông Sơn đã tỏa rạng trên toàn vùng Đông Nam Á cổ đại và cận hiện đại.



Rìu chiến Đông Sơn
(tìm thấy tại Java)

Cuốn Catalô *Tiếng những cổ trống...* chỉ vốn vẹn 100 trang kèm theo 100 ảnh minh họa, nhưng tác giả Catherine Talon-Noppe đã dành cho Việt Nam 30 ảnh và 50 trang viết về 12 chủ đề : cái nhìn bao quát địa lý ; những giai đoạn tiến triển của tình hình dân cư ở miền Bắc ; cuộc Nam tiến của người Việt ; Dân tộc Việt Nam, một ngoại lệ ; một bức tranh ghép mảnh (mosaïque) những sắc dân và những ngôn ngữ ; lịch sử và triển vọng công cuộc nghiên cứu khảo cổ học ở Việt Nam ; văn minh Đông Sơn và sự tỏa rạng của nó ; trống đồng : tôn giáo và chính trị ; một nghệ thuật đồ đồng ngoại lệ ; Đông Sơn và những người đương thời ; mối quan hệ với Trung Quốc và sự cáo chung của văn minh Đông Sơn ; các sắc dân vùng Tây Nguyên.

Tính đến 1983, thời điểm của cuộc triển lãm, đây là những trang viết phong phú và nghiêm túc về văn hóa người Việt cổ, lấy cảm hứng từ những nghiên cứu của Trường Viễn Đông Bác Cổ Pháp cùng những nghiên cứu mới nhất của L. Bezacier, Nguyễn Phúc Long, Hà Văn Tấn... trong những thập niên 1970-1980.

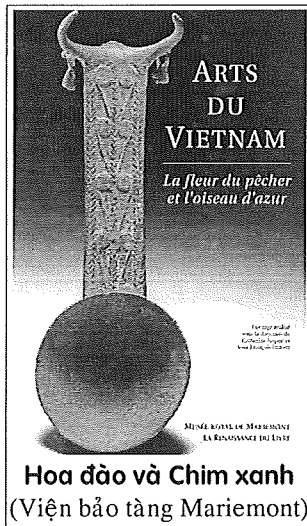
Viện bảo tàng hoàng gia Mariemont - được sự hỗ trợ của các viện bảo tàng Bruxelles, Anvers (Bỉ), Cernushi (Pháp) - đã làm được một công hai việc : vừa vinh danh văn minh Đông Sơn, văn hóa Việt cổ, vừa khơi gợi cho thế giới biết về một nền văn minh liên hoàn Đông Nam Á từ đất liền đến hải đảo, đâu đâu cũng thấp thoáng bóng dáng đẹp đẽ của thiên tài Đông Sơn mà Việt Nam là người kế thừa chính đáng.

1998 : hội họa và điện ảnh Việt Nam được giới thiệu tại Bỉ

Năm 1988, Ủy ban Liên Hiệp Châu Âu đã phối hợp cùng bộ văn hóa Pháp thoại của Bỉ và hội đồng quản trị vùng Bruxelles đứng ra tổ chức cuộc triển lãm "Việt Nam thế kỷ 20, Nghệ thuật tạo hình và nghe nhìn 1925-1998", từ ngày 9-10 đến 31-12-1998.

Bộ văn hóa thông tin Việt Nam đã đồng ý cho các viện bảo tàng mỹ thuật, các họa sĩ có tên tuổi, các nhà sưu tập tư nhân (Phan Kế An, Bùi Đức Minh, Phạm Văn Bổng, Nguyễn Văn Lâm...) cho mượn tác phẩm. Một đoàn chuyên gia Việt Nam (Trịnh Hương Lan, Trần Văn Thủy...) cũng đã đến Bruxelles tiếp tay những chuyên gia Bỉ thực hiện cuộc triển lãm.

Trong số 105 tác phẩm của 44 họa sĩ Việt Nam thuộc các thế hệ khác nhau từ 1925 đến 1998 được trưng bày trong cuộc triển lãm này, có nhiều kiệt tác, nhiều tác phẩm đáng mến mộ. Người xem có dịp tiếp xúc trực tiếp với các tác phẩm để đời của những danh họa xuất thân từ Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, từ thế hệ Lê Văn Đệ, Tô Ngọc Vân... đến thế hệ Bùi Xuân Phái, Nguyễn Tư Nghiêm... và một số họa sĩ đàn em, đàn con, đàn



Hoa đào và Chim xanh
(Viện bảo tàng Mariemont)

cháu tài ba từ sau 1945 đến nay, những Lưu Công Nhân, Lê Thanh Đức, Đinh Ý Nhi...

Ngành điện ảnh non trẻ của Việt Nam, với chủ đề "Việt Nam thế kỷ 20" cũng đã gặt hái được nhiều khích lệ đáng kể qua *Cô gái trên sông*, *Tiếng vĩ cầm ở Mỹ lai*, *Một cõi tâm linh*, *Đường dây sông Đà*, *Chìm nổi sông Hương...* của những Đặng Nhật Minh, Trần Văn Thủy, Lê Mạnh Thích...

Khách xem tranh xem phim đã gửi những kỷ niệm tốt lành về Việt Nam, đất nước và con người (2).

2002 : mượn Hoa đào và Chim xanh của Nguyễn Du để vinh danh mỹ thuật Việt Nam

*Vẽ chi một đóa yêu đào
Vườn hồng chi dăm ngăn rào chim xanh*
("Truyện Kiều", câu 503-504)

Với tư cách là một trong hai người đứng ra tổ chức triển lãm "Các nền mỹ thuật Việt Nam, Hoa đào và Chim xanh", Jean-François Hubert, sau khi đọc được câu thơ Kiều (lời Kiều nói với Kim Trọng), đã quyết định mượn hình tượng Hoa và Chim ấy làm nhan đề phụ cho cuộc triển lãm lần thứ nhì, từ tháng 4 đến tháng 8-2002, mà Viện bảo tàng hoàng gia Mariemont dành riêng cho Việt Nam (3).

Phong phú hơn hẳn lần trước, Jean-François Hubert và Catherine Noppe đã tập hợp được 200 tác phẩm và hiện vật từ 5 viện bảo tàng Bỉ (Viện bảo tàng hoàng gia Mariemont, Viện bảo tàng hoàng gia Nghệ thuật và Lịch sử Bruxelles), Pháp (Viện bảo tàng Cernushi, Paris), Việt Nam (Viện bảo tàng Lịch sử Việt Nam, Hà Nội) và từ nhiều bộ sưu tập mỹ thuật của tư nhân ở một số nước châu Âu và Việt Nam, liên quan đến nhiều thời đại, thời kỳ, loại hình mỹ thuật và sắc dân.

Cuốn Catalô, do C. Noppe và J-F. Hubert chủ biên, đã được 13 chuyên gia Bỉ, Pháp và Việt tham gia viết bài nghiên cứu về các đề tài : sự hình thành Việt Nam ; văn hóa Đông Sơn ; đồ đồng và đồ gốm Giao Chỉ (thời Bắc thuộc) ; gốm sứ các thời Lý, Trần, Lê, Nguyễn ; kiến trúc và điêu khắc của người Việt ; mỹ thuật và tôn giáo Champa ; Victor Tardieu và Trường Mỹ Thuật Đông Dương ; nghệ thuật trang phục các sắc dân thiểu số.

Lần đầu tiên các tác phẩm và hiện vật tiêu biểu như gốm sứ Hậu Lê, đồ trang sức và kim loại quý hiếm của Champa được phân tích bằng những kỹ thuật hóa học và vật lý học hiện đại nhất, kể cả sử dụng máy gia tốc cộng hưởng (cyclotron).

2003 : "Những nền mỹ thuật của Việt Nam", một tác phẩm xuất sắc của hai tác giả Bỉ, Pháp

Sau khi tổ chức thành công cuộc triển lãm "Hoa đào và Chim xanh" tại Viện bảo tàng hoàng gia Mariemont (xuân-thu 2002) và cho phát hành



Thần Tara
Đông Dương
(tk 9-10)



cuốn Catalô đẹp đẽ của cuộc triển lãm, Catherine Noppe và Jean-François Hubert đã cùng biên soạn một công trình văn hóa khác nhau đề *Arts du Vietnam* (Những nền mỹ thuật của Việt Nam), do nhà xuất bản Parkstone Press Ltd ở New York ấn hành vào mùa xuân 2003. Sách dày 271 trang, khổ lớn, được minh họa bằng 287 hình ảnh, 3 bản đồ, một bản biên niên so sánh mỹ thuật thế giới Trung Quốc-Việt Nam-

Champa. Liền ngay sau đó, bản nguyên tác tiếng Pháp đã được dịch sang nhiều thứ tiếng.

Nhìn cấu trúc cuốn sách, người ta thấy hai tác giả đã lướt nhanh qua các thời đại Hùng Vương, Lý-Trần và nền mỹ thuật các sắc dân thiểu số ở Việt Nam. Bù lại họ đã dừng lâu hơn và đã nghiên cứu khá kỹ lưỡng mỹ thuật các thời Hậu Lê và Nguyễn. Mỹ thuật thời Pháp thuộc được giới thiệu phong phú và công phu nhất bên cạnh những trang đẹp đẽ về nền mỹ thuật Champa rực rỡ, cũng như những trang sắc sảo về gốm sứ Việt ở các thời Bắc thuộc, Lý, Trần, Lê, Nguyễn với nhiều thông tin quý hiếm và hình ảnh minh họa rất đẹp. Về kiến trúc và điêu khắc, rất tiếc là đã thiếu vắng nhiều pho tượng Phật, tượng Tổ và La Hán nổi tiếng ở các chùa (Mía, Tây Phương, Bút Tháp...) và rất nhiều kiệt tác chạm khắc gỗ vô cùng độc đáo ở các đình làng (Tây Đằng, Chu Quyến, Thổ Hà...).

Mặc dù chưa hoàn hảo, giới Việt Nam học và Đông phương học đã đồng ý rằng đây là một thành tựu đáng trân trọng, một tác phẩm lịch sử mỹ thuật không thể thiếu trong các thư viện công cộng cũng như trong tủ sách của những ai muốn tìm hiểu thêm về văn hóa nghệ thuật của người Việt và các sắc dân khác ở Việt Nam.

2003 và 2004 : hai cuộc triển lãm về văn hóa nghệ thuật Việt Nam lớn nhất tại Bỉ và Áo

Trong hai năm 2003 và 2004, hai nhà văn hóa học Bỉ và Áo, Miriam Lambrecht và Christopher Schicklgrüber, đã thực hiện hai cuộc triển lãm về văn hóa nghệ thuật Việt Nam có lẽ lớn nhất từ trước đến nay. Đó là :

- Cuộc triển lãm "Việt Nam, mỹ thuật và những nền văn hóa, từ tiền sử đến ngày nay" tại thủ đô Bruxelles, Bỉ, từ 17-9-2003 đến 29-2-2004, với 442 tác phẩm và hiện vật.

- Cuộc triển lãm "Sự mê hoặc của Việt Nam, Thần linh, Anh hùng, Tổ tiên" tại thành phố cổ Leoben, Áo, từ 3-4-2004 đến 1-11-2004, với 802 tác phẩm và hiện vật.

Từ nhiều năm qua, các nhà văn hóa học, bảo tàng học, chuyên gia lịch sử nghệ thuật châu Á tại các viện bảo tàng hoàng gia Bỉ và các viện bảo tàng mỹ thuật và dân tộc học Áo đã có ý định hợp tác dàn dựng một cuộc triển lãm toàn

cảnh và tương đối đầy đủ về văn hóa văn minh Việt Nam. Cuối cùng ước muốn này đã trở thành hiện thực... sau 10 năm quyết tâm và kiên nhẫn. Đó cũng là thời khoảng kỷ lục mà ít có những nhà văn hóa phương Tây có thể chờ đợi và chấp thuận.

Công lao đầu tiên là của nữ tiến sĩ Miriam Lambrecht, người Bỉ, thuộc Viện bảo tàng hoàng gia Nghệ thuật và Lịch sử Bruxelles. Nhưng công lao lớn nhất có lẽ thuộc về tiến sĩ Christian Schicklgrüber, người Áo, thuộc Viện bảo tàng dân tộc học Vienne. Cả hai cùng là trưởng ban tổ chức và đồng chủ biên cuốn Catalô đồ sộ của hai cuộc triển lãm được viết bằng bốn thứ tiếng (Pháp, Hà Lan, Đức, Anh).

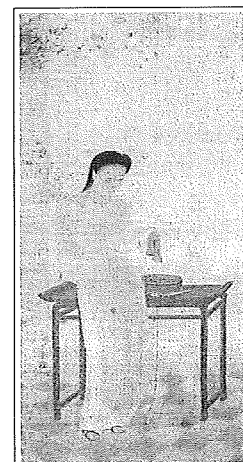
Trả lời nhà báo Việt Nam, hai vị này cho biết họ đã làm việc ròng rã trong suốt 10 năm trời, từ 1993 đến 2003, với các đối tác Việt Nam, đã lặn lội đến nhiều viện bảo tàng, nhiều đình chùa đền cổ xưa ở Hà Nội và nhiều địa phương để lùng tìm và phát hiện những tác phẩm mỹ thuật và hiện vật dân tộc học tiêu biểu chưa được quần chúng phương Tây biết tới. Phải chờ đến năm 2000 những cuộc tiếp xúc với các đối tác Việt Nam mới thu được những tín hiệu khả quan (4).

Hai vị đại sứ Bỉ và Áo cũng đã phải nhập cuộc thương thuyết, đàm phán để ước muốn của các nhà văn hóa học Bỉ và Áo trở thành hiện thực. Cuối cùng phía Việt Nam đã chấp nhận sửa đổi luật lệ, cho phép mượn và đưa cổ vật ra nước ngoài ; phía Bỉ và Áo đã đồng ý chi trả số tiền bảo hiểm lên đến gần 6 triệu USD, đó là chưa kể đến những chi phí khác cũng tốn hàng triệu euros.

Khi được hỏi lý do tổ chức cuộc triển lãm này, nữ tiến sĩ M. Lambrecht khiêm nhường cho biết : "Sở dĩ có cuộc trưng bày này là vì các Viện bảo tàng hoàng gia Bỉ (Bruxelles và Mariemont) đang sở hữu một bộ sưu tập có một không hai về đồ đồng Việt cổ và gốm sứ Việt Nam từ thế kỷ 14 trở về trước...", khoảng 3.000 tác phẩm và hiện vật.

Ban tổ chức Bỉ-Áo nhấn mạnh : "Chúng tôi mong muốn trình bày cho bằng được một bộ mặt khác của Việt Nam. Để thực hiện điều đó, chúng tôi đã phải tập hợp những cổ vật từ nhiều nguồn, chẳng những từ Việt Nam (13 bảo tàng) mà còn từ 8 bảo tàng lớn ở châu Âu (London, Paris, Đức, Hà Lan, Thụy Sĩ, Thổ Nhĩ Kỳ) và từ nhiều bộ sưu tập tư nhân ở châu Âu".

Tiến sĩ C. Schicklgrüber cho biết ông đã đến Việt Nam tháng 5-2000 với bản đề cương cuộc triển lãm tại Bỉ và Áo và tìm gặp các đồng nghiệp Việt Nam đề nghị họ góp ý. Sau đó ông đã để ra ba năm (2001-2003) đi thăm các bảo tàng Việt Nam để tuyển chọn, đàm phán mượn tác phẩm và hiện vật. Phải chờ đến tháng 6-2003 những cổ vật đầu tiên của Việt Nam lên đường sang Bỉ (5).



Thiệu nữ (1945)
Le Văn Đệ
Tranh lụa 96x39cm

Tổng cộng có tất cả 416 tác phẩm thuộc các thời kỳ tiền sử và lịch sử, các nền văn hóa nghệ thuật nhiều sắc dân của Việt Nam : đồ đồng, gốm, sứ, tranh tượng, y phục, nhạc khí... mà Việt Nam đã cho Bỉ và Áo mượn.

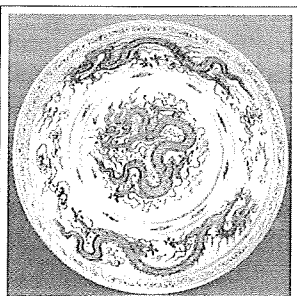
Người xem đến từ nhiều quốc gia châu Âu và du khách quốc tế đã vô cùng thích thú khi ngắm nhìn những trống đồng Hoàng Hạ, Ngọc Lũ, Vienne (trước đây quen gọi là trống Gillet) tượng trưng cho văn minh và tâm hồn người Việt cổ. Những tác phẩm gốm, sứ các thời Lý, Trần, Lê (Bát Tràng, Chu Đậu) được trưng bày hài hòa với những pho tượng Chăm điêu luyện, bên cạnh những tác phẩm hội họa cổ điển và dân gian vô cùng đa dạng của các sắc dân Việt Nam... mà hình ảnh được ghi lại đẹp đẽ trong tập Catalô in ấn công phu, chân xác.

Nội dung khoa học và thẩm mỹ của cuốn Catalô phong phú này có được là nhờ sự đóng góp của 13 nhà văn hóa, nhà nghiên cứu Bỉ, Áo, Anh, Pháp, Việt có uy tín. Những chủ đề lớn đã lần lượt được đề cập tới là : lịch sử Việt Nam từ cội nguồn đến ngày nay ; thương mại và trao đổi trong lịch sử Việt Nam ; dẫn nhập vào lịch sử văn hóa Việt Nam ; âm nhạc và kịch nghệ ở Việt Nam ; các tôn giáo, tín ngưỡng và sự thờ cúng ở Việt Nam ; Việt Nam một đất nước đa sắc tộc, đa văn hóa, làng Việt Nam giữa truyền thống và hiện đại...

Tuy vậy, trong cuộc triển lãm "Việt Nam, mỹ thuật và những nền văn hóa, từ tiền sử đến ngày nay" tại thủ đô Bruxelles (Bỉ) có một nốt nhạc sai. Đó là những người tổ chức đã dành cho phần đầu của triển lãm quá nhiều hình ảnh về chiến tranh, bạo lực, tàn phá và chết chóc tại Việt Nam khiến một số người xem cho đó là một việc làm "lạc đề", "lên gân" hay "tuyên truyền" không cần thiết, không đúng chỗ trong một không gian trưng bày rộng 150 m². Sự bất bình này đã được thể hiện khi xem, rồi trong cuốn Sổ Vàng góp ý của cuộc triển lãm.

Nhạy bén trước phản ứng của những người xem chỉ muốn tiếp xúc với "nghệ thuật và các nền văn hóa của Việt Nam" ấy, ban tổ chức cuộc triển lãm "Sự mê hoặc của Việt Nam, Thần linh, Anh hùng, Tổ tiên" ở Áo đã rút kinh nghiệm và thực hiện những điều chỉnh cần thiết để phù hợp với nội dung một cuộc triển lãm về văn hóa và nghệ thuật đúng nghĩa.

Về địa điểm, lúc đầu cuộc triển lãm được dự định tổ chức tại thủ đô Vienne, nhưng nhân dịp thành phố cổ kính nhất của Áo là Leoben vừa tròn 1.100 tuổi (904-2004), ban



Sứ Hậu Lê
Thế kỷ 15, Ø 37,7 cm
(Chu Đậu, Hải Dương)

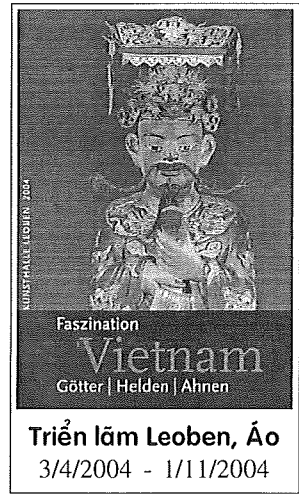
tổ chức đã quyết định đưa về Lâu Đài Mới (Neue Hofburg) của thành phố cổ Leoben, nơi tọa lạc Thư viện quốc gia và Viện bảo tàng mỹ thuật của thành phố. Từ đó cuộc triển lãm hoành tráng về văn hóa nghệ thuật của Việt Nam đã được đưa lên hàng đầu danh mục 100 sự kiện tiêu biểu nhất trong năm 2004, năm sinh nhật thứ 1.100 của thành

phố Leoben, với hội chợ, dạ hội, diễu hành, sinh hoạt văn hóa và lễ hội đa dạng.

Cuốn Catalô "Sự mê hoặc của Việt Nam...", lần này được in bằng tiếng Đức và Anh, trình bày rất mỹ thuật, trong đó có ba bài viết mới của tiến sĩ thị trưởng Leoben, giáo sư tổng giám đốc Các viện bảo tàng dân tộc học Vienne, và bài dẫn nhập của tiến sĩ C. Schicklgrüber vinh danh đất nước và văn hóa Việt Nam đồng thời đề cao giá trị những bài viết của các nhà bác học và chuyên gia Bỉ, Áo, Anh, Pháp, Việt khác viết trong Catalô.

Cuộc triển lãm tại Áo đã qui tụ hàng chục vạn người xem. Người Áo đã thực sự quan tâm đến văn hóa Việt Nam và cuộc gặp gỡ "Thần linh, Anh hùng và Tổ tiên" của Việt Nam trên đất Áo, với 416 tác phẩm đến từ Việt Nam cộng với 386 hiện vật của 8 Viện bảo tàng nổi tiếng của châu Âu (6), là một vinh dự hiếm có và cũng là niềm tự hào chính đáng dành cho Việt Nam văn hiến ngàn năm.

Lê Văn Hảo (Paris)



Chú thích và tham khảo :

- (1)- Catherine Talon-Noppe và Françoise Fauconnier (biên soạn), *La Voix des Tambours*, Vietnam-Indonésie-Pacifique, Musée Royal de Mariemont, 1983, 99 tr.
- Nhiều tác giả, Bertrand de Hartingh chủ biên, *Vietnam 20^e siècle, Arts Plastiques et Visuels de 1925 à nos jours*, La Lettre Volée, Bruxelles, 1998, 216 tr.
- Catherine Noppe và Jean-François Hubert (chủ biên), *Arts du Vietnam, la Fleur de pêcher et l'Oiseau d'azur*, nhà xuất bản La Renaissance du Livre và Musée royal de Mariemont, 2002, 196 tr.
- Miriam Lambrecht và Christian Schicklgrüber (chủ biên), *Vietnam - Art et Cultures de la préhistoire à nos jours*, Bruxelles, nhà xuất bản Snoeck, 2003, 272 tr.
- Miriam Lambrecht và Christian Schicklgrüber (chủ biên), *Faszination Vietnam, Götter, Helden, Ahnen*, Leoben, nhà xuất bản Snoeck, 2004, 277 tr.
- (2) Văn Ngọc, "Triển lãm Việt Nam thế kỷ 20, 1925-1998", tạp chí *Diễn Đàn*, Paris, số 80, tháng 12-1998.
- (3) Catherine Noppe và Jean-François Hubert, *Arts du Vietnam*, Parkstone Press, New York, 2003, 271 tr.
- (4) Nguyễn Hữu Thái, "Đưa phố cổ Hà Nội sang châu Âu", *Tuổi Trẻ Chủ Nhật*, số 4, 2004.
- (5) Trần Đức Anh Sơn, "10 năm cho một triển lãm Việt Nam tại Áo", *Tuổi Trẻ Chủ Nhật*, số 14, 2004.
- (6) Tại Bruxelles, số lượng tác phẩm và hiện vật trưng bày là 442, tại Leoben ban tổ chức đã nâng con số này thành 802 nhờ sự đóng góp của Viện bảo tàng dân tộc học Vienne (Áo), nơi tàng trữ hàng trăm hiện vật Việt Nam.

Trên từng cây số

Rất khó có một cái nhìn tổng quát về nạn mãi dâm hiện nay tại Việt Nam, vì nó sinh hoạt rất kín đáo. Nhưng khi tấm màn bao phủ bên ngoài được vén lên, người ta sẽ chứng kiến một sự thật kinh hoàng : nghề mãi dâm xuất hiện ở khắp mọi nơi và dưới mọi hình thức. Theo cách nói dân gian, nó đã vượt trên từng cây số vì không còn giới hạn luân lý hay pháp lý nào có thể ngăn cản. Báo động !

Một sinh hoạt rất là náo nhiệt

Hiện nay không nơi nào trong nước không có nạn mãi dâm : từ Cà Mau đến biên giới Trung Quốc, từ thành thị xuống thôn quê, từ đồng bằng lên miền núi, từ trường học đến các hàng quán. Ai cũng biết sự nguy hại của các bệnh truyền nhiễm qua đường tình dục, nhưng chẳng ai lo sợ, "trời kêu ai người nấy dạ".

Trong thực tế cũng ít ai sử dụng cụm từ "mãi dâm" để nói đến nghề này, người trong nước dùng những danh xưng rất lịch sự : quan hệ và tâm sự, để ám chỉ sinh hoạt mua bán xác thịt này. "Quan hệ" có nghĩa là làm tình chứ không phải là giao tiếp hay trao đổi ngoại giao gì cả, và chỉ dành riêng cho các cô gái trẻ tuổi mà thôi. Khi đã quá 30 tuổi, vì hoàn cảnh phải tiếp tục bán dâm, các cô chỉ có thể "tâm sự" mà thôi, nghĩa là dùng miệng lưỡi để "nói chuyện" với bộ phận sinh dục của người đàn ông.

Tại Sài Gòn, dịch vụ mãi dâm không bao giờ ngừng nghỉ. Những kỹ nữ có đủ khả năng "quan hệ" thường tụ tập một cách kín đáo quanh những "bãi đáp" dọc các đường Hàm Nghi, Nguyễn Bình Khiêm, Lê Duẩn, Nguyễn Thị Minh Khai, Nguyễn Trọng Tuyển, Tú Xương, Nguyễn Thông, Nguyễn Chí Thanh... Xa trung tâm thành phố là những "chợ tình" : Ngô Quyền, Cầu Thị Nghè, các khu Bình Hưng Hòa, Gò Vấp, Bình Thới, Bình Quới, Thanh Đa, Tân Bình, Bình Thạnh... Về đêm các cô tràn đường phố, trà trộn với khách qua đường, kiếm khách. Phải có con mắt tinh đời lắm mới biết hoa nào là "bướm đêm". Để tránh công an, những cô "gái Attila" (lái xe gắn máy hiệu Attila của Đại Hàn) lượn quanh các đường phố của Quận 1, từ Dinh Thống Nhất đến đường Lê Duẩn, từ đường Đồng Khởi (Tự Do cũ) đến bến Bạch Đằng, để chào hàng. Những người chỉ có khả năng "tâm sự" thì tập trung quanh các công viên hay trạm đón xe về đêm để hành nghề : công viên Con Rùa, công viên 23 tháng 8, các công viên chung quanh dinh Thống Nhất, khu Tân Bình, Gò Vấp...

Miền Bắc cũng không thua gì. Trên đường 5 từ Hà Nội ra Đồ Sơn khoảng 10 cây số, các động chứa gái tại đây mặc dù làm việc ngày đêm vẫn không thể thỏa mãn yêu cầu của khách chơi, từ 300 đến 500 người mỗi ngày. Đa số khách chơi tại đây là cán bộ nhà nước vì các số xe đều mang biển màu xanh. Khu Phố Nối đường 5, còn có tên "chợ khoái lạc", là nơi buôn bán thể xác phụ nữ một cách công khai và rầm rộ. Bãi biển Đồ Sơn, khu du lịch đẹp nhất

nước, là một ổ mãi dâm đồ sộ : các Khu 295, Khu 1, Khu Bến Nghiêng, Khu Xây Dựng ven bờ biển K2.

Miền thượng du Cao Bằng, Lạng Sơn cũng có mãi dâm, nhưng cách gọi này còn khá xa lạ với người thiếu số. Các cô gái thiếu số thường xin "bao cao su" và mời "quan hệ" ngay trong khu rừng gần đấy. Cao nguyên miền Trung (Gia Lai, Xuân Lộc, Đồng Nai) cũng có mãi dâm, những thiếu nữ gốc thiếu số đứng ngồi dọc các quốc lộ chờ khách mua hoa, khi đã đồng ý giá cả khách vào những căn chòi gần đó, chỉ có một cái võng, để quan hệ. Đà Lạt, thành phố sương mù, cũng không tránh khỏi nạn mãi dâm, các quán "cà phê tình" mọc lên khắp nơi (Tây Thi, Bông Hồng giấy, Tây Hồ, Trà Mi) khách muốn gì cũng có.

Đồng bằng sông Cửu Long thì khỏi nói, dịch vụ đưa gái quê ra thành phố bán cho đàn ông nước ngoài hay sang Campuchia hành nghề mãi dâm rất thịnh hành. Tại Cần Thơ, thủ đô miền Tây (Tây Đô), các động mãi dâm tập trung quanh quận Ninh Kiều, đặc biệt là trên đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, dưới hình thức những quán cà phê. Khu vực Cầu Dơi, thị xã Tân An, tỉnh Long An, trên Quốc lộ 1A, còn có tên là "xa lộ tình", xác thịt phụ nữ chỉ là một món hàng được trao đổi hay mua bán một cách bình thường.

Đáng lo lắng nhất là phong trào gái mãi dâm vị thành niên. Tỷ lệ các bé gái tuổi từ 13 đến 16 lén lút hành nghề mãi dâm và có bầu phải phá thai rất cao : 70% các vụ phá thai. Lý do bán thân các các em này chỉ giản dị là để có tiền ăn diện và sắm xe gắn máy.

Một sinh hoạt thiên hình vạn trạng

Vì bị cấm đoán, Việt Nam có lẽ là quốc gia có nhiều hình thức mua bán dâm độc đáo nhất thế giới. Những gì liên quan đến dịch vụ "ôm", trừ nghề lái xe ôm, đều là mãi dâm. Giá từ 100.000 đồng (cho một lần) tới một triệu (nếu qua đêm).

Từ thành thị đến thôn quê, nơi nào cũng có quán bia và cà phê karaoke ôm. Đây là những tụ điểm mua bán dâm trá hình được các cơ quan chính quyền địa phương bao che, vì đây là một nguồn lợi rất lớn mà không viên chức chính quyền địa phương nào có thể bỏ qua. Biến thể của những quán bia và cà phê ôm này là các quán "cà phê võng", "cà phê chòi", "cà phê chuồng", "cà phê mùng" và "cà phê giường". Gần đây còn đẻ ra nghề "ngủ trưa ôm" dành cho những ai muốn co giãn giữa hai buổi làm việc. Ngoài ra còn có các nghề "bi da ôm", "cắt tóc ôm". Có nơi "cắt tóc bằng răng", nghĩa là thụ dâm bằng miệng. Ở Hà Nội còn có nghề "bơi ôm" trong các hồ bơi công cộng Tây Hồ, Bách Khoa, Thăng Lợi, Thái Hà và trong các khách sạn Daewoo, Ngọc Khánh, Bốn Mùa, Sao Mai..., các cô mặc áo tắm hở hang đi nhón nhờ mời gọi hàng ôm, trên bờ hoặc dưới nước. Tất cả các nghề "ôm" này chỉ có một mục đích

là để khách mua dâm được thỏa mãn tình dục trong một không gian nhỏ hẹp và một thời gian ngắn ngủi.

Những ai không thích ôm thì tìm những dịch vụ mãi dâm khác kín đáo và lịch sự hơn. Các cô này thường rất trẻ đẹp, có điện thoại di động, tâm hoạt động vừa rộng vừa xa, dễ trá hình khi phải ra vào khách sạn. Có nhiều loại mãi dâm trá hình, từ sang đến bình dân : *gái gọi* (call girl) chỉ dành riêng cho cán bộ cao cấp hay khách nước ngoài đặc biệt ; *người mẫu*, hay *bướm đêm*, là những cô gái bán bar rất xinh đẹp, dáng người cao thon và mảnh khảnh, giá khá đắt khi muốn quan hệ ; *gái bao* là những cô gái bán bar được khách Hồng Kông, Đài Loan, Đại Hàn bao sống chung một thời gian đến khi về nước ; *gái BR* (Bartender) hành nghề tiếp thị rượu bia, thường là các loại rượu đặc tiền (Cognac XO, tẹt lăm cũng Rémy Martin) có thể được quan hệ nếu có yêu cầu ; *gái mát xa* (massage) *dạo*, vừa xoa bóp vừa bán dâm khi cần ; các cô *bán vé số dạo*, thường là các bé gái sẵn sàng bán vé số liền nơi nào khách muốn.

Riêng tại các vũ trường, discothèque, các cô phục vụ tại đây thì bắt cần đời, muốn quan hệ hay tâm sự gì cũng được miễn sao có tiền để mua ma túy và thuốc gây ảo là được. Khách tại đây thường người nước ngoài, Việt kiều và những người kiếm tiền dễ dàng. Giá một vé để tâm sự cho hai giờ là 100 USD, muốn đi xa hơn thì 500 USD.

Dịch vụ sex hiện đang lan tràn trên Internet, khách chơi có thể *chat* để tìm người vừa ý. Trong các quán café-internet, các cô bé còn vạch áo, vạch quần khêu dâm bằng webcam trên mạng. Trên đường phố các cô gái choai choai cố tình ăn mặc hở han khêu gợi khách bộ hành.

Những phụ nữ có tiền, tuổi từ 40 đến 60, muốn tìm của lạ, có thể tìm trai mãi dâm. Hạng sang là dân nhảy tại các trường dạy nhảy, nếu chi đẹp các bà có thể bao luôn về nhà làm của riêng. Bình dân hơn là những thanh niên đứng trên các đường Lê Duẩn, Nguyễn Bình Khiêm, gần Sở Thú, Cầu Thị Nghè... và trong một số bar chuyên biệt về đêm chờ khách. Có cả một website sex nam và của giới đồng tính luyến ái nam (gay).

Lấy chồng Đài Loan

Lấy chồng Đài Loan ngày nay không còn xa lạ đối với một ai. Phong trào này đã có từ hơn 10 năm qua. Hiện nay trên toàn quốc, thật ra là toàn miền Tây, khoảng 100.000 cô gái Việt Nam đã lấy chồng chính thức sang Đài Loan. Chỉ riêng tại Cần Thơ, nếu tính từ 1995 đến nay đã có hơn 30.000 cô lấy chồng Đài Loan. Tây Ninh cũng không thua gì, hơn 20.000 thiếu nữ từ các huyện Gò Dầu, Tân Biên, Bến Cầu, Hòa Thành "lên xe hoa" về Đài Loan.

Tại Sài Gòn, từ 6 giờ sáng, từng đoàn thiếu nữ từ miền Tây lên, có lúc có cả trăm cô, ăn mặc chỉnh tề, đến tụ tập trên các đường An Dương Vương, Trần Phú, Mũi Tàu, An Bình (cách chợ An Đông chừng 100 mét) chờ được "chồng Đài Loan" xem mặt. Từ 8 giờ sáng trở đi, từng đoàn xe ôm xà tới chở các cô đi biệt tích, rồi một vài giờ sau chở một vài cô đó trở về... vì không được chọn. Cứ thế đoàn xe ôm hoạt động liên tục từ 8 giờ sáng đến 11 giờ trưa rồi chấm dứt, cô nào không được chọn thì đón xe về quê để tờ mờ

sáng hôm sau trở lại.

Dịch vụ này không tình cờ, tất cả đều được tổ chức rất qui củ. Các cô đã được các bà mối tiếp xúc từ dưới quê, đưa lên Sài Gòn để gả, thật ra là bán, cho người Đài Loan. Nếu thành công, sau khi trừ mọi chi phí gia đình mỗi cô nhận được từ 100 đến 200 USD. Những cô bị từ chối thường được "hướng dẫn" hành nghề mãi dâm ngay trong nước hoặc Campuchia để trả nợ.

Tuy vậy chồng Đài Loan chỉ được các cô gái Việt Nam xếp vào loại 3, nghĩa là không có gì danh giá cho lắm. Loại 2 là những người đàn ông châu Á khác (Trung Quốc, Hồng Kông, Đại Hàn, Mã Lai...), chịu chi tiền hơn. Loại 1 là người châu Âu (Mỹ, Pháp, Úc) sẵn sàng trả giá cao và được đưa vào những nơi "sang trọng".

Lý do lấy chồng Đài Loan rất giản dị, các cô gái quê muốn thoát khỏi cảnh nghèo khó tại nông thôn (làm quần quật suốt ngày chỉ kiếm được cao lắm từ 2.000 đến 5.000 đồng, tức 0,30 cent USD) và hưởng cuộc sống tiện nghi ở nước ngoài. Hơn nữa nếu có cơ hội các cô sẽ tìm cách đưa cả gia đình sang Đài Loan kiếm tiền. Ngày nay chỉ có tiền là trên hết, các cô gái quê sẵn sàng lấy bất cứ ai và làm bất cứ nghề gì, kể cả nghề mãi dâm, để có được nhiều tiền gửi tiền về cho gia đình xây nhà cất phố, hay để làm vốn riêng. Mặc dù có thể bị bạc đãi hay bị rao bán trên mạng internet như người ta được biết, phần lớn các cô gái Việt Nam vẫn thích ở lại Đài Loan vì có thể kiếm tiền dễ dàng hơn tại quê nhà.

Thấy gì qua hiện tượng này ?

Phong trào mãi dâm lên cao tại Việt Nam không phải tình cờ. Đó là hậu quả của một xã hội bế tắc và cũng là phản ứng trước một xã hội cửa đầy bất công. Ai cũng muốn có một cuộc sống bình thường, đủ ăn đủ mặc, nhưng tổ chức xã hội Việt Nam ngày nay không cho phép những người làm ăn lương thiện có một chỗ đứng xứng đáng. Trước mắt họ là các cấp chính quyền, từ trung ương đến địa phương, duy trì một kỷ luật sắt để độc quyền vơ vét thật nhiều tiền và của cải vào túi riêng. Vì không thể chống đối lại chính quyền, người dân chỉ biết tìm quên trong những thú vui vật chất, nhậu nhẹt và truy hoan. Một hiện tượng chung là không còn ai nghĩ đến tương lai đất nước, kể cả những người trong chính quyền. Mạnh ai nấy sống.

Trước nhu cầu tìm kiếm khoái lạc, Việt Nam là vùng đất tốt để phong trào mãi dâm phát triển. Những thiếu nữ không có công ăn việc làm ở thôn quê dễ sa vào cạm bẫy mãi dâm, vì đây là một nghề không cần nhiều vốn và kinh nghiệm nhưng có thể mang lại rất nhiều tiền nếu gặp may (khách hào hoa hay người nước ngoài). Một sự thật đáng buồn khác là phần lớn những người hành nghề mãi dâm tại Việt Nam là do tự nguyện, đó đó không ai có thể ngăn cản được, họ bất chấp luân thường đạo lý và pháp luật.

Dù sao trách nhiệm chính vẫn thuộc về chính quyền : bất lực trong việc bài trừ tham nhũng và tạo ra công ăn việc làm, dân chúng mất lòng tin vào tương lai đất nước nên sẵn sàng làm bất cứ việc gì miễn là có tiền.

Hà Ngọc Báu (Bruxelles)

TẤN CÔNG IRAN ?

Với những khó khăn Hoa Kỳ đang gặp phải tại Iraq, câu hỏi có vẻ khôi hài, nhưng đó là giả thuyết mà các cấp lãnh đạo Hoa Kỳ đã đặt ra. Họ đã làm cả một cuộc nghiên cứu về diễn biến và hậu quả nếu một cuộc oanh tạc qui mô Iran được thực hiện. Câu trả lời là Hoa Kỳ có khả năng đánh sập bất cứ một căn cứ nào của Iran những hậu quả thì không tiên liệu được.

Nhưng tại sao vấn đề tấn công Iran lại đặt ra ? Đó là vì từ mấy năm nay Iran không ngừng tích lũy chất uranium tinh luyện và đã ở trình độ có thể chế tạo bom nguyên tử trong vòng một năm. Chính quyền Iran cũng không chối cãi điều này, chỉ nói rằng họ không có ý định chế bom. Nhưng nếu họ chế tạo bom nguyên tử và cung cấp cho quân khủng bố thì sao ? Đó chính là vấn đề.

Trong hiện tại, hầu như không có khả năng nào để Hoa Kỳ oanh tạc Iran cả. Mối nguy đến từ Do Thái. Do Thái vẫn coi Iran là đối thủ đáng ngại nhất và không thể chấp nhận để Iran có bom nguyên tử. Do Thái có thể đánh trước để tiêu diệt khả năng chế bom nguyên tử của Iran. Vấn đề là Do Thái có khả năng làm việc này không ? Giải pháp tối ưu đối với các chiến lược gia là tiếp tay tạo ra một chế độ dân chủ thân phương Tây, nhưng chưa tìm ra đầu cầu.

Một cuộc tấn công dù của Hoa Kỳ hay của Do Thái cũng sẽ củng cố chế độ thần quyền Iraq vì tạo ra một đoàn kết chống kẻ thù chung, quanh các giáo sĩ đang cầm quyền. Có lẽ đó cũng chính là điều hàng giáo phẩm Hồi giáo Iran muốn vì họ đang gặp khó khăn với dân chúng. Các lực lượng đối lập Iran tại hải ngoại quả quyết rằng tỷ lệ dân chúng ủng hộ các giáo sĩ không tới 5%, đại đa số dân chúng thù ghét chế độ thần quyền hiện nay và muốn thay đổi. Đối lập Iran tuy có hơi quá lạc quan, nhưng không xa sự thực bao nhiêu. Iran có truyền thống phân biệt chính quyền và tôn giáo. Trước năm 1979, ảnh hưởng của các giáo sĩ hầu như không đáng kể. Chính những sai lầm và lố lằng của vua Palevi đã giúp cho các giáo sĩ được hỗ trợ và nắm được chính quyền. Nhưng từ 25 qua, đám giáo sĩ này cũng đã quá lộ ng hành và bị thù ghét. Có lẽ vì tự thấy bị cô lập mà họ cần có một kẻ thù chung, dù là Hoa Kỳ hay Do Thái.

ĐỒNG QUAN QUÁ MẠNH ĐỂ LÊN GIÁ

Hoa Kỳ từ lâu đã yêu cầu, kể cả dùng áp lực ngoại giao, để Trung Quốc tăng giá đồng Quan (Nhân Dân Tệ) so với đồng đô la Mỹ (USD). Lý do là vì Hoa Kỳ muốn hàng hóa Trung Quốc lên giá đôi chút cùng với đồng Quan, trong khi hàng xuất cảng của Hoa Kỳ giảm giá cùng với đồng đô la, để giảm bớt thâm thủng ngoại thương.

Nhưng mọi yêu cầu và áp lực vẫn vô ích. Trung Quốc vẫn tiếp tục "nâng đỡ" đồng đô la Mỹ bằng cách tung tiền ra mua đô la để giữ hối suất. Hễ đồng đô la vừa mới xuống giá họ liền bỏ tiền ra mua đô la để nâng giá lên. Kết quả là người ta quay trở lại với tình trạng trước cuộc khủng

hoảng tài chính châu Á năm 1997 : đồng Quan lên và xuống cùng một nhịp với đồng đô la Mỹ. Chính sách của Trung Quốc khiến các nước châu Á khác cũng phải áp dụng chính sách tương tự. Khối thâm thủng ngoại thương khổng lồ của Hoa Kỳ (khoảng 600 tỷ USD mỗi năm) vì vậy ngày càng tăng lên.

Một hiện tượng khác do sự kiện các nước châu Á theo gương Trung Quốc mua đô la Mỹ là Mỹ ngày càng nợ nước ngoài. Theo bộ tài chính Mỹ thì khoảng 3/4 số công kho phiếu của Mỹ do các nước ngoài, chủ yếu là các

nước châu Á, mua vì họ có quá nhiều đô la. Theo Quỹ Tiền Tệ Thế Giới thì các nước châu Á giữ 1.500 tỷ USD dự trữ, trên một tổng số dự trữ thế giới là 2.500 tỷ USD.

Ước mong của Mỹ là thấy đồng Quan lên giá so với đồng đô la, nhưng ước mơ này rất khó thực hiện vì nó tùy thuộc ở hảo ý của Bắc Kinh. Mỹ không làm gì được vì Trung Quốc tuy là nước nghèo nhưng lại quá giàu ngoại tệ.

Ngược lại, Bắc Kinh cũng tùy thuộc rất nặng vào thị trường Hoa Kỳ. Sức mua của Hoa Kỳ mà sút giảm thì Trung Quốc khủng hoảng ngay. Cả hai bên lệ thuộc chặt chẽ vào nhau. Không còn nước nào độc lập nữa.

Câu nói "không có gì quý hơn độc lập tự do" trở thành vô duyên hơn bao giờ hết. Độc lập là điều không thể có, còn tự do là điều nên có, nhưng người Việt Nam muốn có mà không được.

THỔ GỖ CỦA LIÊN HIỆP CHÂU ÂU

Có nên bắt đầu những cuộc hiệp thương để chấp nhận Thổ (Turkey) vào Liên Hiệp Châu Âu ? Đó là câu hỏi quan trọng mà của thành viên trong Liên Hiệp Châu Âu sẽ tìm câu trả lời trong tháng 10 này.

Người châu Âu không có cùng lập trường trên vấn đề này. Những người chủ trương kết nạp Thổ cho rằng Thổ sẽ là thành viên Hồi giáo đầu tiên của Liên Hiệp Châu Âu. Những người chống lại nói chính vì Thổ là nước Hồi giáo nên không phù hợp với các giá trị dân chủ của châu Âu. Phe thuận lý luận rằng Thổ đã làm rất nhiều cố gắng và đạt được rất nhiều tiến bộ cần được tán thưởng : bãi bỏ sự khống chế của quân đội trên chính trị, án tử hình, tra tấn trong các nhà tù ; tôn trọng văn hóa của các sắc tộc thiểu số, đặc biệt là sắc tộc Kurd với 12 triệu dân, và nhất là xác nhận đa nguyên chính trị như là nền tảng sinh hoạt của quốc gia. Về mặt kinh tế, Thổ cũng đã thành công lớn trong hai năm qua, đưa lạm phát từ 45% xuống còn 8%. Thổ cũng là một trong những nước mà kinh tế tăng trưởng nhanh chóng nhất thế giới với 13%. Phe chống đáp lại rằng Thổ còn cần nhiều tiến bộ hơn nữa mới phù hợp với các tiêu chuẩn của Liên Hiệp Châu Âu.

Vấn đề thực sự đặt ra, mà các nhà chính trị cũng như các nhà bình luận không dám phát biểu một cách thẳng thắn, là Hồi giáo có phù hợp với dân chủ không ? Người ta không đồng ý với nhau trên điểm này và vì không thể nói thẳng nên cuộc tranh luận xoay quanh những chi tiết

khác. Hình như cơ một đồng thuận là Hồi giáo không phù hợp với dân chủ, nhưng một phần người châu Âu cho rằng Thổ, nước Hồi giáo lớn nhất và mạnh nhất kế cận với châu Âu, có thể là một mẫu mực để chuyển hóa các nước Hồi giáo khác về dân chủ.

Thổ là một nước quả thực có bốn nghìn năm văn hiến, được thành lập từ thế kỷ 20 trước công nguyên, có lịch sử gắn bó với Hy Lạp, từng lệ thuộc đế quốc Ba Tư và La Mã. Từ thế kỷ thứ 4 sau công nguyên, Thổ trở thành trung tâm của đế quốc La Mã phương Đông, thủ đô đặt tại Istanbul. Đế quốc này tồn tại cho tới 1453 sau khi bị đế quốc Ottoman chinh phục. Sự sụp đổ này đánh dấu sự chấm dứt của một giai đoạn dài một nghìn năm, thường được gọi là thời Trung Cổ. Từ đó Thổ trở thành trung tâm của đế quốc Ottoman lừng lẫy cho tới thế kỷ 19. Trong thế chiến I, Thổ liên kết với khối Trục và bị bại trận, mất gần hết đất đai. Sờ dĩ Thổ còn được lãnh thổ và chế độ như hiện nay là nhờ một thiên tài : Kemal Ataturk. Nhờ liên kết với Nga, ông thu hồi được một phần lãnh thổ hiện nay, nhưng sau đó thiết lập một chế độ dân chủ pháp trị, gạt Hồi giáo ra khỏi chính trị, và chuyển qua thế đồng minh với Mỹ. Thổ là một trong những thành viên của NATO.

Từ tháng 11-2002, Thổ do đảng Công Lý và Phát Triển, một đảng Hồi giáo ôn hòa, lãnh đạo và đạt được những tiến bộ về nhân quyền và kinh tế rất ngoạn mục.

PHILIPPINES ĐỨNG ĐẦU VỀ xuất khẩu lao động

Một tài liệu của Ngân Hàng Phát Triển Châu Á công bố mới đây cho thấy Philippines, với 83 triệu dân, đứng đầu rất xa so với các nước khác về xuất khẩu lao động.

Có hơn 8 triệu người Phi, gần 10% dân số, được gửi đi làm việc tại nước ngoài. Họ gửi về nước hàng năm khoảng 21 tỷ USD, trong đó có 7 tỷ USD qua các ngân hàng. Số tiền người lao động từ nước ngoài gửi về tương đương với 1/3 GDP (tổng sản lượng nội địa) của Phi. Nước tiếp nhận nhiều công nhân Phi nhất là Hoa Kỳ với hơn hai triệu rưỡi người, kế tiếp là Saudi Arabia với một triệu người, Mã Lai 423.000 người và Canada 400.000 người.

Chính quyền Phi coi xuất khẩu lao động là một quốc sách, tạo mọi điều kiện dễ dãi để công nhân xuất ngoại, đặc biệt quan tâm bảo vệ công nhân Phi đi lao động ở nước ngoài. Người ta sẽ hiểu tại sao, là một đồng minh gắn bó với Hoa Kỳ, Phi lại mau chóng rút quân ra khỏi Iraq theo đòi hỏi của quân khủng bố, sau khi một tài xế Phi bị bắt cóc : xuất khẩu lao động là vấn đề sinh tử của Philippines.

Trái với hình ảnh người lao động xuất khẩu kiểu mẫu của Phi trước đây (một phụ nữ lau chùi, quét dọn và làm bếp trong nhà...), thành phần lao động xuất khẩu của Phi ngày nay đa dạng, số chuyên gia, bác sĩ, kỹ sư, giáo sư đi lao động ngày càng nhiều và tỷ lệ ngày càng gia tăng.

Xuất khẩu lao động đang là đề tài tranh cãi lớn tại Phi. Chính quyền và những người ủng hộ chính sách này lý luận rằng người lao động không nhiều thì ít cũng là những người du học. Họ hấp thụ được những phương pháp và kỹ thuật

mới và khi về nước lại có sẵn một số vốn, tạo ra một sức bật cho quốc gia. Trong nhất thời, nhờ số tiền họ gửi về nhà nước có ngân sách để xây dựng trường học, nhà thương và cơ sở hạ tầng.

Những người chống xuất khẩu lao động cho rằng với chính sách này, Philippines trở thành một nước được phân công để phục dịch thế giới và sẽ mãi mãi thua kém. Tinh thần dân tộc bị sa sút vì ngày nay ước mơ của đại đa số thanh niên Phi là được đi làm việc tại nước ngoài và đại đa số những người đi không muốn trở về nước, trừ khi không có chọn lựa nào khác. Họ cũng nêu ra một thảm kịch mà có lẽ người Phi vì quá nghèo nên không nhìn thấy, đó là những gia đình ly tán. Người chồng đi lao động vài năm rồi về nước trông coi gia đình để vợ ra đi. Vợ chồng rất ít gặp nhau. Hơn nữa con cái vì thiếu giáo dục gia đình thường có nhiều khả năng trở thành hư hỏng. Một bất lợi khác là tạo cho người dân, và cả chính quyền, tâm lý lười biếng, trông đợi ở tiền từ nước ngoài gửi về.

Dù ngã về phe nào người ta cũng phải nhìn nhận một hậu quả là khi con người trở thành sản phẩm xuất khẩu thì việc hạn chế dân số không đặt ra. Chỉ sau một thập niên Phi đã qua mặt Việt Nam để trở thành nước đông dân thứ 12 trên thế giới với 83 triệu dân. Vào năm 2050, dân số Phi được ước lượng sẽ là 130 triệu người.

Chính quyền cộng sản Việt Nam hình như cũng đang ráo riết bắt chước Philippines trong chính sách xuất khẩu lao động. Tuy vậy, xuất khẩu lao động không phải là lối đi bắt buộc của những nước châu Á. Nếu có dân chủ và được tổ chức hợp lý, một quốc gia sẽ phát triển mạnh mẽ và cần nhân lực thay vì thừa nhân lực và bối rối vì nạn thất nghiệp. Mã Lai là một ví dụ : Mã Lai đang sử dụng hơn 400.000 công nhân Phi và 100.000 công nhân Việt Nam.

Dự luật Nhân Quyền Việt Nam 2004

Dự luật Nhân Quyền Việt Nam 2004 đã được Hạ viện Mỹ biểu quyết với đa số áp đảo và chuyển qua Thượng viện. Nếu được đem biểu quyết chắc chắn sẽ được thông qua nhanh chóng, tuy nhiên vấn đề là thượng nghị sĩ Richard Lugar, chủ tịch ủy ban ngoại giao Thượng viện, vẫn chưa quyết định đưa dự luật vào nghị trình biểu quyết, trong khi đó thì Thượng viện sắp bãi khóa để bầu lại 1/3.

Một tia hy vọng là đã có bốn thượng nghị sĩ - các ông Sam Brownback, Jeff Session, John Cornyn và bà Elisabeth Dole - đứng ra giới thiệu. Nếu Thượng viện không biểu quyết trước khi bãi khóa thì dự luật sẽ cần được Hạ viện biểu quyết một lần nữa.

Trong quá khứ, một dự luật về nhân quyền cho Việt Nam đã từng được Hạ viện biểu quyết và gửi lên Thượng viện nhưng đã bị thượng nghị sĩ John Kerry, chủ tịch ủy ban ngoại giao, chặn lại không đem biểu quyết.

Xôn xao vì một tiếng "YES"

Ngày 27-9-2004, trong một cuộc phỏng vấn trên đài Fox News, ký giả O'Reilly đã hỏi tổng thống Bush : "Có

phải vì người miền Nam Việt Nam đã không chiến đấu cho tự do nên ngày nay họ không có tự do hay không?". Tổng thống Bush đã trả lời ngắn gọn : "Đúng" (Yes).

Câu trả lời này đã gây xôn xao trong cộng đồng người Việt tại Mỹ mà phần đông dự định bỏ phiếu cho ông. Nhưng người bối rối nhất là những người kêu gọi bỏ phiếu cho Bush, họ cố tình biện bạch rằng tổng thống Bush đã "bị gài" một câu hỏi độc ác, một số khác lên tiếng phản đối.

Tuy nhiên, đây có lẽ là một sự khác biệt về ngôn ngữ và văn hóa. Khi một người Mỹ nói rằng : "Người miền Nam Việt Nam không đấu tranh cho tự do" thì có thể hiểu là "không đấu tranh ở mức độ phải có cho tự do" chứ chưa hẳn là "hoàn toàn không đấu tranh cho tự do". Nếu hiểu như vậy thì tổng thống Bush không hoàn toàn sai.

Sự thực là đã có rất nhiều người miền Nam đấu tranh rất dũng cảm chống lại quân Bắc Việt, nhưng họ là những binh sĩ, hạ sĩ quan hay sĩ quan cấp úy, cấp tá, hoặc những viên chức ở cấp trung bình hoặc không cao lắm. Những người cầm quyền tại miền Nam Việt Nam trước kia đã không đủ ý chí và quyết tâm, và cũng không đặt mục tiêu bảo vệ tự do là trên hết. Họ lợi dụng cuộc đấu tranh vì tự do cho quyền lợi và danh vọng cá nhân thì đúng hơn. Họ luôn luôn đặt những người thân phục họ vào các địa vị cao nhất trong quân đội và chính quyền, dù những người này vừa tham nhũng vừa bất tài. Không thể chối cãi được sự kiện là các cấp lãnh đạo miền Nam Việt Nam thiếu khả năng và ý chí. Hiện tượng các gia đình khá giả mua chỗ lính kiểng, lính ma, cho con cái, hoặc gửi con cái đi du học để trốn lính là một sự thật. Những người đi du học có điều kiện để ở lại nước ngoài sinh sống mà tự nguyện về nước bảo vệ miền Nam không có bao nhiêu. Nói chung thì phải nhìn nhận là miền Nam đã thiếu ý chí tranh đấu. Khi tổng thống Bush nói "người miền Nam không tranh đấu cho tự do" chắc ông muốn nói là miền Nam nói chung.

Tuy nhiên ông Bush quên một điều là chế độ Việt Nam Cộng Hòa chủ yếu đã sụp đổ vì bị Hoa Kỳ bỏ rơi sau hiệp định Paris. Ông Bush tốt nghiệp đại học Yale và cũng đứng đầu môn sử trong kỳ thi tốt nghiệp, tuy nhiên về lịch sử thế giới ông có hiểu biết khá sơ sài.

Điều đặc biệt của cộng đồng người Việt hải ngoại là hay có phản ứng bầu cho cánh hữu vì cho rằng cánh hữu tự nhiên chống cộng hơn cánh tả. Thành kiến này không đúng, chính các tổng thống cộng hòa, Nixon và Ford, đã lấy quyết định bỏ rơi miền Nam Việt Nam. Tại Pháp, thành kiến này cũng không sai. Cánh hữu của tướng De Gaulle luôn luôn ủng hộ phe cộng sản trong cuộc chiến, trong khi đảng Xã Hội Pháp có thái độ thuận cho miền Nam hơn nhiều. Đương kim tổng thống Pháp, Jacques Chirac, là vị nguyên thủ một cường quốc phương Tây duy nhất đã nhiều lần tuyên bố rằng dân chủ là một xa xỉ phẩm đối với các nước chưa phát triển. Pháp hợp tác chặt chẽ với Việt Nam và không hề can thiệp bảo vệ những người dân chủ Việt Nam bị cầm tù trong đợt đàn áp vừa qua, mặc dù một trong những nạn nhân là Phạm Hồng Sơn có vợ làm việc cho cơ quan Pháp thoại tại Hà Nội.

MỸ SỢ VIỆT NAM ?

Những nhà lãnh đạo cộng sản Việt Nam thích nhắc lại huyền thoại Đảng Cộng Sản Việt Nam đã chiến đấu kiên cường làm cho Mỹ sợ phải triệt thoái. Lần này Mỹ chính thức tỏ ra lo ngại, muốn hạn chế quan hệ với Việt Nam nhưng các nhà lãnh đạo cộng sản lại không muốn.

Ngày 15-9-2004, ngoại trưởng Mỹ Colin Powell tuyên bố chính quyền Mỹ liệt kê Việt Nam vào danh sách các nước đáng đặc biệt quan ngại (Countries of Particular Concern-CPC), cùng với các nước Trung Quốc, Miến Điện, Bắc Triều Tiên, Iran, Erytrea và Ả Rập Saudi. Sở dĩ có quyết định này là vì trong bốn năm qua nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam đã tỏ ra đặc biệt thô bạo đối với các tôn giáo. Linh mục Nguyễn Văn Lý bị bắt giam, kết án tù cùng với ba người cháu và còn bị ép buộc viết thư ca tụng chế độ. Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị sách nhiễu thường xuyên, hòa thượng Huyền Quang, 87 tuổi, vẫn còn bị lưu đày dù yếu mệt, hòa thượng Quảng Độ và nhiều vị khác bị quản chế. Riêng đối với đạo Tin Lành thì sự thô bạo đã vượt mọi giới hạn.

Tuy nhiên giọt nước cuối cùng làm tràn ly là "pháp lệnh về tôn giáo - tín ngưỡng" mà nhà cầm quyền cộng sản vừa ban hành, có hiệu lực từ 15-10-2004. Pháp lệnh này là một vi phạm trắng trợn đối với tự do tôn giáo. Nó có thể tóm tắt trong một câu : các tôn giáo làm gì cũng phải xin phép, chính quyền cho phép mới được làm.

Người ta có thể tự hỏi vì lý do gì chính quyền cộng sản lại đưa ra một pháp lệnh đại đột như vậy ? Để cho các tôn giáo tự do trong các hoạt động tôn giáo thì có hại gì cho họ ? Các tôn giáo cho đến nay đã bị chèn ép quá đáng rồi, tại sao cần thêm mức độ khe khắt ?

Câu trả lời có thể giản dị là xã hội dân sự Việt Nam không ngừng tự cởi trói trong suốt 18 năm qua kể từ ngày chính quyền cộng sản bắt buộc phải thi hành chính sách kinh tế thị trường. Sự sợ hãi đã giảm đi rất nhiều. Chế độ ngày càng bị thách thức, do đó phải tìm mọi cách gia tăng kiểm soát. Sự phản kháng dữ dội của dư luận và biện pháp liệt Việt Nam vào hạng các quốc gia đáng lo ngại về mặt nhân quyền này chứng tỏ rằng càng vùng vẫy chính quyền cộng sản càng sa lầy thêm.

PHẠM HỒNG SƠN BỊ NGUY NGẬP

Giữa tháng 8-2004, khi chị Vũ Thúy Hà tới thăm chồng tại nhà tù Ba Sao, chị thấy Phạm Hồng Sơn xanh xao, yếu mệt, đi, lại khó khăn và phải thắt một thắt lưng lớn để ruột khỏi sa xuống. Phạm Hồng Sơn bị bệnh sa đì (hernia) từ lâu nhưng bệnh tình đã trở nên đặc biệt trầm trọng do điều kiện giam cầm. Phạm Hồng Sơn bị biệt giam kể từ ngày bị chuyển tới trại Ba Sao, sau khi bị kết án 5 năm tù về tội gián điệp. Biện pháp biệt giam được áp dụng để trừng phạt Phạm Hồng Sơn vì anh không chịu làm tờ kiểm điểm mỗi tháng. Sơn luôn luôn khẳng định anh hoàn toàn vô tội.

Gia đình hy vọng với bệnh trạng như vậy Phạm Hồng Sơn sẽ được đối xử một cách nhân đạo hơn. Nhưng điều

ngược lại đã xảy ra sau đó, Phạm Hồng Sơn bị chuyển đến nhà tù Yên Định, khoảng 40 cây số phía Tây Bắc Thanh Hóa, cách Hà Nội khoảng 300 cây số. Thăm nuôi trở nên khó khăn vì đường đi Thanh Hóa vừa xa vừa xấu. Hơn nữa đường từ Thanh Hóa đến Yên Định lại cực kỳ xấu, phải gần một ngày đường mới tới được. Điều kiện giam cầm ở Yên Định cũng khắc nghiệt hơn nhiều. Đây là trại tù dành cho thường phạm, sự chăm sóc sức khỏe hầu như không có.

Tin về tình trạng nguy ngập của Phạm Hồng Sơn đã mau chóng được phổ biến, gây xúc động lớn trong dư luận thế giới. Tất cả các tổ chức nhân quyền lớn như Ký Giả Không Biên Giới, Ân xá Quốc tế và Theo Dõi Nhân Quyền đều lên tiếng bày tỏ sự quan ngại và yêu cầu chính quyền Hà Nội trả tự do tức khắc cho Phạm Hồng Sơn.

Tại Canada, bà bác sĩ Lâm Thu Vân, một gương mặt tranh đấu bền bỉ cho dân chủ và nhân quyền, lên tiếng báo động rằng Phạm Hồng Sơn có thể bị nguy hiểm đến tính mạng nếu không được giải phẫu nhanh chóng. Đến nay chính quyền Hà Nội chưa có biện pháp nào, cũng không trả lời các tổ chức chất vấn họ.

Nhắc lại, Phạm Hồng Sơn, 36 tuổi, là một thanh niên rất ưu tú và thành công về sự nghiệp. Sau khi tốt nghiệp bác sĩ y khoa, Sơn hành nghề một thời gian ngắn rồi chuyển qua kinh doanh, đầu tư quản trị và trở thành giám đốc thương mại cho một công ty dược phẩm nước ngoài tại Việt Nam. Đầu năm 2001, Phạm Hồng Sơn ý thức được trách nhiệm của trí thức trẻ đối với đất nước và tham gia cuộc vận động dân chủ. Anh dịch một số tài liệu về dân chủ trên trang nhà của sứ quán Mỹ, đặc biệt là tài liệu "*Thế nào là dân chủ?*" ra tiếng Việt và phổ biến. Phạm Hồng Sơn cũng có dự án thành lập một trang web có tính giáo dục để đóng góp cho tuổi trẻ Việt Nam về những vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa và xã hội.

Ngày 27-3-2002, Phạm Hồng Sơn bị bắt và bị kết tội gián điệp. Việc bắt giam này hoàn toàn tùy tiện và thô bạo, vì những tài liệu anh dịch ra đều là những tài liệu của website của sứ quán Mỹ tại Hà Nội đã được chính quyền Hà Nội chấp nhận. Phạm Hồng Sơn bị giải tòa và bị tuyên án 13 năm tù, anh kháng án và bản án được giảm xuống còn 5 năm tù. Cho tới nay anh đã bị giam hai năm rưỡi.

Mọi người có lương tri đều phải phẫn nộ vì bản án vô lý và cách đối xử dã man này.

Hoàng Tiến không được đi Đài Loan

Nhà văn Hoàng Tiến được mời đi dự Hội thảo văn học châu Á-Thái Bình Dương vào tháng 11 sắp tới. Hoàng Tiến dự định tham luận với đề tài : "*Chủ nghĩa thực dân về văn học tiếng mẹ đẻ*". Ông nộp đơn xin hộ chiếu ngày 4-8-2004 và được hẹn đến 28-8 sẽ có trả lời.

Đúng hẹn, Hoàng Tiến đến lãnh hộ chiếu thì được trả lời là "có vấn đề", phải đợi ý kiến cấp trên. Họ hẹn Hoàng Tiến thêm một tuần nữa. Một tuần sau vẫn không có. Hoàng Tiến làm đơn xin Phòng xuất nhập cảnh cấp nhanh hộ chiếu vì hạn chót để ghi danh làm thủ tục dự hội nghị là 15-9-2004.

Hoàng Tiến không được trả lời, thay vào đó ngày 13-9 được mời lên cục A25 (cơ quan kiểm soát chính trị các văn nghệ sĩ) để làm việc. Ông từ chối, coi đây là một triệu tập lạm quyền vì ông không bị buộc tội gì, cũng không kiện cáo ai và cũng không làm nhân chứng cho một phiên tòa nào. Cuối cùng một đại tá và một đại úy cục A25 thỏa thuận gặp Hoàng Tiến tại một quán cà phê để "trao đổi".

Hoàng Tiến bị chất vấn là trong thời gian qua đã viết những bài nào, nói gì về dân chủ, trả lời phỏng vấn những đài nước ngoài nào. Hoàng Tiến nổi nóng, ông tuy là người tu thiền theo đạo Phật và ăn chay trường nhưng rất trực tính. Viên đại tá bèn nhỏ nhẹ hỏi Hoàng Tiến có biết Bùi Ngọc Tấn được cấp giấy đi Pháp không ? Hoàng Tiến hiểu là họ gợi ý Hoàng Tiến nên "mềm" một chút thì sẽ được cấp hộ chiếu như Bùi Ngọc Tấn. Rồi hai bên chia tay.

Hoàng Tiến kết luận một cách triết gia : "Thôi thì mỗi người một tính" và... ở nhà.

65 TIỆM CAFÉ-INTERNET BỊ ĐÓNG CỬA

Theo tin của đài VOA thì 65 quán café-internet đã bị đóng cửa tại Sài Gòn. Lý do : khách hàng của những quán này đã truy cập những website hoặc dâm ô, hoặc có nội dung chống nhà nước cộng sản. Lý do "dâm ô" chắc chắn chỉ là một lý do, bởi vì Việt Nam ngày nay là một trong những quốc gia có tệ nạn mại dâm lớn nhất, hơn cả Thái Lan. Đối với chính quyền cộng sản Việt Nam, các chủ quán café-internet phải chịu trách nhiệm về những trang web mà khách hàng của họ truy cập. Nói khác đi, họ phải đứng sau lưng từng khách hàng để kiểm soát người đó vào đọc những trang web nào.

Một tổ chức tội phạm người Việt BỊ PHÁ VỠ

Báo *La Dernière Heure* (Giờ Chót) phát hành tại Bỉ ngày 8-9-2004 loan tin một tổ chức tội phạm gồm 5 người đã sa lưới cảnh sát Bỉ. Tổ chức này do Phạm Thân Hải cầm đầu. Bọn chúng chuyên buôn người, bắt cóc, hoặc đe dọa để đòi tiền chuộc. Các nạn nhân có thể ở Việt Nam hay ở nước ngoài, nhưng thân nhân nộp tiền cho chúng luôn ở nước ngoài, và nộp tại Bỉ.

Cảnh sát bắt đầu mở cuộc điều tra khi một phụ nữ 24 tuổi thuộc một đoàn văn nghệ bị mất tích. Cô này sau đó được tìm thấy tại một khách sạn ở Đức khi sắp bị chuyển qua Paris. Cuộc điều tra cho thấy là nhiều người Việt tại Bỉ phải nộp tiền cho chúng vì thân nhân bị bắt cóc tại Việt Nam. Một người Việt khác cũng đã phải nộp cho chúng 15.000 euros vì cha mẹ ở Việt Nam bị đe dọa. Như vậy là tổ chức tội phạm này có những đường dây liên hệ lớn và có móc nối trong nước.

Cảnh sát Bỉ đã phối hợp với cảnh sát Pháp để phá vỡ tổ chức tội phạm này. Phan Thân Hải bị bắt tại Pháp, 4 đàn em bị bắt tại thành phố Ixelles gần sát biên giới Bỉ.

Theo cảnh sát Bỉ, tất cả những tên bắt lương này đều xuất phát từ Hà Nội.

Đốt sách

Ông Nguyễn Khoa Điềm cầm đầu phái đoàn Đảng Cộng Sản Việt Nam qua Pháp hồi đầu tháng 9 vừa qua để dự hội lễ báo *L'Humanité* của Đảng Cộng Sản Pháp. Nhưng đó chỉ là lý do chính thức. Lý do thực sự là ông muốn gặp ông đại sứ Nguyễn Đình Bin.

Ông Điềm và ông Bin cùng tuổi và là bạn thân giao. Cũng như mọi lãnh đạo cấp cao cộng sản, ông Bin tin bói toán, nhưng ông không chỉ tin mà còn là một nhà thông thái về khoa học huyền bí. Ông phối hợp tử vi, tướng số, chỉ tay, bói bài, bói dịch. Ông còn thờ cả ma xó để xin bùa. Vì thế mà ông đoán việc gì cũng đúng.

Hai người gặp riêng, ông Bin nghiêm sắc mặt :

- Cậu đều lắm. Lúc đại hội 9 tớ bị vu oan là thuộc khuynh hướng cởi mở, bị đánh văng khỏi trung ương đảng, hụt ghế ngoại trưởng, mất luôn thứ trưởng. Cậu là con nuôi thằng cai Anh, cầm quyền sinh sát trong tay mà không bênh vực tớ được một tiếng. Bây giờ cậu thấy sắp mắc nạn nên mới tìm tới thằng bạn cũ nhờ bói một quẻ xem hậu vận ra sao chứ gì ? ĐỪNG HỒNG.

Ông Điềm không chịu thua :

- Này, cậu đừng huênh hoang quá sớm. Lê Đức Anh chưa hết thời đâu, phe đảng còn mạnh lắm, Trần Đức Lương còn là chủ tịch nước, Phạm Văn Trà nắm quân đội, Lê Hồng Anh nắm công an, Trần Đình Hoan nắm bộ máy đảng, tớ giữ chủ trương đường lối. Bọn tớ tuy chỉ năm thằng nhưng giữ hết các chức vụ then chốt và chúng tớ cùng một phe. Còn bọn nó tuy có chín thằng trong bộ chính trị nhưng không ăn cánh với nhau, chín người mười ý, làm được cái quái gì ? Nông Đức Mạnh thì nhát như thỏ, Nguyễn Phú Trọng ốm chờ chết, Nguyễn Văn An dính vụ Năm Cam, Trương Tấn Sang có hồ sơ hiếp dâm chưa xử lý, Nguyễn Tấn Dũng lý lịch và bằng cấp khả nghi, Nguyễn Minh Triết cà chớn, Phan Văn Khải cù lần, Phan Diễm cơ hội chủ nghĩa, Trương Quang Được cầu an. Tụi nó ghét bọn tớ thực nhưng bất lực. Cậu coi chừng hố to đấy.

- Thế tại sao cậu lại cần tớ xem bói ?

- Quân tử phòng thân.

Ông Bin chăm chú nhìn ông Điềm rồi gật gù nói : "Thần sắc cậu kém quá, khó qua khỏi hạn này". Sau khi đã khóa kỹ cửa và dặn người nhà không được quấy rầy, ông Bin thấp hương, tập trung tư tưởng, niệm thần chú rồi gieo quẻ :

- Hỏa ! Hỏa ! - ông Bin nói một cách nghiêm trọng. Chắc là ứng vào việc cậu từng ra lệnh đốt sách ? Tội đốt sách nặng lắm đấy, chết chẳng ai thương, tiếng xấu để muôn đời.

Ông Điềm phát cáu :

- Tôi nhờ cậu bói cho một quẻ tương lai chứ có nhờ cậu nói chuyện cũ đâu !

Ông Bin phân bua :

Mục lục

1. Một nhiệm kỳ mới cho Bush ?
Thông Luận
2. Về cuộc chiến tranh ý thức hệ cuối cùng
Nguyễn Gia Kiểng
4. Vụ T4 - Nguyễn Nam Khánh còn gay go
Nguyễn Nam Khánh
8. Thế cân bằng động giữa hai đối thủ
Bùi Tín
10. Một cách đàn áp tôn giáo bằng pháp luật
Châu Tín, Nguyễn Hữu Giải, Phan Văn Lợi
14. Việt Nam dưới mắt người Nhật
Keiko Yoshioda
15. Cuộc họp Á-Âu : vấn đề hội nhập
Nguyễn Văn Hiệp
16. Giải thể Mặt Trận Hoàng Cơ Minh, ra mắt đảng Việt Tân
Nguyễn Văn Huy
- Thơ : Biển đợi chờ
Nguyễn Long Vân
17. 50 năm Tây tiến của Việt Nam
Ya Biloh
20. Ai được ? Ai mất ?
Việt Hoàng
22. Sự quan tâm của người Bỉ và người Áo đối với văn hóa Việt Nam
Lê Văn Hào
26. Trên từng cây số
Hà Ngọc Báu
28. Thời sự quốc tế và Việt Nam
32. Đốt sách
Đáy

- Rõ ràng là mình gieo quẻ hỏi hậu vận. Lạ nhỉ, để mình gieo lại.

Ông Bin lại tịnh tâm, thấp hương khấn vái và gieo quẻ.

- Lại vẫn hỏa, ông Bin nói. Khó hiểu quá !

Hai người im lặng. Chợt như khám phá ra giải đáp, ông Bin vỗ vai ông Điềm :

- Tớ hiểu rồi ! Đúng là hỏa ! Đúng là đốt sách, cậu lại phải đốt sách nữa mới thoát nạn. Phải ra lệnh đốt cuốn sách láo lếu của thằng Đặng Đình Loan đi, nếu không thì phe đảng của Giáp nó làm thịt cậu đấy. Phải đốt tất cả những hồ sơ mà các cậu lập ra để hãm hại người khác. Nhất là phải đốt sạch hồ sơ vụ thẩm sát Tết Mậu Thân ở Huế. Lúc đó tuy cậu mới trẻ ranh nhưng cũng gian ác lắm. Sáu ngàn người bị giết, tội ác đối với nhân loại đấy. Chết đó cậu ạ.

Ông Điềm tái mặt. Ông Bin nói tiếp :

- Nhân tiện, đề nghị cậu đốt luôn mấy tập thơ của cậu đi. Nói thật cậu đừng buồn, thơ cậu thối quá.

Đáy